

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ CÔNG TY ĐẠI CHÚNG



CÔNG TY CỔ PHẦN MIZA

(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0105028958 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hà Nội cấp lần đầu ngày 02/12/2010, đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 19/12/2023)

- Trụ sở chính: Cụm công nghiệp vừa và nhỏ Nguyên Khê, xã Nguyên Khê, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội
- Điện thoại: 0243.965.6121/ 024.965.6131 Fax: 0243.965.6128
- Website: www.miza.vn
- Vốn điều lệ đã góp tại ngày 31/12/2023: 999.199.000.000 đồng *(Bằng chữ: Chín trăm chín mươi chín tỷ một trăm chín mươi chín triệu đồng)*

Phụ trách công bố thông tin:

- Họ tên: Nguyễn Thị Thoa
- Điện thoại: 0982 830 984

Chức vụ: Kế toán trưởng

Hà Nội, tháng 05 năm 2024

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ CÔNG TY ĐẠI CHỨNG



CÔNG TY CỔ PHẦN MIZA

(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0105028958 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hà Nội cấp lần đầu ngày 02/12/2010, đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 19/12/2023)

- Trụ sở chính: Cụm công nghiệp vừa và nhỏ Nguyên Khê, xã Nguyên Khê, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội
- Điện thoại: 0243.965.6121/ 024.965.6131 Fax: 0243.965.6128
- Website: www.miza.vn
- Vốn điều lệ đã góp tại ngày 31/12/2023: 999.199.000.000 đồng (Bằng chữ: Chín trăm chín mươi chín tỷ một trăm chín mươi chín triệu đồng)

Phụ trách công bố thông tin:

- Họ tên: Nguyễn Thị Thoa
- Điện thoại: 0982 830 984

Chức vụ: Kế toán trưởng

Hà Nội, tháng 05 năm 2024

MỤC LỤC

I. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA CÔNG TY ĐẠI CHỨNG	5
1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển	5
2. Cơ cấu tổ chức của Công ty	15
3. Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý của Công ty	19
4. Cơ cấu cổ đông	28
5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của Công ty đại chúng, những công ty mà Công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Công ty đại chúng	29
6. Hoạt động kinh doanh	30
7. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty	59
8. Vị thế của Công ty trong ngành	74
9. Chính sách đối với người lao động	76
10. Chính sách cổ tức	79
11. Tình hình tài chính trong năm và kỳ gần nhất	79
12. Tài sản	98
13. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức	102
14. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của công ty đại chúng	104
15. Chiến lược, định hướng phát triển sản xuất kinh doanh	104
16. Các thông tin tranh chấp, kiện tụng liên quan tới Công ty	106
II. QUẢN TRỊ CÔNG TY	106
1. Cơ cấu, thành phần và hoạt động của Hội đồng quản trị	106
2. Ban kiểm soát	112
3. Tổng Giám đốc và người quản lý khác	114
4. Kế hoạch tăng cường quản trị Công ty	117
5. Danh sách người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ	118
6. Thống kê giao dịch giữa Công ty với người có liên quan theo quy định	124
III. PHẦN PHỤ LỤC	125

DANH MỤC BẢNG BIỂU, SƠ ĐỒ

Bảng số 1: Hệ thống các Công ty con và Nhà máy của công ty	16
Bảng số 2: Cơ cấu cổ đông của Công ty tại ngày 01/07/2023	28
Bảng số 3: Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ phần của Công ty	28
Bảng số 4: Một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất, kinh doanh trên BCTC riêng của Công ty	59
Bảng số 5: Một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty (Hợp nhất)	60
Bảng số 6: Cơ cấu Doanh thu thuần trên BCTC riêng của Công ty	60
Bảng số 7: Cơ cấu Doanh thu thuần của Công ty (Hợp nhất)	61
Bảng số 8: Cơ cấu Lợi nhuận gộp trên BCTC riêng của Công ty	62
Bảng số 9: Cơ cấu Lợi nhuận gộp của Công ty (Hợp nhất)	63
Bảng số 10: Cơ cấu doanh thu thuần của từng thị trường	64
Bảng số 11: Cơ cấu lợi nhuận gộp của từng thị trường	65
Bảng số 12: Danh mục một số nguyên vật liệu chính trong sản xuất	67
Bảng số 13: Danh mục các nguyên vật liệu phụ trong sản xuất	67
Bảng số 14: Danh sách một số nhà cung cấp nguyên vật liệu của Công ty	68
Bảng số 15: Cơ cấu chi phí hoạt động trên BCTC riêng của Công ty	68
Bảng số 16: Cơ cấu chi phí hoạt động của Công ty (Hợp nhất)	69
Bảng số 17: Các hợp đồng lớn đã được ký kết	70
Bảng số 18: Cơ cấu lao động của Công ty hiện nay	76
Bảng số 19: Mức lương bình quân của người lao động Công ty qua các năm	79
Bảng số 20: Tình hình chi trả cổ tức các năm gần nhất	79
Bảng số 21: Số dư các khoản phải thu trên BCTC riêng của Công ty	80
Bảng số 22: Số dư các khoản phải thu của Công ty (Hợp nhất)	81
Bảng số 23: Số dư các khoản phải trả trên BCTC riêng của Công ty	81
Bảng số 24: Số dư các khoản phải trả của Công ty (Hợp nhất)	82
Bảng số 25: Số dư các khoản phải nộp theo luật định của Công ty	83
Bảng số 26: Tổng dư nợ vay trên BCTC riêng của Công ty	84
Bảng số 27: Vay ngắn hạn ngân hàng trên BCTC riêng của Công ty	85
Bảng số 28: Vay dài hạn đến hạn trả ngân hàng trên BCTC riêng của Công ty	86
Bảng số 29: Vay dài hạn đến hạn trả đối tượng khác trên BCTC riêng của Công ty	87
Bảng số 30: Nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả trên BCTC riêng của Công ty	88
Bảng số 31: Tổng dư nợ vay của Công ty (Hợp nhất)	89
Bảng số 32: Vay ngắn hạn ngân hàng của công ty (Hợp nhất)	90
Bảng số 33: Vay ngắn hạn ngân hàng của công ty (Hợp nhất)	93
Bảng số 34: Vay dài hạn đối tượng khác của công ty (Hợp nhất)	94

Bảng số 35: Nợ thuê tài chính của công ty (Hợp nhất)	95
Bảng số 36: Số dư hàng tồn kho của Công ty	96
Bảng số 37: Các khoản đầu tư tài chính của Công ty	96
Bảng số 38: Chỉ tiêu tài chính của Công ty	97
Bảng số 39: Tình hình tài sản cố định hữu hình của Công ty tại ngày 31/12/2023	98
Bảng số 40: Tình hình tài sản cố định thuê tài chính tại ngày 31/12/2023 của Công ty	99
Bảng số 41: Danh mục một số máy móc, thiết bị tại Nhà máy Miza Đông Anh	99
Bảng số 42: Danh mục một số máy móc thiết bị ở Nhà máy Miza Nghi Sơn	100
Bảng số 43: Chi tiết tài sản dở dang dài hạn của Công ty	102
Bảng số 44: Chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận của Công ty	102
Bảng số 45: Danh sách người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ	118
Bảng số 46: Danh sách bên liên quan với công ty tại ngày 31/12/2023	124
Bảng số 47: Những giao dịch trọng yếu của công ty với các bên liên quan	124
Sơ đồ số 1: Sơ đồ cơ cấu tổ chức của Công ty	15
Sơ đồ số 2: Sơ đồ cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty	20


DANH MỤC HÌNH ẢNH

Hình số 1: Một số hình ảnh Nhà máy Miza Đông Anh.....	16
Hình số 2: Một số hình ảnh Nhà máy Miza Nghi Sơn.....	18
Hình số 3: Một số sản phẩm giấy mặt của Công ty.....	30
Hình số 4: Một số sản phẩm giấy sóng của Công ty.....	32
Hình số 5: Quy trình sản xuất của Công ty.....	32
Hình số 6: Dây chuyền sản xuất tại nhà máy của Công ty.....	36
Hình số 7: Sàng tách sợi.....	37
Hình số 8: Hệ thống kiểm soát phân tán.....	38
Hình số 9: Máy xeo dài 3 lưỡi.....	38
Hình số 10: Hệ thống lô sấy 24 lô đường kính 1.800mm.....	39
Hình số 11: QCS, tiết kiệm hơi.....	40
Hình số 12: Hệ thống cắt cuộn.....	40
Hình số 13: Hệ thống cấp 3 ép.....	41
Hình số 14: Hệ thống điều khiển DCS - Kiểm tra chất lượng QCS.....	42
Hình số 15: Thiết bị kiểm tra độ chịu bức.....	43
Hình số 16: Thiết bị đo độ chống thấm Cobb.....	44
Hình số 17: Thiết bị kiểm tra độ nén vòng.....	45
Hình số 18: Một số hình ảnh khác liên quan đến hệ thống kiểm soát chất lượng sản phẩm.....	45
Hình số 19: Hệ thống xử lý nước thải.....	46
Hình số 20: Lò đốt tầng sôi được thể hiện.....	47
Hình số 21: Một số chứng chỉ trong nước và quốc tế Công ty đã đạt được.....	50
Hình số 22: Hình ảnh định hướng mô hình sinh thái trong giai đoạn tới của Công ty.....	102

I. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA CÔNG TY ĐẠI CHÚNG

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

1.1. Giới thiệu chung về Công ty đại chúng

- Tên Công ty : **CÔNG TY CỔ PHẦN MIZA**
- Tên tiếng Anh : MIZA CORPORATION
- Tên viết tắt : MIZA CORP
- Địa chỉ trụ sở chính : Cụm công nghiệp vừa và nhỏ Nguyên Khê, Xã Nguyên Khê, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội
- Số điện thoại : 0243.965.6121/ 024.965.6131
- Số fax : 0243.965.6128
- Logo 
- Website : www.miza.vn
- Vốn điều lệ theo đăng ký : 999.199.000.000 đồng (Bằng chữ: Chín trăm chín mươi chín tỷ một trăm chín mươi chín triệu đồng)
- Vốn điều lệ thực góp tại ngày 31/12/2022 : 999.199.000.000 đồng (Bằng chữ: Chín trăm chín mươi chín tỷ một trăm chín mươi chín triệu đồng)
- Giấy chứng nhận ĐKDN : số 0105028958 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 02/12/2010, đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 19/12/2023
- Người đại diện theo pháp luật : **Ông Nguyễn Tuấn Minh - Chủ tịch Hội đồng quản trị**
- Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty:
 - + Sản xuất bột giấy, giấy và bìa - Mã ngành: 1701
 - + Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa - Mã ngành: 1702
- Sản phẩm/dịch vụ chính: Tái chế phế liệu để sản xuất ra các sản phẩm giấy bao bì, bao gói như: Giấy sóng, giấy mặt.

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu	2599
2	Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp	2816
3	Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại	2822
4	Sản xuất sắt, thép, gang	2410
5	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
6	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592

7	Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật	1040
8	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
9	Sản xuất bột giấy, giấy và bìa	1701
10	Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa	1702
11	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
12	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
13	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
14	Sửa chữa thiết bị điện	3314
15	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
16	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315
17	Xây dựng nhà không để ở	4102
18	Xây dựng công trình đường sắt	4211
19	Xây dựng công trình đường bộ	4212
20	Xây dựng công trình công ích khác	4229
21	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299

(Nguồn: CTCP Miza)

1.2. Quá trình hình thành và phát triển

Thời gian	Mô tả
2010	KHỞI NGHIỆP ĐI LÊN: Thành lập Công ty Cổ phần Miza theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0105028958 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 02/12/2010. Công ty được thành lập với sứ mệnh Xanh cùng phương châm phát triển bền vững, chung tay cùng Việt Nam và thế giới bảo vệ môi trường bằng việc sản xuất giấy tái sử dụng.
2012	NGUỒN VỐN ƯU ĐÃI: Công ty đã nhận được sự hỗ trợ tài chính từ Quỹ Bảo vệ Môi trường Hà Nội (Nay là Quỹ Đầu tư phát triển TP. Hà Nội) vì ngành nghề của Công ty là tái chế giấy thải với số tiền 10.179.000.000 đồng. Với nguồn vốn ưu đãi này, Công ty tập trung đầu tư nâng cấp hệ thống dây chuyền máy móc, thiết bị và hoàn thiện hệ thống xử lý nước thải, ổn định sản xuất và kinh doanh có lãi, giải quyết công ăn việc làm cho hơn 50 người lao động với thu nhập khá.
2015	NÂNG CẤP DÂY CHUYỀN: Công ty đã đầu tư mới thêm Dây chuyền 2 chất lượng cao nâng công suất nhà máy 32.500 tấn/năm. Áp dụng công nghệ tiên tiến hàng đầu khu vực phía Bắc, có hệ thống kiểm soát chất lượng tự động và công suất đạt 150 tấn giấy phế liệu/ngày, hệ thống xử lý nước thải đạt tiêu chuẩn. ĐẠT TIÊU CHUẨN ISO 9001:2008 do Trung tâm chứng nhận phù hợp

	<p>QUACERT cấp chứng chỉ- Đây là một phương pháp quản lý chất lượng mới, khi được áp dụng vào doanh nghiệp sẽ giúp lãnh đạo có thể kiểm soát được hoạt động trong nội bộ và thúc đẩy hoạt động đạt hiệu quả ở mức cao nhất.</p>
2017	<p>DOANH THU VƯỢT BẬC: Dây chuyền 2 của Công ty chính thức đi vào hoạt động, nâng công suất của Miza từ 7.500 tấn/năm lên hơn 47.000 tấn/năm. Doanh thu qua đó tăng trưởng vượt bậc 100% giai đoạn 2016-2018.</p>
2018	<p>ĐẠT TIÊU CHUẨN ISO 14001:2015 do Trung tâm chứng nhận phù hợp QUACERT cấp chứng chỉ - Đây là một tiêu chuẩn quốc tế dành cho hệ thống quản lý môi trường, được coi là khung chuẩn định hướng giúp doanh nghiệp quản lý các vấn đề liên quan tới môi trường trong hoạt động sản xuất, kinh doanh. Đồng thời giúp doanh nghiệp chinh phục nhóm khách hàng FDI cũng như khẳng định sự quyết tâm và trách nhiệm trong công tác bảo vệ môi trường.</p> <p>ĐẠT TIÊU CHUẨN ISO 9001:2015 do Trung tâm chứng nhận phù hợp QUACERT cấp chứng chỉ - Đây là một tiêu chuẩn quốc tế mà doanh nghiệp chứng tỏ được khả năng luôn cung cấp các sản phẩm, dịch vụ đáp ứng thỏa mãn khách hàng và các yêu cầu của luật định cũng như sự mong đợi của các bên quan tâm.</p> <p>CHỨNG CHỈ FSC: Miza đã được cấp Chứng chỉ uy tín trên thế giới của Hội đồng quản lý rừng FSC (Forest Stewardship Council) vì những nỗ lực giảm thiểu tác động sản xuất đến môi trường, do BVC (Bureau Veritas Certification) đánh giá và chứng nhận.</p> <p>Góp vốn thành lập Công ty TNHH Miza Nghi Sơn (Thanh Hóa) với vốn điều lệ ban đầu là 100 tỷ đồng.</p>
2021	<p>NHÀ MÁY LỚN NHẤT MIỀN BẮC: Hoàn thành và đưa vào vận hành Dự án Nhà máy sản xuất Giấy bao bì Miza Nghi Sơn với công suất thiết kế 120.000 tấn/năm, tương đương 400 tấn/ngày.</p> <p>- Góp vốn đầu tư vào Công ty TNHH Blue Line và Công ty TNHH Depak với tổng số vốn là: 143,8 tỷ đồng. Sau khi góp 2021 thì sở hữu phần vốn góp ở Blue 147 tỷ (49%), Depak 36 tỷ (28.8%)</p>
2024	<p>ĐẦU TƯ MỞ RỘNG: Tiếp tục triển khai đầu tư dây chuyền sản xuất giấy bao bì số 2 - Giai đoạn 2 thuộc Dự án Nhà máy sản xuất Giấy bao bì Miza Nghi Sơn với công suất 120.000 tấn/năm, nâng tổng công suất nhà máy lên trên 240.000 tấn/năm.</p>

1.3. Quá trình tăng vốn điều lệ

Công ty Cổ phần Miza được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0105028958 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 02/12/2010 với số vốn điều lệ đăng ký là 10.000.000.000 đồng (*Bằng chữ: Mười tỷ đồng*), tương ứng với 1.000.000 cổ phần. Sau gần 14 năm hoạt động và 08 lần tăng vốn, vốn điều lệ hiện tại của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 15 cấp ngày 19/12/2023 là 999.199.000.000 đồng (*Bằng chữ: Chín trăm chín mươi chín tỷ một trăm chín mươi chín triệu đồng*), tương ứng 99.919.900 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

Công ty Cổ phần Miza cam kết kể từ khi thành lập cho đến nay, Công ty đã thực hiện các đợt tăng vốn điều lệ theo đúng quy định của Luật Doanh nghiệp.

✚ Vốn điều lệ đăng ký tại ngày thành lập Công ty: 10 tỷ đồng

(Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0105028958 được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 02/12/2010 dưới hình thức công ty cổ phần)

- Vốn điều lệ : 10.000.000.000 đồng (Mười tỷ đồng)
- Số lượng cổ phiếu : 1.000.000 cổ phiếu (Một triệu cổ phiếu)
- Mệnh giá : 10.000 đồng/cổ phiếu

✚ Đợt 1: Tăng vốn từ 10 tỷ đồng lên 18 tỷ đồng

- Vốn điều lệ trước phát hành: 10.000.000.000 đồng
- Vốn điều lệ sau phát hành: 18.000.000.000 đồng
- Hình thức phát hành: Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu
- Hình thức góp vốn: góp vốn bằng tiền
- Cơ quan chấp thuận phát hành cổ phiếu của mỗi lần tăng vốn: Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội
- Thời gian hạn chế chuyển nhượng: Không hạn chế chuyển nhượng
- Cơ sở pháp lý của đợt phát hành:
- + Nghị quyết Đại hội cổ đông số 02/2012/NQ-ĐHĐCĐ-MZ ngày 05/03/2012 về việc thông qua phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ;
- + Nghị quyết Hội đồng quản trị số 26.08/2012/NQ-HĐQT-MZ ngày 26/08/2012 về việc thông qua kết quả phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ;
- + Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0105028958 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp thay đổi lần thứ 2 ngày 28/09/2012.
- Số lượng cổ đông trước khi tăng vốn: 04 cổ đông
- Số lượng cổ đông tham gia góp vốn: 04 cổ đông
- Số lượng cổ đông sau khi tăng vốn: 04 cổ đông
- Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phiếu
- Ngày hoàn thành đợt phát hành: 26/08/2012
- Số lượng cổ phiếu phát hành thành công: 800.000 cổ phiếu
- Giá trị cổ phiếu phát hành thành công: 8.000.000.000 đồng.

✚ Đợt 2: Tăng vốn từ 18 tỷ đồng lên 66 tỷ đồng

- Vốn điều lệ trước phát hành: 18.000.000.000 đồng
- Vốn điều lệ sau phát hành: 66.000.000.000 đồng
- Hình thức phát hành: Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu
- Hình thức góp vốn: góp vốn bằng tiền
- Cơ quan chấp thuận phát hành cổ phiếu của mỗi lần tăng vốn: Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội

- Thời gian hạn chế chuyển nhượng: Không hạn chế chuyển nhượng
- Cơ sở pháp lý của đợt phát hành:
- + Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông 01/2015/NQ-ĐHĐCĐ-MZ ngày 05/01/2015 về việc thông qua phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ;
- + Nghị quyết HĐQT số 09.01/2015/NQ-HĐQT-MZ ngày 09/01/2015 về việc thông qua kết quả đăng ký mua của cổ đông hiện hữu và phương án tiếp tục chào bán số cổ phiếu còn dư cho các đối tượng khác;
- + Nghị quyết Hội đồng quản trị số 18.03/2015/NQ-HĐQT-MZ ngày 18/03/2015 về việc thông qua kết quả phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ
- + Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0105028958 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp thay đổi lần thứ 6 ngày 14/04/2015.
- Số lượng cổ đông trước khi tăng vốn: 04 cổ đông
- Số lượng cổ đông tham gia góp vốn: 05 cổ đông
- Số lượng cổ đông sau khi tăng vốn: 08 cổ đông
- Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phiếu
- Ngày hoàn thành đợt phát hành: 18/03/2015
- Số lượng cổ phiếu phát hành thành công: 4.800.000 cổ phiếu
- Giá trị cổ phiếu phát hành thành công: 48.000.000.000 đồng.
- Đợt 3: Tăng vốn từ 66 tỷ đồng lên 297 tỷ đồng**
- Vốn điều lệ trước phát hành: 66.000.000.000 đồng
- Vốn điều lệ sau phát hành: 297.000.000.000 đồng
- Hình thức phát hành: Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu
- Hình thức góp vốn: góp vốn bằng tiền và cân trừ công nợ. Cụ thể:
- + Góp vốn bằng tiền: 165.200.000.000 đồng
- + Góp vốn bằng cân trừ công nợ: 65.800.000.000 đồng
- Cơ quan chấp thuận phát hành cổ phiếu của mỗi lần tăng vốn: Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội
- Thời gian hạn chế chuyển nhượng: Không hạn chế chuyển nhượng
- Cơ sở pháp lý của đợt phát hành:
- + Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 02/2017/NQ-ĐHĐCĐ-MZ ngày 10/11/2017 về việc thông qua phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ;
- + Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông 04/2017/NQ-ĐHĐCĐ-MZ ngày 22/11/2017 về việc thông qua hình thức góp vốn của một số cổ đông, kết quả đăng ký mua cổ phiếu của cổ đông hiện hữu và phương án chào bán số cổ phiếu còn dư do cổ đông hiện hữu không đăng ký mua hết;
- + Nghị quyết Hội đồng quản trị số 23.11/2017/NQ-HĐQT-MZ ngày 23/11/2017 về việc triển khai việc phát hành cổ phiếu hoán đổi công nợ và phương án chào bán số cổ phiếu còn dư;
- + Nghị quyết Hội đồng quản trị số 31.05/2018/NQ-HĐQT-MZ ngày 31/05/2018 về việc thông qua kết quả phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ;

- + Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0105028958 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp thay đổi lần thứ 7 ngày 05/07/2018.
- Số lượng cổ đông trước khi tăng vốn: 06 cổ đông
- Số lượng cổ đông tham gia góp vốn: 85 cổ đông
- Số lượng cổ đông sau khi tăng vốn: 89 cổ đông
- Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phiếu
- Ngày hoàn thành đợt phát hành: 30/05/2018
- Số lượng cổ phiếu phát hành thành công: 23.100.000 cổ phiếu
- Giá trị cổ phiếu phát hành thành công: 231.000.000.000 đồng.
- ✚ Đợt 4: Tăng vốn từ 297 tỷ đồng lên 372 tỷ đồng**
- Vốn điều lệ trước phát hành: 297.000.000.000 đồng
- Vốn điều lệ sau phát hành: 372.000.000.000 đồng
- Hình thức phát hành: Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu
- Hình thức góp vốn: góp vốn bằng tiền
- Cơ quan chấp thuận phát hành cổ phiếu của mỗi lần tăng vốn: Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội
- Thời gian hạn chế chuyển nhượng: Không hạn chế chuyển nhượng
- Cơ sở pháp lý của đợt phát hành:
- + Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông 01/2019/NQ-ĐHĐCĐ-MZ ngày 07/03/2019 về phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ;
- + Nghị quyết Hội đồng quản trị số 19.03/2019/NQ-HĐQT-MZ ngày 19/03/2019 về việc thông qua kết quả đăng mua cổ phiếu phát hành cho cổ đông hiện và phương án chào bán số cổ phiếu lẻ phát sinh, chưa được đăng ký mua hết;
- + Nghị quyết Hội đồng quản trị số 26.04/2019/NQ-HĐQT-MZ ngày 26/04/2019 về việc thông qua kết quả phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ;
- + Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0105028958 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp thay đổi lần thứ 10 ngày 05/06/2019.
- Số lượng cổ đông trước khi tăng vốn: 92 cổ đông
- Số lượng cổ đông tham gia góp vốn: 07 cổ đông
- Số lượng cổ đông sau khi tăng vốn: 95 cổ đông
- Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phiếu
- Ngày hoàn thành đợt phát hành: 26/04/2019
- Số lượng cổ phiếu phát hành thành công: 7.500.000 cổ phiếu
- Giá trị cổ phiếu phát hành thành công: 75.000.000.000 đồng.
- ✚ Đợt 5: Tăng vốn từ 372 tỷ đồng lên 472 tỷ đồng**
- Vốn điều lệ trước phát hành: 372.000.000.000 đồng

- Vốn điều lệ sau phát hành: 472.000.000.000 đồng
- Hình thức phát hành: Phát hành riêng lẻ (Phát hành cổ phiếu cho cổ đông ưu đãi cổ tức)
- Hình thức góp vốn: góp vốn bằng tiền
- Cơ quan chấp thuận phát hành cổ phiếu của mỗi lần tăng vốn: Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội
- Thời gian hạn chế chuyển nhượng: Không hạn chế chuyển nhượng
- Cơ sở pháp lý của đợt phát hành:
 - + Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông 02/2019/NQ-ĐHĐCĐ-MZ ngày 22/07/2019 về phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ;
 - + Nghị quyết Hội đồng quản trị số 31.07/2019/NQ-HĐQT-MZ ngày 31/07/2019 về việc thông qua kết quả phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ;
 - + Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0105028958 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp thay đổi lần thứ 11 ngày 16/08/2019.
- Số lượng cổ đông trước khi tăng vốn: 95 cổ đông
- Số lượng cổ đông tham gia góp vốn: 01 cổ đông
- Số lượng cổ đông sau khi tăng vốn: 95 cổ đông
- Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phiếu
- Ngày hoàn thành đợt phát hành: 30/07/2019
- Số lượng cổ phiếu phát hành thành công: 10.000.000 cổ phiếu
- Giá trị cổ phiếu phát hành thành công: 100.000.000.000 đồng.
- ✚ Đợt 6: Tăng vốn từ 472 tỷ đồng lên 512 tỷ đồng**
 - Vốn điều lệ trước phát hành: 472.000.000.000 đồng
 - Vốn điều lệ sau phát hành: 512.000.000.000 đồng
 - Hình thức phát hành: Phát hành hiện hữu (Phát hành cổ phiếu cho cổ đông ưu đãi cổ tức)
 - Hình thức góp vốn: góp vốn bằng tiền
 - Cơ quan chấp thuận phát hành cổ phiếu của mỗi lần tăng vốn: Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội
 - Thời gian hạn chế chuyển nhượng: Không hạn chế chuyển nhượng
 - Cơ sở pháp lý của đợt phát hành:
 - + Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 03/2019/NQ-ĐHĐCĐ-MZ ngày 30/09/2019 về việc thông qua phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ;
 - + Nghị quyết Hội đồng quản trị số 11.10/2019/NQ-HĐQT-MZ ngày 11/10/2019 về việc thông qua kết đăng ký mua cổ phiếu tăng vốn điều lệ và phương án phân phối số cổ phiếu lẻ phát sinh và chưa được đăng ký mua hết;
 - + Nghị quyết Hội đồng quản trị số 24.10/2019/NQ-HĐQT-MZ ngày 24/10/2019 về việc thông qua kết quả phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ;
 - + Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0105028958 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố

Hà Nội cấp thay đổi lần thứ 11 ngày 24/10/2019.

- Số lượng cổ đông trước khi tăng vốn: 95 cổ đông
- Số lượng cổ đông tham gia góp vốn: 03 cổ đông
- Số lượng cổ đông sau khi tăng vốn: 98 cổ đông
- Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phiếu
- Ngày hoàn thành đợt phát hành: 23/10/2019
- Số lượng cổ phiếu phát hành thành công: 4.000.000 cổ phiếu
- Giá trị cổ phiếu phát hành thành công: 40.000.000.000 đồng.

+ Đợt 7: Tăng vốn từ 512 tỷ đồng lên 599,2 tỷ đồng

- Vốn điều lệ trước phát hành: 512.000.000.000 đồng
- Vốn điều lệ sau phát hành: 599.200.000.000 đồng
- Hình thức phát hành: Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức và phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu. Cụ thể:
 - + Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức: 3.720.000 cổ phiếu
 - + Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu: 5.000.000 cổ phiếu
- Hình thức góp vốn: góp vốn bằng tiền
- Cơ quan chấp thuận phát hành cổ phiếu của mỗi lần tăng vốn: Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội
- Thời gian hạn chế chuyển nhượng: Không hạn chế chuyển nhượng
- Cơ sở pháp lý của đợt phát hành:
 - + Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 02/2020/NQ-ĐHĐCĐ-MZ ngày 28/09/2020 về việc thông qua phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ;
 - + Nghị quyết Hội đồng quản trị số 20.10/2020/NQ-HĐQT-MZ ngày 20/10/2020 về việc thông qua kết quả đăng ký mua cổ phiếu của cổ đông hiện hữu và phương án phân phối số cổ phiếu còn dư;
 - + Nghị quyết Hội đồng quản trị số 05.01/2021/NQ-HĐQT-MZ ngày 05/01/2021 về việc thông qua kết quả phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ;
 - + Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0105028958 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp thay đổi lần thứ 13 ngày 03/02/2021.
- Số lượng cổ đông trước khi tăng vốn: 98 cổ đông
- Số lượng cổ đông tham gia góp vốn: 20 cổ đông
- Số lượng cổ đông sau khi tăng vốn: 98 cổ đông
- Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phiếu
- Ngày hoàn thành đợt phát hành: 31/12/2020
- Số lượng cổ phiếu phát hành thành công: 8.720.000 cổ phiếu, trong đó:
 - + Phát hành cổ phiếu trả cổ tức: 3.720.000 cổ phiếu

- + Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu: 5.000.000 cổ phiếu
- Giá trị cổ phiếu phát hành thành công: 87.200.000.000 đồng.
- ✚ **Đợt 8: Tăng vốn từ 599,2 tỷ đồng lên 999,199 tỷ đồng**
- Vốn điều lệ trước phát hành: 599.200.000.000 đồng
- Vốn điều lệ sau phát hành: 999.199.000.000 đồng
- Hình thức phát hành: Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu
- Hình thức góp vốn: góp vốn bằng tiền
- Cơ quan chấp thuận phát hành cổ phiếu của mỗi lần tăng vốn: Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội
- Thời gian hạn chế chuyển nhượng: Không hạn chế chuyển nhượng
- Cơ sở pháp lý của đợt phát hành:
- + Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông 03/2021/NQ-ĐHĐCĐ-MZ ngày 22/10/2021 về việc thông qua phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ;
- + Nghị quyết Hội đồng quản trị số 22.12/2021/NQ-HĐQT-MZ ngày 22/12/2021 về việc thông qua kết quả phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ;
- + Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0105028958 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp thay đổi lần thứ 14 ngày 27/12/2021.
- Số lượng cổ đông trước khi tăng vốn: 95 cổ đông
- Số lượng cổ đông tham gia góp vốn: 76 cổ đông
- Số lượng cổ đông sau khi tăng vốn: 95 cổ đông
- Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phiếu
- Ngày hoàn thành đợt phát hành: 21/12/2021
- Số lượng cổ phiếu phát hành thành công: 39.999.900 cổ phiếu
- Giá trị cổ phiếu phát hành thành công: 399.999.000.000 đồng.

✚ **Ý kiến của đơn vị kiểm toán về đợt góp vốn thành lập công ty tại Báo cáo vốn góp và tình hình sử dụng vốn góp của chủ sở hữu khi thành lập công ty với vốn điều lệ 10.000.000.000 đồng số 224/2024/UHY-BCKT ngày 13/03/2024 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.**

“Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo vốn góp và tình hình sử dụng vốn góp của Chủ sở hữu kèm theo của Công ty đã được trình bày, trên các khía cạnh trọng yếu, tuân thủ với cơ sở kế toán được trình bày tại Thuyết minh số 02 - Cơ sở trình bày Báo cáo vốn góp và tình hình sử dụng vốn góp của Chủ sở hữu phần Thuyết minh Báo cáo vốn góp và tình hình sử dụng vốn góp của Chủ sở hữu.”

✚ **Ý kiến của đơn vị kiểm toán về các đợt tăng vốn điều lệ của Công ty từ ngày 06/3/2012 đến ngày 21/12/2021 tại Báo cáo vốn đầu tư của chủ sở hữu số 68/BCTC ngày 22/01/2022 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán TTP:**

“Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo Vốn đầu tư của chủ sở hữu đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Miza tại ngày 21

tháng 12 năm 2021, cũng như biến động của Vốn đầu tư của chủ sở hữu từ ngày 06 tháng 03 năm 2012 đến ngày 21 tháng 12 năm 2021, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc ghi nhận vốn đầu tư của chủ sở hữu và tình hình sử dụng vốn chủ sở hữu.”.

1.4. Ngày Công ty đáp ứng điều kiện Công ty đại chúng

- Ngày Công ty đáp ứng điều kiện Công ty đại chúng: 01/07/2023
- Thông tin về cơ cấu cổ đông tại ngày đáp ứng điều kiện là Công ty đại chúng bao gồm:
 - + Tổng số lượng cổ đông: 105 cổ đông
 - + Số lượng cổ đông không phải là cổ đông lớn: 102 cổ đông
 - + Tổng số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết của tất cả các cổ đông không phải là cổ đông lớn: 58.240.711 cổ phiếu (tương ứng tỷ lệ 58,29%)

Do đó, Công ty đáp ứng điều kiện là Công ty đại chúng theo quy định tại Điều a Khoản 1 Điều 32 Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 tại ngày 01/07/2023.

1.5. Tầm nhìn - Sứ mệnh - Giá trị cốt lõi

❖ Tầm nhìn:

Phấn đấu trở thành công ty hàng đầu trong lĩnh vực sản xuất giấy và bao bì tại Việt Nam. Nâng cao về sản lượng và chất lượng, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách hàng trong và ngoài nước.

❖ Sứ mệnh:

Không ngừng sáng tạo, cải tiến tạo ra những sản phẩm và dịch vụ chất lượng cao với giá cạnh tranh. Thực hiện chế độ đãi ngộ thỏa đáng về vật chất và tinh thần nhằm khuyến khích cán bộ công nhân viên tạo ra nhiều giá trị mới cho khách hàng, cổ đông và toàn xã hội.

❖ Triết lý kinh doanh:

Triết lý hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Miza luôn chú trọng vào: Thu hút, đào tạo, khuyến khích phát triển đội ngũ chuyên gia trong ngành giấy, cán bộ quản lý giỏi, đội ngũ công nhân lành nghề. Chú trọng lao động sáng tạo, năng suất, chất lượng hiệu quả, kỷ luật cao. Xây dựng và phát triển các giá trị văn hóa, phát triển thương hiệu.

1.6. Một số thành tựu đạt được

- Năm 2015: Công ty đạt chứng nhận Tiêu chuẩn ISO 9001:2008- Chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng - do Trung tâm chứng nhận phù hợp QUACERT cấp chứng chỉ.
- Năm 2016: Công ty đón nhận chứng chỉ “Trusted Green - Chỉ số tín nhiệm xanh 2016”; Công ty đạt Chứng nhận “Trusted Quality Supplier - Nhà cung cấp Chất lượng 2016” do Viện Doanh nghiệp Việt Nam cấp; Công ty vinh dự đón nhận giải thưởng “Thương hiệu hàng đầu Việt Nam - TOP BRANDS 2016” do Tổ chức Global GTA (Vương quốc Anh) trao tặng.
- Năm 2018: Công ty vinh dự đạt chứng nhận Tiêu chuẩn ISO 14001:2015- Chứng nhận hệ thống quản lý môi trường ngày 22/01/2018 và Tiêu chuẩn ISO 9001:2015- Chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng ngày 26/11/2018.
- Năm 2018: “TOP 50 Doanh nghiệp phát triển kinh tế xanh bền vững”.

- Năm 2021: Công ty đứng thứ 21 có mặt trong “Top 500 Doanh nghiệp tăng trưởng nhanh nhất Việt Nam năm 2021” (FAST500) do Vietnam Report công bố nhằm ghi nhận và tôn vinh Top 500 Doanh nghiệp đạt tốc độ tăng trưởng nhanh nhất và bền vững nhất, đồng thời duy trì được hiệu quả kinh doanh trong suốt những giai đoạn từ năm 2016 - 2020.
- Năm 2021: Top 10 “Thương hiệu uy tín - Sản phẩm chất lượng - Dịch vụ tin dùng 2021” trong chương trình Khảo sát & Truyền thông “Thương hiệu uy tín - Sản phẩm chất lượng - Dịch vụ tin dùng” - Lần VIII năm 2021.
- Năm 2022: Công ty nhận Giải thưởng “TOP 10- Thương hiệu số 1 Việt Nam 2022” (Vietnam No.1 Brand Awards 2022) do Trung tâm Nghiên cứu Phát triển Doanh nghiệp Châu Á phối hợp với các tổ chức Quốc tế đánh giá.

2. Cơ cấu tổ chức của Công ty

Cơ cấu tổ chức của Công ty Cổ phần Miza và các công ty con được tổ chức và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp năm 2020. Các hoạt động của Công ty và các công ty trong hệ thống tuân thủ Luật Doanh nghiệp, các Luật khác có liên quan và Điều lệ Công ty được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua. Hiện nay, cơ cấu tổ chức của Công ty gồm 01 Công ty con (tỷ lệ sở hữu 100%) là Công ty TNHH Miza Nghi Sơn.

Sơ đồ số 1: Sơ đồ cơ cấu tổ chức của Công ty



(Nguồn: CTCP Miza)

Bảng số 1: Hệ thống các Công ty con và Nhà máy của công ty

STT	Tên đơn vị	Địa chỉ	Lĩnh vực kinh doanh/Sản phẩm chính
I	Công ty Cổ phần Miza		
I	Công ty Cổ phần Miza	Cụm công nghiệp vừa và nhỏ Nguyên Khê, Xã Nguyên Khê, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội	Lĩnh vực kinh doanh chính: Sản xuất, tái chế giấy các loại; Xử lý, tiêu hủy rác thải độc hại; Tái chế phế liệu; Xử lý ô nhiễm và các hoạt động quản lý chất thải khác; Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh
-	<i>Nhà máy sản xuất tái chế giấy Miza Đông Anh</i>	<i>Cụm công nghiệp Vừa và Nhỏ Đông Anh, huyện Đông Anh, Hà Nội</i>	<i>Sản phẩm chính: Giấy sóng, Giấy mặt</i>
II	Công ty con		
I	Công ty TNHH Miza Nghi Sơn	Khu công nghiệp số 05 thuộc Khu kinh tế Nghi Sơn, Xã Trường Lâm, Thị xã Nghi Sơn, Tỉnh Thanh Hoá	Lĩnh vực kinh doanh chính: Sản xuất giấy bao bì, giấy và bìa, tái chế phế liệu
-	<i>Nhà máy sản xuất tái chế giấy Miza Nghi Sơn</i>	<i>Khu công nghiệp số 05 thuộc Khu kinh tế Nghi Sơn, Xã Trường Lâm, Thị xã Nghi Sơn, Tỉnh Thanh Hóa</i>	<i>Sản phẩm chính: Giấy sóng, Giấy mặt, bột giấy tái chế</i>

(Nguồn: CTCP Miza)

Kể từ khi hoạt động dưới hình thức Công ty Cổ phần (2010), đến nay, sau gần 14 năm phát triển, Công ty đã xây dựng thương hiệu với định hướng là nhà sản xuất Giấy tái chế số 1 Miền Bắc. Sau khi thực hiện tái cấu trúc Công ty cũng như đầu tư công ty liên kết, công ty con từ nhiều năm trước đến thời điểm hiện tại, Công ty Cổ phần Miza hiện sở hữu hai (02) nhà máy sản xuất giấy hiện đại. Công suất các nhà máy đạt đến 500 tấn/1 ngày đêm, công nghệ mới nhất, được nhập khẩu nguyên chiếc từ những quốc gia phát triển. Đặc biệt, các dòng máy sản xuất được phân bổ đều từ công suất nhỏ đến công suất cực đại, đáp ứng được đa dạng yêu cầu về sản xuất.

a. Nhà máy sản xuất tái chế giấy Miza Đông Anh

- Vị trí nhà máy: Cụm công nghiệp Vừa và Nhỏ Đông Anh, huyện Đông Anh, Hà Nội
- Diện tích khu đất xây dựng: 16.000 m²
- Sản phẩm kinh doanh chính: Giấy sóng, giấy mặt
- Năm chính thức đi vào hoạt động: Năm 2011
- Công suất thiết kế: 32.500 tấn/năm

- Công suất hoạt động sau nâng cấp: hơn 47.000 tấn/năm

Hình số 1: Một số hình ảnh Nhà máy Miza Đông Anh



Nhà văn phòng Miza Đông Anh



Máy xeo giấy



Sản phẩm giấy cuộn

(Nguồn: CTCP Miza)

b. Nhà máy sản xuất tái chế giấy Miza Nghi Sơn

- Nhà máy sản xuất tái chế giấy Miza Nghi Sơn
- Vị trí nhà máy: Khu công nghiệp số 5 thuộc khu Kinh tế Nghi Sơn, xã Trường Lâm, thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa
- Diện tích mặt đất sử dụng: 88.700 m²
- Sản phẩm kinh doanh chính: Sản xuất giấy bao bì từ nguyên liệu giấy tái chế; Sản xuất bột giấy khô từ nguyên liệu giấy tái chế.
- Năm chính thức đi vào hoạt động: Năm 2021

- Quy mô của nhà máy:
- Dây chuyền Sản xuất giấy bao bì từ nguyên liệu tái chế và bột giấy nguyên sinh (Phục vụ nhu cầu nội bộ): 240.000 tấn/năm.
- Dây chuyền sản xuất Bột giấy từ nguyên liệu tái chế công suất 50.000 tấn/năm.
- Hệ thống điện từ năng lượng mặt trời: 950 KWp/năm.
- Phân kỳ đầu tư:
 - + Giai đoạn I: Đầu tư dây chuyền sản xuất giấy bao bì số 1 với công suất 120.000 tấn/năm
 - + Giai đoạn II: Đầu tư hệ thống nghiền bột giấy nguyên sinh để nâng cao chất lượng sản phẩm cho dây chuyền sản xuất giấy bao bì số 1, đầu tư dây chuyền sản xuất giấy bao bì số 2 với công suất 120.000 tấn/năm đưa tổng công suất nhà máy lên 240.000 tấn/năm. Đầu tư dây chuyền sản xuất bột giấy từ giấy tái chế với quy mô 50.000 tấn/năm; Sản xuất điện từ năng lượng mặt trời công suất 950 KWp/năm
- Giai đoạn II: Dự kiến hoàn thành vào Quý III Năm 2025.
- Tổng vốn đầu tư: 2.900.000.000.000 đồng. Trong đó:
 - +Giai đoạn I: 1.840.848.000.000 đồng
 - +Giai đoạn II: 1.059.152.000.000.000 đồng.
- Công suất thiết kế (Giai đoạn I): 120.000 tấn/năm

Hình số 2: Một số hình ảnh Nhà máy Miza Nghi Sơn**Hệ thống bồn chứa bột giấy****Hệ thống xử lý nước thải****Toàn cảnh nhà máy từ trên cao****Kho nguyên liệu giấy tái chế**



Hệ thống máy xeo giấy



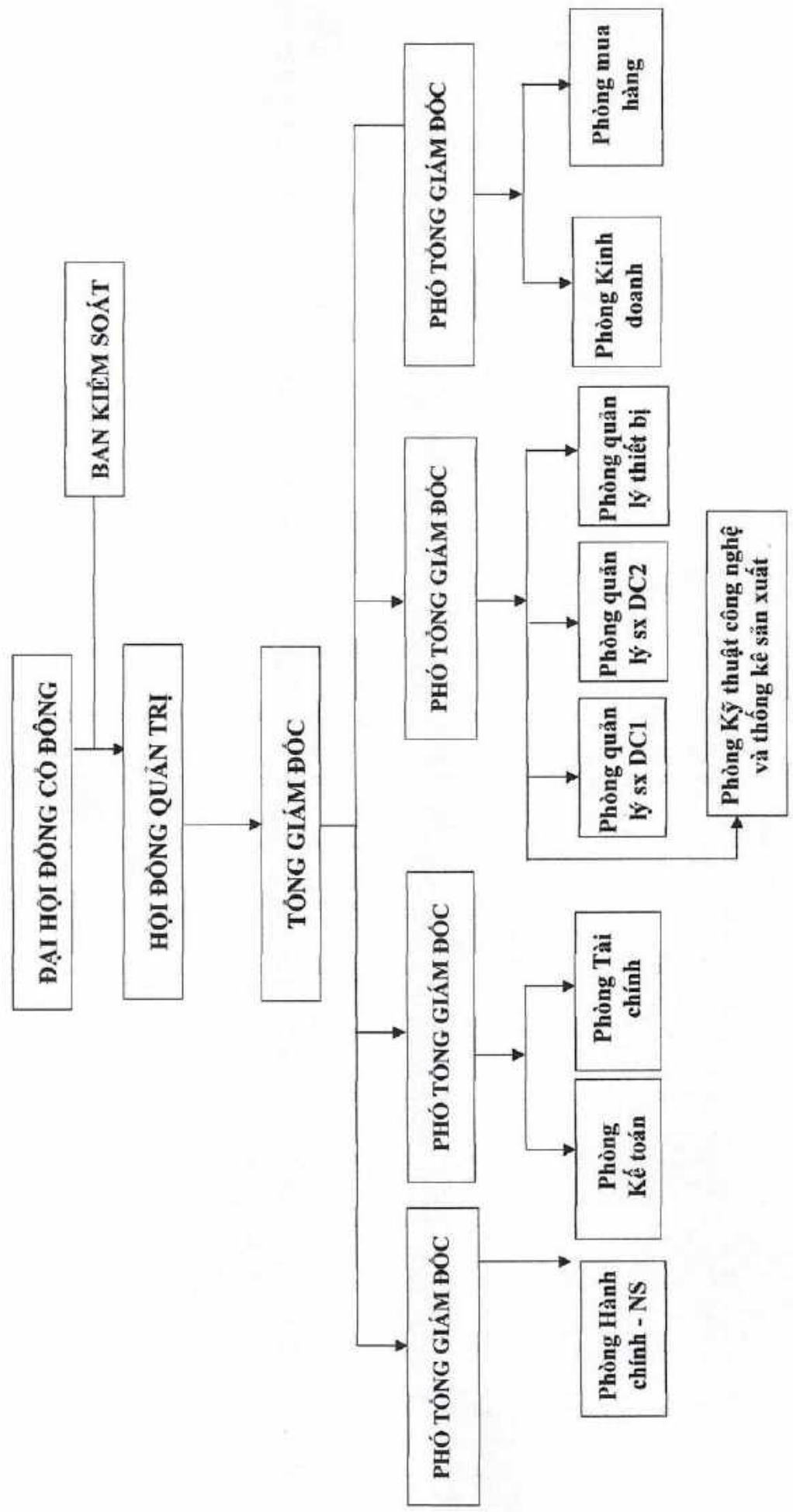
Toàn cảnh nhà máy từ trên cao

(Nguồn: CTCP Miza)

3. Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý của Công ty

Công ty Cổ phần Miza được tổ chức và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp đã được Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua. Các hoạt động của Công ty tuân thủ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, các Luật khác có liên quan và Điều lệ Công ty được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua. Hiện nay, Công ty tổ chức và quản lý hoạt động theo mô hình bao gồm: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và các phòng ban chức năng. Công ty cam kết xây dựng bộ máy quản trị công ty phù hợp với quy định về quản trị công ty áp dụng cho công ty đại chúng, công ty niêm yết. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty như sau:

Sơ đồ số 2: Sơ đồ cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty



(Nguồn: CTCP Miza)

3.1. Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ)

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết. Đại hội đồng cổ đông quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định của pháp luật và Điều lệ của Công ty. Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nhiệm vụ sau:

- Thông qua, sửa đổi, bổ sung Điều lệ;
- Thông qua kế hoạch phát triển Công ty, thông qua Báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo của HĐQT, Ban kiểm soát và của Thành viên Ban kiểm soát;
- Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- Quyết định tổ chức lại và giải thể Công ty;
- Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Thành viên HĐQT, Ban kiểm soát;
- Quyết định số thành viên HĐQT, BKS;
- Các quyền khác được quy định tại Điều lệ Công ty.

3.2. Hội đồng quản trị (HĐQT)

Hội đồng quản trị là cơ quan quản trị của Công ty, có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát Tổng Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do Luật pháp, Điều lệ, các Quy chế nội bộ của Công ty và Quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định. Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông bầu ra gồm 05 thành viên. Chủ tịch Hội đồng quản trị do HĐQT bầu ra. Các thành viên HĐQT đáp ứng đủ điều kiện quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp năm 2020.

Danh sách thành viên Hội đồng quản trị của Công ty gồm:

- Ông Nguyễn Tuấn Minh ✓ Chủ tịch HĐQT
- Ông Đinh Tiến Ngự ✓ Thành viên HĐQT
- Ông Lê Văn Hiệp ✓ Thành viên HĐQT
- Ông Hoàng Tự Lập ✓ Thành viên HĐQT
- Ông Đinh Tấn Hưng ✓ Thành viên HĐQT

3.3. Ban kiểm soát (BKS)

Ban kiểm soát do ĐHĐCĐ bầu ra gồm 03 thành viên, thay mặt Đại hội đồng cổ đông kiểm soát mọi hoạt động quản trị và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty. Ban kiểm soát hoạt động độc lập với Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc. Các thành viên Ban kiểm soát đáp ứng đủ điều kiện quy định tại Điều 168, 169 Luật Doanh nghiệp năm 2020.

Danh sách thành viên Ban kiểm soát của Công ty gồm:

- Ông Vũ Đình Hải ✓ Trưởng Ban kiểm soát
- Bà Nguyễn Thị Ngọc Lan ✓ Thành viên Ban kiểm soát
- Bà Lê Thị Phương Thảo ✓ Thành viên Ban kiểm soát

3.4. Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc hiện nay của Công ty bao gồm: 01 Tổng Giám đốc và 03 Phó Tổng Giám đốc. Các thành viên Ban Tổng Giám đốc đáp ứng đủ điều kiện quy định tại Điều 162 Luật Doanh nghiệp. Danh sách Ban Tổng Giám đốc bao gồm:

- Ông Lê Văn Hiệp ✓ Tổng Giám đốc - Phụ trách trực tiếp Kinh doanh và Mua hàng
- Bà Hoàng Thị Thu Giang ✓ Phó Tổng Giám đốc - Phụ trách Hành chính nhân sự
- Ông Vũ Anh Trà ✓ Phó Tổng Giám đốc - Phụ trách sản xuất
- Ông Nguyễn Hữu Tú ✓ Phó Tổng Giám đốc - Phụ trách tài chính kế toán

Tổng Giám đốc Công ty do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; trực tiếp phụ trách Phòng Kinh doanh, Phòng Mua hàng; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị, chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao. Giúp việc cho Tổng Giám đốc là Phó Tổng Giám đốc.

Phó Tổng Giám đốc phụ trách Hành chính Nhân sự là người được Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty uỷ quyền trực tiếp chỉ đạo và giải quyết các việc sau:

- Đại diện cho Công ty làm việc với các cơ quan nhà nước, đối tác về các vấn đề được ủy quyền/ phân công;
- Chỉ đạo bộ phận Hành chính nhân sự xây dựng, soạn thảo sửa đổi và bổ sung các văn bản, quy định, quy chế,... liên quan đến hoạt động của Công ty;
- Phụ trách quản lý hệ thống ISO, ESG...;
- Thực hiện các công việc khác theo sự phân công của lãnh đạo cấp trên.

Phó Tổng giám đốc phụ trách Sản xuất: là người được uỷ quyền hỗ trợ Tổng Giám đốc trực tiếp chỉ đạo và giải quyết các việc sau:

- Chỉ đạo trực tiếp mọi hoạt động sản xuất của Công ty, thực hiện đầy đủ chức năng, nhiệm vụ theo quy chế tổ chức hoạt động Tổng Giám đốc Công ty ban hành đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt;
- Lựa chọn và tiếp nhận nhân lực, tổ chức sản xuất;
- Đề xuất các biện pháp phát huy các nguồn lực của khối sản xuất đảm bảo phát huy tối đa năng lực sản xuất của Công ty;
- Phụ trách công tác xét duyệt kế hoạch sản xuất hàng tháng, xét duyệt các định mức lao động mới phát sinh và duyệt lương hàng tháng cho các đơn vị sản xuất;
- Phụ trách công tác khoa học kỹ thuật, xét duyệt sáng kiến, đề xuất phương án tài chính để phát triển nguồn lực khoa học kỹ thuật trong Công ty;
- Chủ trì và chịu trách nhiệm chính về lập quy trình công nghệ tổng hợp sản xuất sản phẩm; Lập quy trình và theo dõi công nghệ sản xuất bao gồm cả việc theo dõi đề xuất, theo dõi chạy thử; Soạn thảo tiêu chuẩn nghiệm thu sản phẩm;
- Thực hiện việc xem xét kỹ thuật trong thủ tục xem xét hợp đồng theo yêu cầu của khách hàng;

- Phụ trách công tác Xây dựng cơ bản, An toàn vệ sinh lao động, Phòng cháy chữa cháy, 5S, An toàn bức xạ, An toàn hóa chất, quản lý chất thải...;
- Hỗ trợ Tổng Giám đốc trong công tác khoa học kỹ thuật, công nghệ; tư vấn, thực hiện các dự án đầu tư mở rộng sản xuất và thực hiện một số công việc, nhiệm vụ khác được giao;
- Hỗ trợ Tổng Giám đốc trong công tác điều hành, quản trị hoạt động của Công ty;
- Điều hành, quản lý và tổ chức thực hiện các kế hoạch kinh doanh, công tác tài chính... đã được phê chuẩn nhằm hoàn thành các mục tiêu và chỉ tiêu đã đề ra.

Phó Tổng giám đốc phụ trách Tài chính kế toán: là người được Chủ tịch HĐQT/TGD ủy quyền chịu trách nhiệm quản lý, điều hành mọi hoạt động tài chính kế toán của Công ty bao gồm các quyền hạn và trách nhiệm sau đây:

- Đề xuất xây dựng các chính sách tài chính kế toán dựa theo pháp luật Việt Nam, ban hành các định mức chi phí của Công ty;
- Thu thập số liệu và thực hiện phân tích và đề xuất các phương án huy động vốn cho các dự án đầu tư, nhu cầu sử dụng vốn của Công ty, bổ sung vốn lưu động trong từng thời kỳ;
- Xây dựng và tính toán các chỉ số tài chính và kiểm soát sự lành mạnh của tình hình tài chính Công ty;
- Tổ chức thực hiện các phương án huy động vốn; Giám sát, kiểm tra việc lập báo cáo tài chính theo quy định;
- Kiến nghị lựa chọn kiểm toán; Kiểm tra và chịu trách nhiệm trước Chủ tịch HĐQT/TGD về số liệu tài chính;
- Lập và trình Chủ tịch HĐQT/TGD phê duyệt các phương án tài chính, phân phối lợi nhuận trích lập các quỹ tái đầu tư, vay vốn;
- Chỉ đạo phòng TCKT Công ty; chỉ đạo Kế toán trưởng lập kế hoạch tài chính, xác định nhu cầu vốn cho các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;
- Đề xuất với Chủ tịch HĐQT/TGD để tổ chức các cuộc họp HĐQT bàn về các vấn đề chủ chốt trong phạm vi công việc của mình.
- Đại diện cho Chủ tịch HĐQT/TGD làm việc với các cơ quan nhà nước, đối tác về các vấn đề được ủy quyền/ phân công;
- Yêu cầu mọi bộ phận trong Công ty báo cáo, thuyết minh cung cấp dữ liệu chính xác để phòng hoàn thành nhiệm vụ cho Chủ tịch HĐQT/TGD giao.
- Ký sao một số giấy tờ hành chính được Chủ tịch HĐQT ủy quyền.
- Thực hiện các công việc khác theo sự phân công của lãnh đạo cấp trên.

3.5. Các Phòng, Ban chức năng

➤ Phòng mua hàng:

- Hỗ trợ Tổng Giám đốc điều hành, quản trị hoạt động của phòng; điều hành cung cấp vật tư, thiết bị của Công ty và các công ty thành viên, trực thuộc;
- Báo cáo nguyên liệu, vật tư theo kế hoạch sản xuất; Lập kế hoạch mua bổ sung nguyên liệu, vật tư... chuyển bộ phận chức năng thực hiện;
- Tổ chức cấp phát và quyết toán vật tư theo kế hoạch sản xuất; Tổ chức thực hiện lưu kho, bảo quản, vận chuyển vật tư và sản phẩm. Thực hiện nhập, xuất, quyết toán vật tư. Lưu kho,

bảo quản, vận chuyển vật tư sản phẩm;

- Thực hiện việc mua bán, cung cấp vật tư nguyên liệu, công cụ, dụng cụ đáp ứng yêu cầu sản xuất kinh doanh của Công ty. Giám sát theo dõi quá trình thực hiện hợp đồng của nhà cung ứng;
- Tham mưu cho ban Tổng Giám đốc phụ trách trong công tác hoạch định kế hoạch mua hàng và cung ứng vật tư phục vụ sản xuất kinh doanh của Công ty đáp ứng các yêu cầu về giá cả, số lượng, chất lượng, chủng loại và thời gian;
- Tổ chức công tác phát triển và quản lý các nhà cung cấp hàng hóa, dịch vụ để đảm bảo nguồn cung phù hợp, cạnh tranh đáp ứng được các yêu cầu mở rộng, thay đổi kế hoạch, nhu cầu mua hàng của Công ty;
- Thực hiện tổ chức thu mua nhập khẩu vật tư, thiết bị, sản phẩm đáp ứng yêu cầu sản xuất, thương mại của Công ty. Đánh giá, lựa chọn nhà cung ứng nước ngoài và đánh giá lại theo quy định. Giám sát theo dõi hoạt động thực hiện hợp đồng của nhà cung ứng. Thực hiện nhập hàng, nhận hàng về kho Công ty.

➤ **Phòng Kinh doanh:**

- Hỗ trợ Tổng Giám đốc điều hành, quản trị hoạt động của phòng; Hỗ trợ Tổng Giám đốc điều hành hệ thống Kinh doanh thương mại của Công ty và các Công ty thành viên, trực thuộc;
- Xây dựng và kiểm soát hệ thống thông tin và kiểm soát giá bán: Giá bán được thiết lập theo cơ chế được Công ty phê duyệt. Không có các trường hợp khiếu nại, bất cập về giá bán. Giá bán cho các đối tác bên ngoài thể hiện được định vị sản phẩm, giá bán hàng loại 2, hàng dư;
- Phát triển khách hàng/ kênh bán hàng và quy hoạch sản phẩm: Quy hoạch các nhóm khách hàng và có danh mục sản phẩm cập nhật cho các nhóm khách hàng phù hợp. Triển khai bán hàng cho nhiều kênh bán khác nhau. Đảm bảo minh bạch trong giao dịch với khách hàng. Xử lý các tình huống thừa hàng hóa: Có hệ thống theo dõi để xử lý nhanh các tình huống hàng dư thừa;
- Lập kế hoạch sản xuất đáp ứng yêu cầu khách hàng, căn cứ vào Kế hoạch giao hàng và Hợp đồng (hoặc đơn hàng) do bộ phận bán hàng cung cấp. Viết phiếu/lệnh sản xuất ..., bộ phận liên quan trong Công ty, nêu rõ tiêu chuẩn, số lượng sản phẩm, tiến độ hoàn thành. Theo dõi tiến độ sản xuất, thống kê thu thập dữ liệu; Đôn đốc, kiểm tra, chủ động giải quyết các ách tắc giữa các bộ phận sản xuất;
- Kiểm soát, tham gia đàm phán đối với các giao dịch kinh doanh xuất khẩu: Tìm hiểu nhu cầu thị trường, khách hàng quốc tế để đề xuất các đặc tính phù hợp của sản phẩm cho Công ty. Xem xét và quản lý các hợp đồng bán hàng ra nước ngoài hoặc xuất khẩu tại chỗ, theo yêu cầu của Tổng Giám đốc. Quảng cáo và xúc tiến bán hàng ra nước ngoài;
- Lập kế hoạch giao hàng ra nước ngoài dựa trên nhu cầu thị trường và các hợp đồng, đơn hàng đã ký kết với khách hàng. Tổ chức thực hiện giao hàng và đo lường sự hài lòng của khách hàng. Thực hiện bảo hành sản phẩm sau bán hàng. Chủ trì việc xử lý và giải quyết khiếu nại của khách hàng nước ngoài.

➤ **Phòng Hành chính Nhân sự:**

- Hỗ trợ Phó Tổng Giám đốc phụ trách điều hành hệ thống Hành chính nhân sự của Công ty và

các Công ty thành viên, trực thuộc tổ chức thực hiện các nội dung:

- Công tác phát triển nhân lực; quản trị nhân lực; các thủ tục hành chính hồ sơ pháp lý; lương và phúc lợi; quan hệ lao động, quan hệ đối ngoại, chỉ đạo thực hiện tốt quan hệ với địa phương, ban ngành về công tác hành chính, an ninh quốc phòng;
- Tư vấn, tham mưu cho Ban lãnh đạo Công ty trong việc triển khai các chính sách pháp luật lao động, quy chế, quy trình quản lý để Công ty thực hiện, vận dụng các chính sách pháp luật và quy chế trong quá trình quản lý lao động;
- Tư vấn, đề xuất, xây dựng hệ thống văn bản pháp lý: các nội quy, quy chế, quy trình, quy định... tổ chức thực hiện nhằm kiểm soát để quản trị doanh nghiệp tốt;
- Thực hiện các chế độ BHXH đảm bảo việc thực hiện chính xác, đầy đủ, kịp thời... những nội dung liên quan đến quyền lợi của người lao động và trách nhiệm của người sử dụng lao động theo đúng quy định của Pháp luật;
- Theo dõi và thực hiện công tác thi đua khen thưởng đột xuất, khen thưởng hàng năm và kỷ luật lao động; Xác định nhu cầu đào tạo để xây dựng kế hoạch đào tạo hàng năm.

➤ **Phòng Quản lý sản xuất DC1, Phòng Quản lý Sản xuất DC2:**

- Chủ trì và chịu trách nhiệm chính về thiết kế và lập quy trình công nghệ tổng hợp sản xuất sản phẩm; Lập quy trình và theo dõi công nghệ bao gồm cả việc theo dõi đề xuất, theo dõi chạy thử; Soạn thảo tiêu chuẩn nghiệm thu sản phẩm; Thực hiện việc xem xét kỹ thuật trong thủ tục xem xét hợp đồng theo yêu cầu của khách hàng;
- Soạn thảo kế hoạch chất lượng; Xác định thông số yêu cầu chất lượng, kỹ thuật tiêu chuẩn cho các nguyên liệu, vật tư sản xuất; Lập định mức tiêu hao vật tư, năng lượng, lao động cho sản xuất sản phẩm liên quan;
- Hoạch định chương trình phát triển khoa học trong Công ty. Tiếp nhận các chương trình sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học. Thẩm định các hoạt động cải tiến, hiệu lực và hiệu quả;
- Bổ sung kết quả hoạt động khoa học vào năng lực của Công ty. Bảo mật các thông tin khoa học kỹ thuật trong Công ty. Đề xuất mức thưởng vật chất cho các Công trình, tác giả...

➤ **Phòng Quản lý thiết bị:**

- Quản lý mạng lưới phân phối điện, nước và khí,... toàn Công ty;
- Kiểm soát thiết bị toàn Công ty;
- Phụ trách lắp đặt, hướng dẫn vận hành thiết bị;
- Lập quy trình, hướng dẫn kiểm tra, bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị;
- Thực hiện các quy định quản lý và chuẩn bị kỹ thuật đối với các chi tiết sửa chữa, chi tiết phụ tùng dự phòng của thiết bị;
- Thực hiện bảo trì thiết bị theo kế hoạch; Thực hiện sửa chữa, lắp đặt thiết bị đáp ứng sản xuất;
- Thực hiện duy trì cung cấp điện năng, nước, khí... cho sản xuất của Công ty;
- Thiết lập các biện pháp, chỉ đạo các cá nhân trong đơn vị thực hiện các quy chế Công ty đã ban hành về hệ thống quản lý chất lượng, NL;
- Lập các thủ tục cần thiết cho việc kiểm định, hiệu chuẩn, xin cấp giấy chứng nhận, giấy phép

đăng kí sử dụng đối với các thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động, phòng chống cháy nổ... và các thiết bị đo lường, kiểm tra về điện, nước, khí nén, gaz, dầu, nhiệt trong công ty theo quy định hiện hành của Nhà nước;

- Định kỳ hàng năm (hoặc đột xuất) lập kế hoạch, chỉ đạo thực hiện, đánh giá kết quả thực hiện theo quy định của công ty cũng như của pháp luật Nhà nước hiện hành quy định về công tác an toàn vệ sinh lao động;
- Tuyên truyền, phổ biến chính sách, chế độ, tiêu chuẩn, quy phạm của công ty cũng như của Pháp luật bảo hộ lao động của Nhà nước quy định;
- Thường xuyên kiểm tra, giám sát các nơi làm việc, phát hiện, đề xuất biện pháp ngăn chặn các yếu tố nguy hiểm có hại trong sản xuất và ngăn ngừa tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, ô nhiễm môi trường;
- Lập kế hoạch mua sắm thiết bị mới và thanh lý thiết bị; Quản lý việc giao nhận và điều phối thiết bị của Công ty;
- Theo dõi nhu cầu tiêu thụ năng lượng của thiết bị và toàn bộ dây chuyền sản xuất; sự biến động của nhu cầu tiêu thụ năng lượng liên quan đến việc lắp đặt mới, cải tạo, sửa chữa thiết bị sử dụng năng lượng; thực hiện chế độ báo cáo định kỳ theo quy định;
- Tổ chức thông tin, tuyên truyền, đào tạo, tập huấn trong hoạt động sử dụng tiết kiệm vật tư, năng lượng.

➤ **Phòng Kỹ thuật công nghệ và thống kê sản xuất**

- Chủ trì và chịu trách nhiệm chính về thiết kế và lập quy trình công nghệ tổng hợp sản xuất sản phẩm;
- Lập quy trình và theo dõi công nghệ bao gồm cả việc theo dõi đề xuất, theo dõi chạy thử; Soạn thảo tiêu chuẩn nghiệm thu sản phẩm; Thực hiện việc xem xét kỹ thuật trong thủ tục xem xét hợp đồng theo yêu cầu của khách hàng;
- Soạn thảo kế hoạch chất lượng; Xác định thông số yêu cầu chất lượng, kỹ thuật tiêu chuẩn cho các nguyên liệu, vật tư sản xuất; Lập định mức tiêu hao vật tư, năng lượng, lao động cho sản xuất sản phẩm liên quan;
- Hoạch định chương trình phát triển khoa học trong Công ty. Tiếp nhận các chương trình sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học. Thẩm định các hoạt động cải tiến, hiệu lực và hiệu quả;
- Bổ sung kết quả hoạt động khoa học vào năng lực của Công ty. Bảo mật các thông tin khoa học kỹ thuật trong Công ty. Đề xuất mức thưởng vật chất cho các Công trình, tác giả...
- Thực hiện các báo cáo của khối sản xuất theo yêu cầu;
- Thống kê nhân lực hàng ngày, thống kê lương, viết phiếu, cấp phát vật tư, bảo hộ lao động, văn phòng phẩm, công tác hành chính và quản lý kho của bộ phận sản xuất;
- Thực hiện các công việc khác được giao.

➤ **Phòng Tài chính:**

- Nhiệm vụ của phòng Tài chính là hỗ trợ Phó tổng Giám đốc phụ trách Tài chính theo dõi, kiểm soát việc quản lý tài chính và điều hành công tác tài chính theo đúng quy định của nhà nước;

- Phòng tài chính chịu trách nhiệm tư vấn, tham mưu cho Phó tổng Giám đốc phụ trách Tài chính việc sử dụng các nguồn lực tài chính và tài sản của công ty sao cho hiệu quả và hợp lý nhất;
- Hàng năm lập kế hoạch tài chính trình Ban Tổng Giám đốc phê duyệt, đây là việc làm cần thiết vì giúp doanh nghiệp chủ động được trong việc hoạch định và có căn cứ để lập kế hoạch tài chính phù hợp với thực tế sản xuất kinh doanh;
- Theo dõi, quản lý nguồn vốn và tài sản của doanh nghiệp;
- Kiểm soát các dòng tiền, sự vận động của dòng tiền, tình hình lưu chuyển tiền tệ trong và ngoài có liên quan đến doanh nghiệp;
- Thực hiện công tác giám sát vốn sử dụng nội bộ, đảm bảo kiểm soát tài chính minh bạch, chính xác, hiệu quả;
- Xây dựng và trình duyệt phương án về cơ cấu nguồn vốn, tài sản và điều hòa vốn trong toàn doanh nghiệp;
- Xây dựng kế hoạch cụ thể nhằm huy động nguồn vốn trung và dài hạn cũng như nguồn vốn lưu động và kế hoạch tín dụng, bằng các hình thức được pháp luật cho phép để huy động vốn cho hoạt động kinh doanh;
- Theo dõi và quản lý các khoản nợ vay và các khoản cho vay. Đảm bảo thanh toán các khoản nợ vay đúng hạn và thu hồi nợ gốc cùng lãi cho vay đầy đủ, đúng thời hạn.

➤ **Phòng Kế toán:**

- Nhiệm vụ của phòng kế toán là hỗ trợ Phó tổng Giám đốc phụ trách Tài chính tổ chức bộ máy kế toán và điều hành bộ máy kế toán theo đúng quy định của nhà nước;
- Tổ chức tốt việc thực hiện quy trình hạch toán kế toán;
- Giám sát và kiểm tra các nghiệp vụ của kế toán viên hàng ngày nhằm đảm bảo tính trung thực, chính xác của các số liệu, các khoản mục doanh thu và chi phí hàng ngày...;
- Định kỳ tiến hành lập báo cáo tài chính theo quý, năm. Việc lập báo cáo cần đảm bảo tuân thủ đúng các nguyên tắc kế toán, chính xác, kịp thời, đầy đủ và đúng quy định của Nhà nước;
- Thực hiện việc bảo quản, lưu trữ chứng từ, hồ sơ kế toán theo đúng quy định của Luật kế toán;
- Tổ chức thực hiện việc kê khai, quyết toán thuế, tiến hành nộp thuế và các khoản phải nộp khác cho Nhà nước. Đồng thời hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các quy định, chính sách thuế của các đơn vị trực thuộc Công ty;
- Hướng dẫn và kiểm tra việc thực hiện công tác kế toán và lập báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc;
- Kho nguyên liệu, vật tư sản xuất:
- + Báo cáo nguyên liệu, vật tư theo kế hoạch sản xuất;
- + Lập kế hoạch mua bổ sung nguyên liệu, vật tư... chuyển bộ phận chức năng thực hiện;
- + Tổ chức cấp phát và quyết toán vật tư theo kế hoạch sản xuất;
- + Tổ chức thực hiện lưu kho, bảo quản, vận chuyển vật tư và sản phẩm;

+ Thực hiện nhập, xuất, quyết toán vật tư. Lưu kho, bảo quản, vận chuyển vật tư sản phẩm.

4. Cơ cấu cổ đông

4.1. Cơ cấu cổ đông tại ngày 31/12/2023

Bảng số 2: Cơ cấu cổ đông của Công ty tại ngày 31/12/2023

STT	Đối tượng	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu (%)
I	Cổ đông trong nước, nước ngoài	105	99.919.900	100
1	Trong nước	104	99.419.900	99,5
1.1	Nhà nước	0	0	0
1.2	Tổ chức	0	0	0
1.3	Cá nhân	104	99.419.900	99,5
2	Nước ngoài	01	500.000	0,5
2.1	Tổ chức nước ngoài, Tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ trên 50% vốn điều lệ	0	0	0
2.2	Cá nhân	01	500.000	0,5
Tổng cộng		105	99.919.900	100
II	Cổ đông lớn, cổ đông khác	105	99.919.900	100
1	Cổ đông lớn	03	41.679.189	41,71
2	Cổ đông khác	102	58.240.711	58,29
Tổng cộng		105	99.919.900	100

(Nguồn: Danh sách cổ đông tại ngày 31/12/2023 của Công ty)

4.2. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ phần của Công ty

Bảng số 3: Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ phần của Công ty

STT	Tên	Địa chỉ	Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ nắm giữ
1	Nguyễn Tuấn Minh	Tổ 4, Thị Trấn Đông Anh, Huyện Đông Anh, Hà Nội	27.298.104	27,32
2	Nguyễn Duy Tuấn	41-A21 Bắc Nghĩa Tân, Cầu Giấy, Hà Nội	7.000.000	7,01
3	Nguyễn Thị Thành	P7-B2-208D Đội Cấn, Ba Đình, Hà Nội	7.381.085	7,39
Tổng cộng			41.679.189	41,72

(Nguồn: Danh sách cổ đông tại ngày 31/12/2023 của Công ty)

4.3. Danh sách cổ đông sáng lập

Theo quy định tại Khoản 3 Điều 120 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020: “Trong thời hạn 03 năm kể từ ngày công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, cổ phần phổ thông của cổ đông sáng lập được tự do chuyển nhượng cho cổ đông sáng lập khác và chỉ được chuyển nhượng cho người không phải là cổ đông sáng lập nếu được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp này, cổ đông sáng lập dự định chuyển nhượng cổ phần phổ thông thì không có quyền biểu quyết về việc chuyển nhượng cổ phần đó.”.

Công ty Cổ phần Miza được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0105028958 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 02/12/2010, cấp thay đổi lần thứ 15 ngày 19/12/2023. Do đó, kể từ khi hoạt động dưới hình thức Công ty Cổ phần, tính đến thời điểm hiện tại đã hơn 03 năm, toàn bộ cổ phiếu của cổ đông sáng lập đã hết thời gian hạn chế chuyển nhượng.

5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của Công ty đại chúng, những công ty mà Công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Công ty đại chúng**5.1. Công ty mẹ: Không có****5.2. Công ty con:**

- Tên đầy đủ : Công ty TNHH Miza Nghi Sơn
- Trụ sở chính : KCN số 05 thuộc Khu kinh tế Nghi Sơn, xã Trường Lâm, Thị xã Nghi Sơn, Thanh Hoá
- Vốn điều lệ đăng ký : 872.000.000.000 đồng (*Tám trăm bảy mươi hai tỷ đồng*)
- Vốn điều lệ thực góp : 872.000.000.000 đồng (*Tám trăm bảy mươi hai tỷ đồng*)
- Tổng mức đầu tư : 2.900.000.000.000 (*bằng chữ: Hai nghìn chín trăm tỷ đồng*)
- Giấy chứng nhận ĐKKD : 2802520818 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp lần đầu ngày 07/01/2018, thay đổi lần 8 ngày 29/12/2023
- Ngày thành lập : 07/01/2018
- Ngành nghề kinh doanh : Sản xuất bột giấy, giấy và bìa
- Tỷ lệ sở hữu của Miza hiện nay : 100%
- Tỷ lệ biểu quyết của Miza hiện nay : 100%

[Phần này của trang được cố ý bỏ trống]

Toàn cảnh Công ty TNHH Miza Nghi Sơn**6. Hoạt động kinh doanh****6.1. Các sản phẩm, dịch vụ chính của Công ty**

Với tầm nhìn xa để nhận biết “giấy thải, giấy loại đang ngày càng trở thành nguồn nguyên liệu chủ yếu trong sản xuất giấy”, cuối năm 2010, Ban lãnh đạo Công ty Cổ phần Miza đã đề ra định hướng chiến lược và quyết tâm phát triển theo hướng tái chế giấy thải một cách bền vững, nhằm bảo vệ nguồn tài nguyên thiên nhiên và môi trường.

Hiện tại, Công ty Cổ phần Miza đang chú trọng vào ngành nghề chính là tái chế phế liệu để sản xuất ra sản phẩm giấy bao bì, bao gói cung cấp cho các nhà máy bao bì cả nước. Đây là một trong những ngành được nhà nước khuyến khích do giải quyết được vấn đề ô nhiễm môi trường, tái chế rác thải (giấy vụn các loại) để tạo ra sản phẩm tái sử dụng cho sản xuất và tiêu dùng. Lợi ích của ngành này là không thể phủ nhận và hoàn toàn dễ nhận thấy, như giúp bảo tồn rừng tự nhiên, giảm lượng khí thải CO₂, giảm chất thải rắn, giảm nước thải và cải thiện chất lượng nước. Các sản phẩm được tái chế từ giấy được sử dụng rộng rãi hiện nay đó là thùng carton, giấy in tạp chí, giấy kraft, lịch ...

Với phương châm “Chất lượng tạo nên sự phát triển bền vững”, kể từ khi thành lập cho đến nay, Công ty Cổ phần Miza luôn phấn đấu để trở thành công ty hàng đầu trong lĩnh vực sản xuất tái chế giấy tại Việt Nam, đi đầu về sản lượng và chất lượng, đáp ứng những tiêu chuẩn khắt khe nhất về cung ứng sản xuất. Đồng thời, Công ty cũng không ngừng sáng tạo, cải tiến tạo ra những sản phẩm và dịch vụ chất lượng cao với giá cạnh tranh, từ đó tạo công ăn việc làm và thu nhập cho người lao động; đáp ứng yêu cầu công tác bảo vệ môi trường, góp phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương.

Các nhóm sản phẩm chính của Công ty hiện nay đang cung cấp bao gồm: Giấy mặt (Testliner) và Giấy sóng (Medium) chất lượng cao. Các sản phẩm của Công ty đã được xuất khẩu đến nhiều nước trên thế giới... và được khẳng định bằng chính thương hiệu MIZA của mình trong ngành tái chế giấy và bao bì. Sự khẳng định đó được thể hiện bằng chính tên gọi MIZA và đó cũng chính là cam kết của Công ty với bạn hàng trong và ngoài nước.

Sản lượng và giá trị hàng hóa thành phẩm Công ty cung cấp qua các năm, chia theo từng loại sản phẩm cung cấp:

Sản phẩm	Năm 2022			Năm 2023		
	Sản lượng sản xuất (kg)	Sản lượng tiêu thụ (kg)	Đơn giá bình quân (đồng/kg)	Sản lượng sản xuất (kg)	Sản lượng tiêu thụ (kg)	Đơn giá bình quân (đồng/kg)
Giấy Testliner	104.353.919	103.777.526	11.249	103.228.645	102.822.464	9.316
Giấy Medium	65.151.978	64.593.679	10.423	66.112.233	65.409.025	8.384
Giấy Kraftliner	943.186	943.186	13.024	7.823.458	7.823.458	12.875

(Nguồn: CTCP Miza)

a. Giấy mặt (Giấy Testliner)

Là một trong những sản phẩm chủ lực của Công ty, Giấy mặt, hay còn gọi giấy Testliner, là loại giấy dạng cuộn, không tẩy trắng, sản xuất từ nguyên liệu giấy tái chế với nhiều ứng dụng thiết thực như: làm thùng carton, túi giấy, bao bì giấy khác,... Sản phẩm có các kích thước 2.200mm, 3.400mm, 4.800 mm.

Nguyên phụ liệu tạo ra giấy mặt:

- Giấy phế liệu OCC nội địa và nhập khẩu;
- Phẩm màu;
- Tinh bột sắn và các hóa chất phụ gia khác.

Hình số 3: Một số sản phẩm giấy mặt của Công ty





(Nguồn: CTCP Miza)

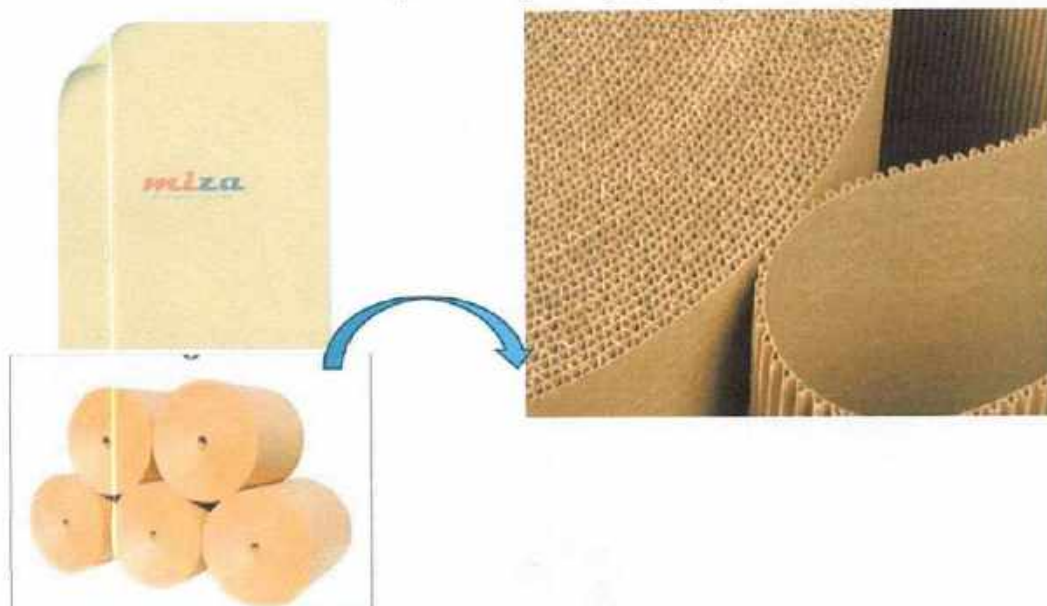
b. Giấy sóng (Giấy Medium)

Là giấy dạng cuộn, không tẩy trắng, sản xuất từ nguyên liệu giấy tái chế với nhiều ứng dụng như: Giấy làm thùng carton, túi giấy, bao bì giấy khác. Sản phẩm có các kích thước 2.200mm, 3.400mm, 4.800mm.

Nguyên phụ liệu tạo ra giấy sóng:

- Giấy phế liệu nội địa;
- Tinh bột, chất trợ chống thấm.

Hình số 4: Một số sản phẩm giấy sóng của Công ty

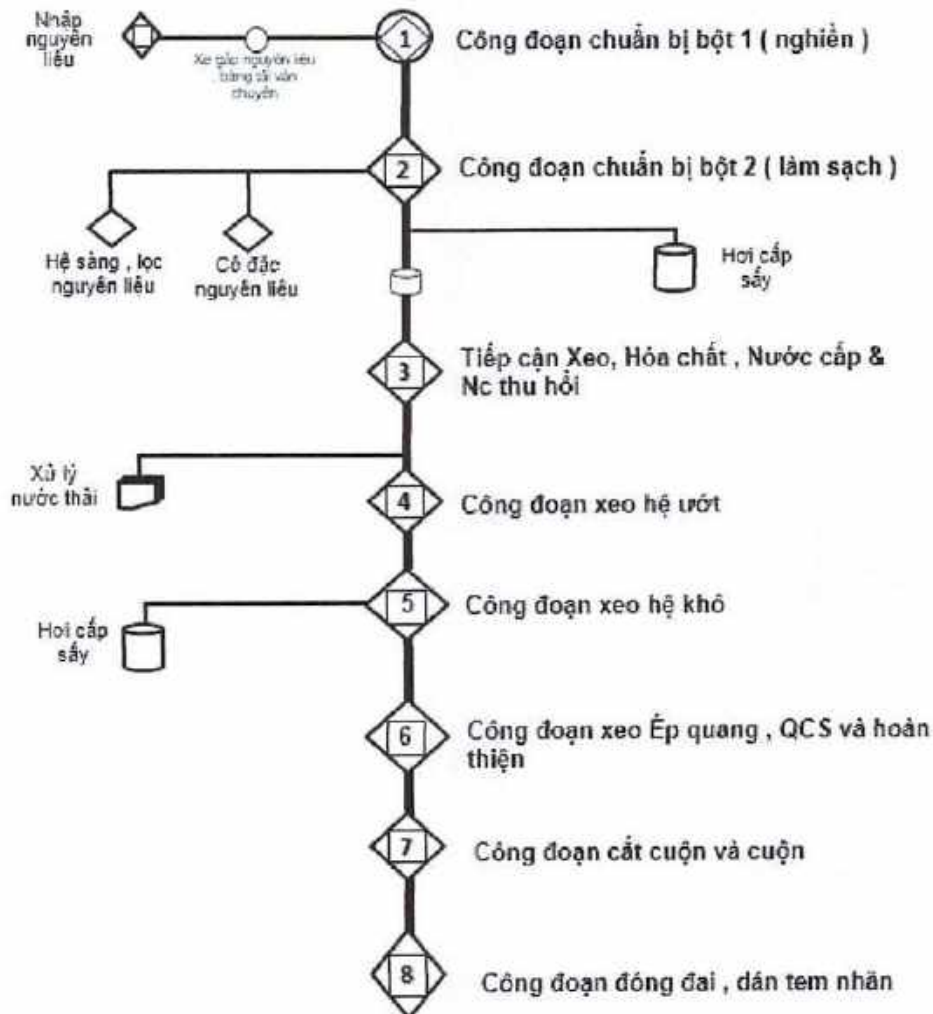


(Nguồn: CTCP Miza)

6.2. Quy trình sản xuất

Quy trình sản xuất của Công ty được thể hiện trong sơ đồ sau:

Hình số 5: Quy trình sản xuất của Công ty



(Nguồn: CTCP Miza)

Chi tiết Quy trình công nghệ sản xuất giấy như sau:

❖ Công đoạn 1: Chuẩn bị bột 1 (nghiền)

- Nguyên liệu là giấy bìa các tông, hòm hộp,... đã qua sử dụng được tập kết ở khu vực chứa nguyên liệu nhà máy. Khu vực chứa nguyên liệu có mái che kín, tránh nước mưa làm ảnh hưởng chất lượng nguyên liệu. Sau đó nguyên liệu được đưa đến băng tải xích bằng xe nâng hoặc xe xúc lật để đưa vào nghiền thùy lực, dây kèm buộc kiện nguyên liệu được cắt và lấy ra tự động.
- Tại thùy lực: bổ sung lượng nước (lượng nước này được tuần hoàn từ khâu chuẩn bị bột - bề nước trắng sau cô đặc và nguồn từ trước khi vào hệ thống xử lý nước thải) được cấp để đạt nồng độ 3 ÷ 4,5%. Nguyên liệu được đánh tơi và phân tán đều trong nước (dạng huyền phù bột) nhờ thùy lực do roto tạo nên và nhờ quá trình va chạm với gờ thành thùy lực. Các chất thải như băng dính, túi Nylon, mảnh nhựa,... không có khả năng hòa tan sẽ được xe xúc lật gắp rác loại bỏ cuối quy trình của từng mẻ đánh bột.

❖ Công đoạn 2: Chuẩn bị bột 2 (làm sạch)

- Lọc cát nồng độ cao, sàng thô: Sau nghiền thủy lực huyền phù bột giấy sẽ được cấp vào hệ thống lọc cát nồng độ cao 3-4.5% để loại bỏ các tạp chất nặng như đá, sỏi, đinh, ghim,... trước khi đưa sang hệ thống sàng thô, sàng phân ly, sàng tách rác để lọc các tạp chất có kích thước lớn như xốp, giấy bóng, băng keo (phần nhỏ chưa được loại hết tại hệ thống thủy lực).
- Lọc cát nồng độ trung bình : bột sau công đoạn làm sạch Sàng thô, phân ly và tách rác được cấp vào hệ thống lọc cát nồng độ trung bình 1-2% để lọc loại bỏ cát, đinh ghim nhỏ chưa được loại bỏ từ công đoạn lọc cát nồng độ cao. Đinh, ghim, sỏi, đá, cát,... định kỳ được vận chuyển đi, tại đây phần nước theo cùng thải được chảy về hệ thống rãnh thải và dẫn về hệ thống xử lý nước thải (HTXLNT) chung của nhà máy.
- Sàng phân sợi : Phần bột tốt sau công đoạn lọc cát nồng độ trung bình được cấp vào thiết bị sàng phân sợi (tách bột thành 2 dạng huyền phù bột xơ sợi ngắn và huyền phù bột xơ sợi dài)
- + Xơ sợi ngắn: tuyến sợi ngắn sau sàng phân sợi được pha loãng đến nồng độ thích hợp (khoảng 1%) và được dẫn qua thiết bị sàng tinh lớp mặt để loại bỏ một lần nữa các bọt xốp, nilon lẫn trong bột. Phần bột sau đó được đưa lên thiết bị cô đặc lưới nghiêng lớp mặt để cô đặc bột nồng độ lên 3-4%, phần bột sau cô đặc được đưa về bể máy lớp mặt. Phần nước sau cô đặc được dẫn về bể nước trắng, tuần hoàn khép kín cho các công đoạn cần pha loãng, điều chỉnh nồng độ.
- + Xơ sợi dài: được xử lý tiếp theo các công đoạn dưới đây:
 - Lọc cát nồng độ thấp: tuyến sợi dài sau sàng phân sợi được pha loãng đến nồng độ thích hợp (khoảng 1%) cấp lên hệ thống lọc cát nồng độ thấp. Tại đây phần cát sạn mịn lẫn trong huyền phù bột giấy được loại bỏ, và phần bột tốt được dẫn qua sàng tinh lớp đáy 2 cấp.
 - Sàng tinh 2 cấp, cô đặc đĩa: bột sợi dài sau lọc cát nồng độ thấp được làm sạch tiếp bằng cách đưa qua cụm thiết bị sàng tinh lớp đáy 2 cấp để loại bỏ nilon, bọt xốp lẫn trong bột.
 - Bột sau sàng tinh 2 cấp được cô đặc bằng thiết bị cô đặc lưới nghiêng lên đến nồng độ 3-4% và đưa về bể máy lớp đáy. Phần nước sau cô đặc nước nghiêng dẫn về bể nước trắng, tuần hoàn khép kín cho các công đoạn cần pha loãng, điều chỉnh nồng độ.

❖ Công đoạn 3: Tiếp cận xeo, hóa chất, nước cấp và nước thu hồi

- Bột từ 2 bể máy lớp mặt, lớp đáy được đưa đến hệ thống tiếp cận xeo trước khi được bơm lên 02 hòm phun lớp mặt, lớp đáy với nồng độ từ 0,6 - 1%. Hòm phun có hệ thống cơ học để điều chỉnh hình thành bột lên lưới theo chiều ngang để tạo sự đồng đều về định lượng theo chiều ngang của tờ giấy.
- Quá trình thoát nước trên lưới tạo liên kết các xơ sợi, hình thành băng giấy. Phần nước thoát ra trên lưới và nước phun rửa được máng hứng dẫn về hệ thống pha loãng trước bơm quạt

cấp lên hòm phun, lượng dư sẽ đưa về bể nước trắng pha loãng ở công đoạn chuẩn bị bột.

- Tùy theo yêu cầu của khách hàng về màu của sản phẩm, tại công đoạn trước khi lên xeo giấy có bổ sung thêm các phẩm màu, tỷ lệ pha phối màu tùy theo yêu cầu khách hàng.
- Cuối công đoạn hình thành trên lưới, băng giấy có độ khô từ 20-25%.

❖ **Công đoạn 4: Xeo hệ ướt**

- Băng giấy được bắt từ cuối phần lưới sang phần ép nhờ lô pickup (hút chân không) và chần ép. Quá trình ép hút, ép lượng nước trên băng giấy thoát ra qua chần và sau mỗi chu trình lượng nước từ chần được lấy ra nhờ hộp hút chân không. Băng giấy cuối công đoạn ép ướt sau khi đi qua 3 cặp ép có độ khô khoảng 45 - 55%.

❖ **Công đoạn 5: Xeo hệ khô**

- Sau phần ép ướt băng giấy được bắt vào phần sấy trước sử dụng hơi nước bão hòa gia nhiệt gián tiếp làm khô giấy đạt độ khô > 92% trước khi vào hệ thống ép keo.
- Tại hệ thống ép keo (AKD, tinh bột, chất cật mạch, phèn đơn, chất chống thấm bề mặt..) được bổ sung dưới dạng dung dịch hồ tinh bột để tăng chất lượng cơ lý, tăng khả năng chống thấm bề mặt giấy.
- Sau đó băng giấy sẽ qua bộ phận sấy sau và đạt độ khô đến 92-96% trước khi tới công đoạn ép quang tiếp theo.
- Toàn bộ hơi nước ngưng tụ của quá trình trao đổi nhiệt sấy khô giấy gián tiếp được tận dụng lại cho lò hơi, nấu keo nhằm giảm chi phí hơi sấy.

❖ **Công đoạn 6: Xeo ép quang, OCS và hoàn thiện**

- Giấy sau cụm sấy trước được đưa qua công đoạn ép quang nhằm tăng cường độ nhẵn bề mặt giấy, đáp ứng nhu cầu in ấn của khách hàng. Sau đó, giấy được qua hệ thống QCS kiểm tra độ ẩm, định lượng giấy trước khi vào cuộn.
- Các dữ liệu định lượng, độ ẩm QCS trả về được làm tín hiệu điều khiển hệ thống DCS điều chỉnh định lượng tự động, liên tục.

❖ **Công đoạn 7: Cuộn và cắt cuộn lại**

- Giấy sau QCS được cuộn vào lô cuộn và kiểm tra chất lượng trước khi chuyển xuống máy cắt cuộn lại.
- Cắt cuộn lại: Lô giấy được đưa qua bộ phận cắt cuộn lại theo kích thước yêu cầu khách hàng và được kiểm tra chất lượng thêm một lần trước khi nhập kho.

❖ **Công đoạn 8: Đóng đai, dán tem nhãn**

- Giấy sau khi được kiểm tra thành phẩm công đoạn cắt cuộn lại được đai quâ tự động/bán tự

❖ **Công đoạn 8: Đóng đai, dán tem nhãn**

- Giấy sau khi được kiểm tra thành phẩm công đoạn cắt cuộn lại được đai quá tự động/bán tự động theo tiêu chuẩn đai gói, dán tem nhãn theo tiêu chuẩn phân biệt lô sản xuất và nhập kho thành phẩm.

6.3. Trình độ công nghệ

Dây chuyền sản xuất các sản phẩm giấy tại các nhà máy của Công ty được nhập khẩu đồng bộ chính hãng từ những đơn vị cung cấp máy móc thiết bị ngành giấy lớn trên thế giới.

Hiện nay, sản phẩm của Công ty được sản xuất trên những dây chuyền máy móc và công nghệ hiện đại có công suất lên tới 170.000 tấn/ năm.

Hình số 6: Dây chuyền sản xuất tại nhà máy của Công ty





(Nguồn: CTCP Miza)

Đặc điểm nổi bật trong dây chuyền sản xuất của Công ty đó là đã được đầu tư đồng bộ chuyên sâu cả máy móc và phần mềm để tối ưu hóa, tối ưu hóa khả năng vận hành hệ thống, giúp nhà sản xuất đạt tới những yêu cầu khó khăn nhất của khách hàng. Một số máy móc và công nghệ được ứng dụng trong quá trình sản xuất sản phẩm giấy của Công ty bao gồm:

- **Sàng tách sợi:** Phân tách xơ sợi ngắn và dài, tận dụng triệt để nguồn xơ sợi tái chế tạo ra sản phẩm giấy sạch và mịn hơn so với công nghệ truyền thống.

Hình số 7: Sàng tách sợi

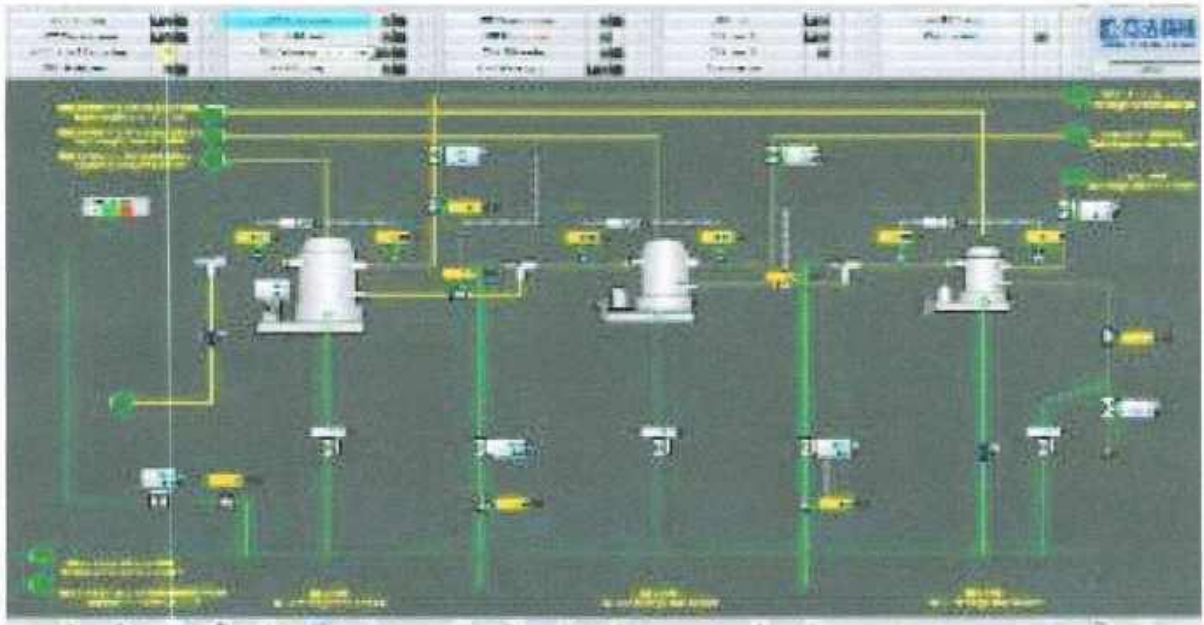


(Nguồn: CTCP Miza)

[Phần này của trang được cố ý bỏ trống]

- **Hệ thống kiểm soát phân tán:** Kiểm soát và tối ưu hóa quá trình vận hành hệ thống chuẩn bị bột, nâng cao chất lượng sản phẩm, giảm hao phí trong quá trình sản xuất.

Hình số 8: Hệ thống kiểm soát phân tán

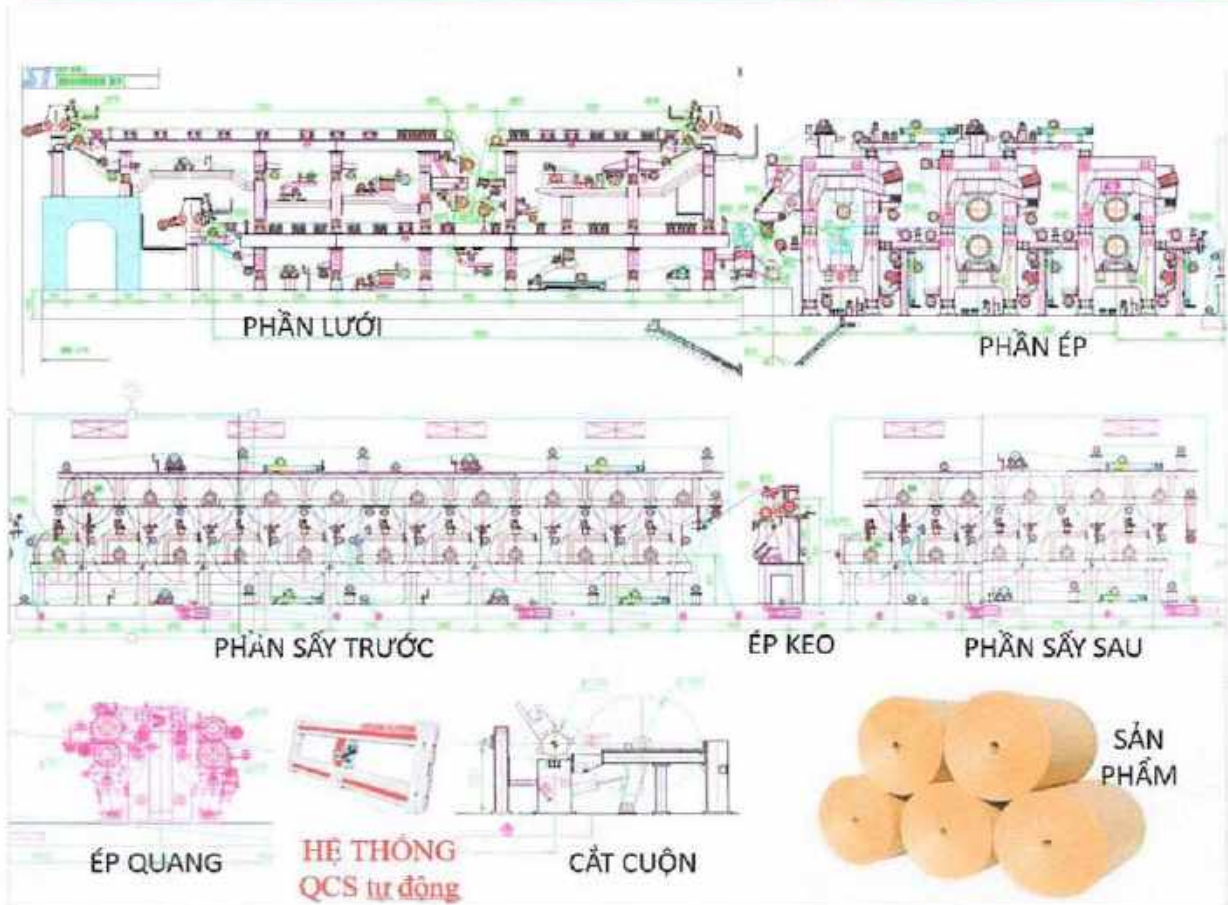


(Nguồn: CTCP Miza)

- **Máy xeo dài 3 lưới:** Hình thành tờ giấy có chất lượng và tính chất cơ lý tốt.

Hình số 9: Máy xeo dài 3 lưới

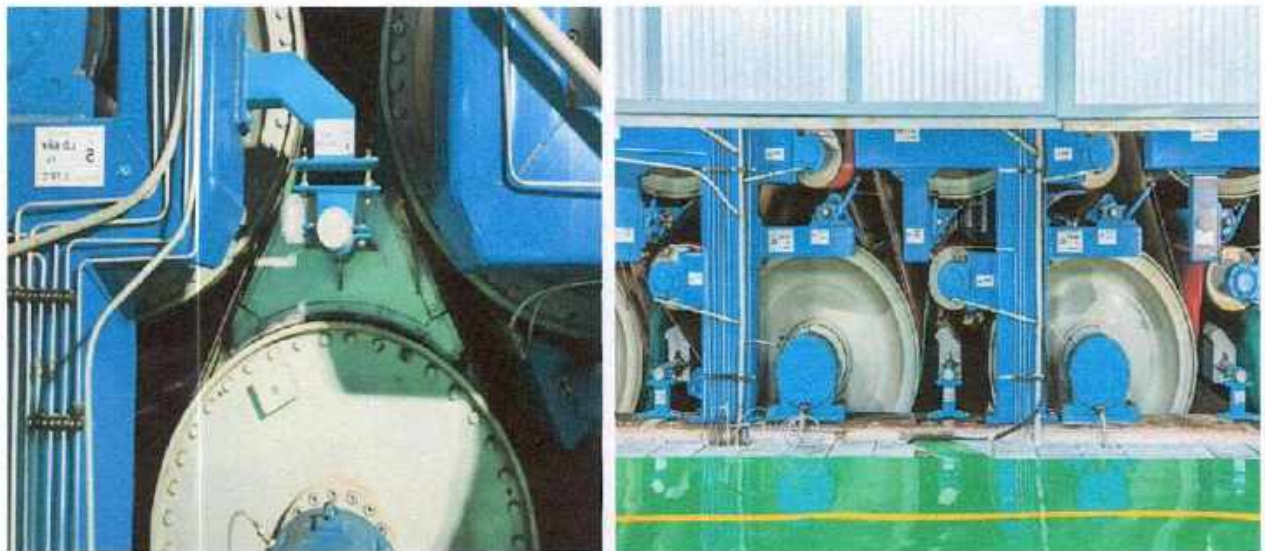




(Nguồn: CTCP Miza)

- **Hệ thống lô sấy 24 lô đường kính 1.800mm:** Tiết kiệm triệt để hơi tiêu hao và tạo tờ giấy có độ bóng, đàn hồi, chắc.

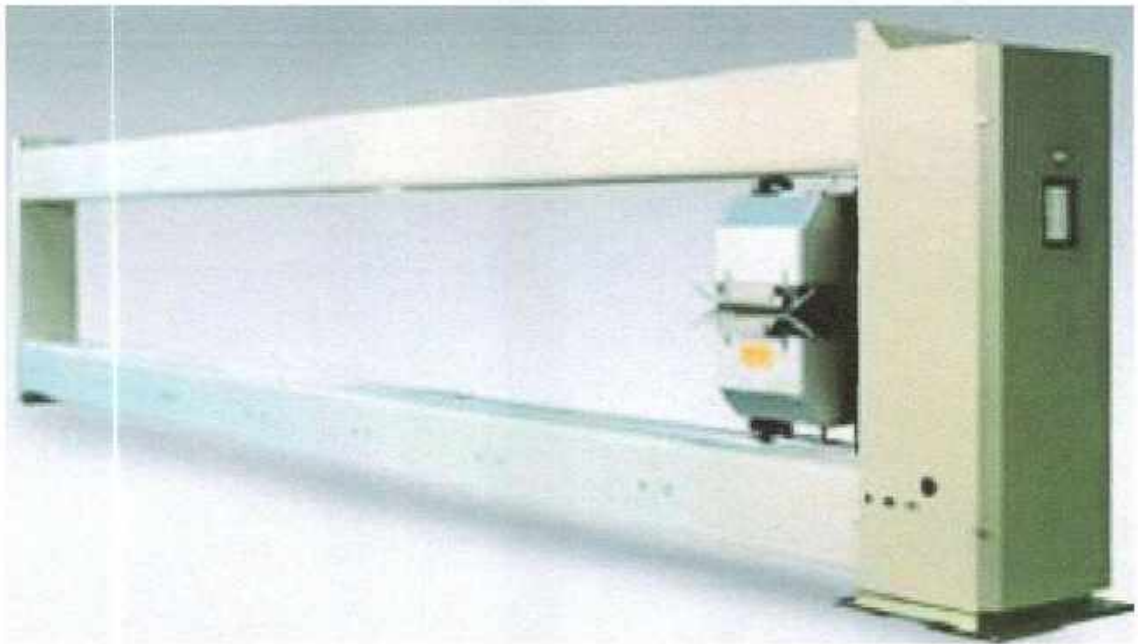
Hình số 10: Hệ thống lô sấy 24 lô đường kính 1.800mm



(Nguồn: CTCP Miza)

- **Hệ thống QCS, tiết kiệm hơi:** Kiểm soát chất lượng giấy và tối ưu hóa chế độ vận hành, giúp giảm tiêu hao nguyên nhiên liệu trong quá trình sản xuất.

Hình số 11: QCS, tiết kiệm hơi



(Nguồn: CTCP Miza)

- **Hệ thống cắt cuộn:** Cuộn giấy phẳng và chặt.

Hình số 12: Hệ thống cắt cuộn



(Nguồn: CTCP Miza)

6.4. Tính thời vụ của hoạt động sản xuất kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm giấy phục vụ trong lĩnh vực tái chế và sản xuất giấy, bao bì,... Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty không mang tính thời vụ mà diễn ra liên tục trong năm.

6.5. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm/dịch vụ

Chất lượng sản phẩm và sự hài lòng của khách hàng luôn là một trong những tiêu chí hàng đầu của Công ty. Do đó, Công ty luôn chú trọng đến công tác kiểm soát chặt chẽ quy trình sản xuất và chất lượng sản phẩm để phục vụ khách hàng ngày một tốt hơn, đặt trọng tâm vào con người và đầu tư máy móc trang thiết bị kiểm tra tiêu chuẩn với độ chính xác tuyệt đối. Công ty là một trong những đơn vị đi đầu trong lĩnh vực sản xuất tái chế giấy miền Bắc, hiện tại Công ty đang áp dụng hệ thống tiêu chuẩn ISO 9001:2015 và Chương trình “Sản xuất sạch hơn”, Chương trình “5S” của Nhật Bản với các tiêu chí “Sàng lọc, Sắp xếp, Săn sóc, Sạch sẽ, Sẵn sàng” riêng hệ thống tiêu chuẩn ISO đã được Miza áp dụng từ nhiều năm. Ngoài ra, Công ty luôn quan tâm đến hiệu quả quản lý và chính sách chất lượng: Hệ thống quản lý của Công ty luôn được cải tiến để phù hợp với yêu cầu phát triển và được các tổ chức chứng nhận uy tín quốc tế như FSC (Foresk Stewardship Council)- trụ sở chính tại Đức, BVQI (Bureau Veritas Quality International) trụ sở chính tại Pháp và QUACERT (Vietnam Certificate Centre) tại Việt Nam đánh giá giám sát công nhận phù hợp các Tiêu chuẩn quốc tế như FSC; ISO 9001:2015; ISO 14001:2015. Vì vậy, các sản phẩm của Công ty luôn được đánh giá cao và được ưu tiên từ các bạn hàng trong và ngoài nước, có thể xâm nhập được vào cả những thị trường khó tính như Nhật Bản, Mỹ, châu Âu,...

Hiện nay, Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2015 và ISO 14001:2015 chứng nhận vận hành hệ thống quản lý ở phạm vi sản xuất giấy bao bì từ nguyên liệu tái chế. ISO 9001 là tiêu chuẩn quốc tế về hệ thống quản lý chất lượng do Tổ chức tiêu chuẩn hóa quốc tế (ISO) ban hành. Việc áp dụng ISO 9001 đã giúp cho Công ty tạo được cách làm việc khoa học, sự nhất quán trong công việc, chuẩn hóa các quy trình hoạt động, loại bỏ được nhiều thủ tục không cần thiết, rút ngắn thời gian và giảm chi phí phát sinh do xảy ra những sai sót trong công việc, đồng thời làm cho năng lực trách nhiệm cũng như ý thức của cán bộ công nhân viên nâng lên rõ rệt. Công ty có có hệ thống kiểm soát chất lượng bài bản, chặt chẽ, có Trung tâm QCS/QC với các trang thiết bị kiểm tra, đo lường hiện đại phục vụ kiểm soát chất lượng và nghiên cứu khoa học, do đó góp phần hạ thấp chi phí gián tiếp sản phẩm và chi phí kinh doanh. Chi tiết các hệ thống trong Quy trình kiểm tra chất lượng sản phẩm của Công ty gồm:

❖ Hệ thống điều khiển DCS - Kiểm tra chất lượng QCS:

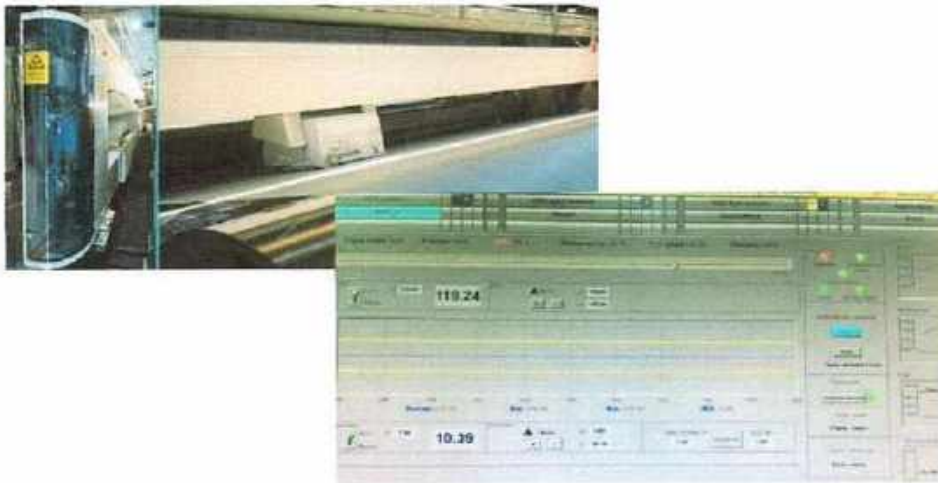
- Công ty đầu tư hệ thống kiểm soát phân tán DCS, kiểm soát chất lượng sản phẩm QCS cung cấp bởi Công ty GAODA (Trung Quốc) dựa trên công nghệ bản quyền của hãng SIEMENS.
- Mục đích: Kiểm tra định lượng, độ ẩm liên tục trên chuyền kiểm soát sự ổn định chất lượng theo yêu cầu khách hàng.
- Thông số kỹ thuật:
 - + Dài khổ đo: 4.800m,
 - + Định lượng đo: 90-185g/cm,

- + Độ ẩm: 5-12%,
- + Sử dụng hệ điều hành của PCS7 V9.0 của Siemens.

(Thiết bị được nhập khẩu từ Công ty TNHH KH & KT Gaoda Tứ Xuyên (Sichuan Gaoda Science & Technology Co., Ltd) là một công ty hoạt động dưới sự kiểm soát của quân đội, được thành lập bởi Viện Vật lý Công trình Trung Quốc, với 20 năm kinh nghiệm trong nghiên cứu và phát triển các giải pháp về tự động hóa).

- Ưu điểm của hệ thống DCS và QCS là đảm bảo tăng khả năng kiểm soát chất lượng (Sai số định lượng 2%, Sai số độ ẩm 1%, Tối đa hóa tính chất cơ lý của tờ giấy, Giảm đứt giấy và mối nối); Tăng công suất cho dây chuyền (Tăng chính phẩm, giảm thời gian dừng máy); Kiểm soát chặt chẽ và tối ưu hóa chế độ vận hành; Giảm tiêu hao nguyên nhiên liệu trong quá trình sản xuất, giúp quá trình sản xuất thân thiện hơn với môi trường.

Hình số 14: Hệ thống điều khiển DCS - Kiểm tra chất lượng QCS



(Nguồn: CTCP Miza)

❖ **Hệ thống kiểm tra chất lượng sản phẩm trong phòng thí nghiệm:**

Song song kiểm tra chất lượng sản phẩm trong phòng thí nghiệm: soát chất lượng (Sai số định lượng 2%, Sai số độ ẩm 1%), Tối đa hóa lượng sản phẩm trong phòng thí nghiệm và hỗ trợ đặc lực cho hệ thống DCS, QCS. Kiểm tra chất lượng sản phẩm trong phòng thí nghiệm: soát chất lượng (Sai số định lượng 2%, Sai số độ ẩm 1%), Tối đa hóa lượng sản phẩm.

- **Kiểm tra độ chịu bực:**

- + Mục đích: Đo một trong những chỉ số kiểm soát quan trọng đến chất lượng giấy thành phẩm.
- + Phương pháp kiểm tra: Máy có tính năng hoàn toàn tự động (Kiểm tra độ bực chỉ bằng các thao tác bấm phím trên màn hình). Máy bắn bực PNShar có thêm chức năng in nhiệt, in kết quả sau khi đo. Thích hợp kiểm tra độ bực nhà máy sản xuất giấy.
- + Thông số kỹ thuật
 - Thang đo: 70-1.400 kPa;
 - Tốc độ nén: 95±5 ml/phút;
 - Độ chính xác: ≥99.5;

Kích thước màng: Cao 0.8-0.9 mm;

Kích thước kẹp: Trên: 31.5 ± 0.05 mm, Dưới: 31.5 ± 0.05 mm

Bộ chuyển đổi thủy lực: <6000 kpa;

Kẹp áp lực: ≥ 690 kpa;

Màn hình cảm ứng LCD lớn, dễ dàng thao tác;

Phần cứng và phần mềm tích hợp các chứng năng kết nối PC, truyền thông dữ liệu mở rộng.

+ Chuẩn quốc tế ISO 2758.

Hình số 15: Thiết bị kiểm tra độ chịu bực



(Nguồn: CTCP Miza)

- **Kiểm tra độ chống thấm Cobb:**

+ Mục đích: Để đo độ hấp thụ nước của giấy, một trong những chỉ số kiểm soát quan trọng đến chất lượng giấy thành phẩm.

+ Thông số kỹ thuật:

Diện tích đo: $100 \pm 0,2$ cm²;

Dung tích đo: 100 ± 5 ml;

Chiều dài con lăn: 200 ± 0.5 mm;

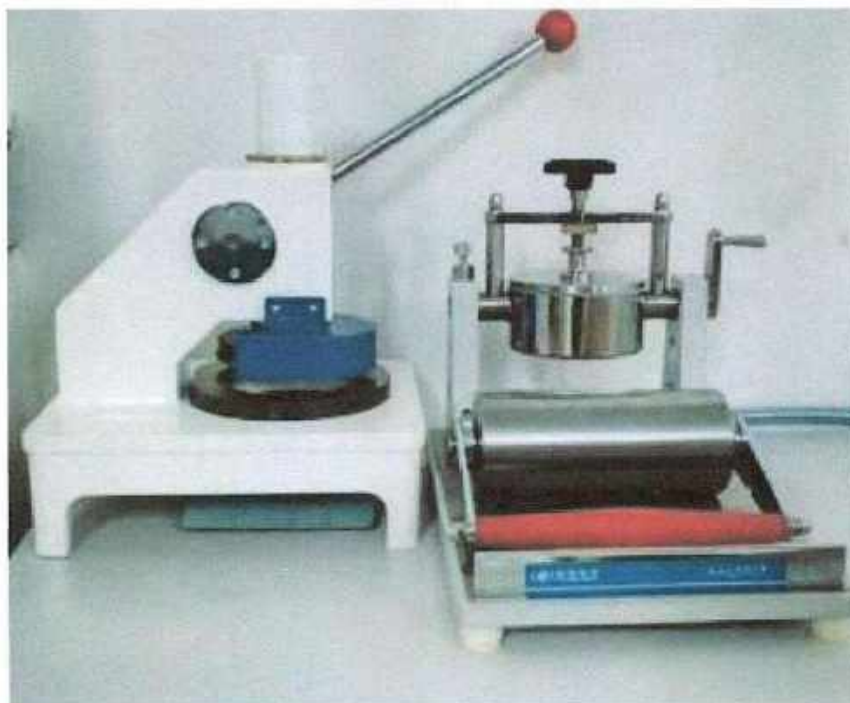
Khối lượng con lăn: $10\text{kg} \pm 0.5\text{kg}$;

Kích thước: 396*315*300mm;

Trọng lượng: khoảng 32kg.

+ Chuẩn quốc tế ISO535, GB/T1668, GB/T 1540, TAPPI 441.

Hình số 16: Thiết bị đo độ chống thấm Cobb



(Nguồn: CTCP Miza)

- **Kiểm tra độ nén vòng:**
- + Mục đích: Dùng để kiểm tra độ nén vòng (RCT), nén cạnh (ECT), nén phẳng (FCT), tách lớp (PAT), nếp uốn / nếp sóng (CMT). Một trong những chỉ số kiểm soát quan trọng đến chất lượng giấy thành phẩm.
- + Thông số kỹ thuật:
 - Khoảng đo: 0 ~ 3000N;
 - Tốc độ nén: 12.5mm/min (0-40mm/min có thể được điều chỉnh), trở về vận tốc: 0 ~ 40.0 mm/phút (có thể được thiết lập ngẫu nhiên);
 - Màn hình lớn: giúp dễ thao tác hơn, ngôn ngữ tiếng Anh, tiếng Trung Quốc và LCD, cảm ứng;
 - Máy in: in nhiệt , tốc độ cao và không có tiếng ồn;
 - Kết quả kiểm tra có thể được đo lường, thống kê và in tự động và dữ liệu có thể được lưu lại;
 - Màn hình hiển thị LCD màu xanh, có thể được hiển thị thời gian và tải thực, CT300F có thể hiển thị đồ thị, nhiều tính năng truyền thông dữ liệu có thể mở rộng (như phần mềm kết nối PC, kết nối wifi...)
- + Thiết bị sử dụng: Máy kiểm tra độ chịu lực
- + Chuẩn quốc tế ISO 3035 . ISO 3037 . ISO 7263 . GB / T 2679,8 , GB / T 6546-1998 , GB / T 6548 , GB / T 2679.

Hình số 17: Thiết bị kiểm tra độ nén vòng



(Nguồn: CTCP Miza)

Hình số 18: Một số hình ảnh khác liên quan đến hệ thống kiểm soát chất lượng sản phẩm



Thiết bị vật lý tâm đo nồng độ bột giúp chuẩn hóa nồng độ bột trên hệ thống DCS



Tủ sấy

(Nguồn: CTCP Miza)

- ❖ Ngoài ra với Việc đầu tư năm 2024: Công ty Cổ phần Miza Triển khai Dây chuyền Sản xuất giấy Bồi 6 lớp, khổ 1400mm với Công suất 6000 tấn/năm, (Từ Giấy Thành phẩm ghép các lớp lại với nhau để tạo ra Sản phẩm tấm bồi Có định lượng từ 1000 g/m² -> 2000g/m² phục vụ các ngành:
 - May mặc -Lót các cỡ áo- Tấm lót cho các balo phục vụ những Đơn hàng Drona cho IKEA
 - Dây da (Lót các gót dây)

Một số hình ảnh của Dây chuyền sản xuất giấy Bồi 6 lớp

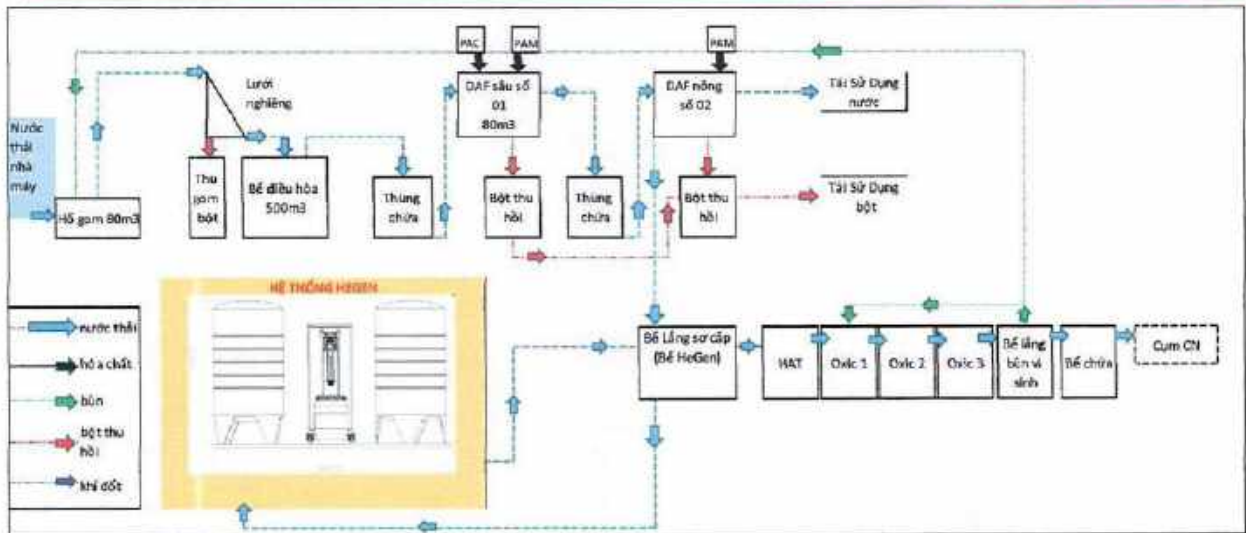
(Nguồn: CTCP Miza)

❖ Hệ thống xử lý nước thải:

Song song chiến lược nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, trong quá trình phát triển, Công ty Cổ phần Miza luôn ý thức được trách nhiệm của công ty trong việc bảo vệ môi trường.

Với phương châm “Môi trường xanh là ưu tiên hàng đầu”, Công ty đã đầu tư trên 30 tỷ đồng lắp đặt Hệ thống xử lý nước thải với công nghệ hiện đại, nước thải được xử lý qua 4 giai đoạn: Xử lý sơ bộ - Xử lý hóa lý - Xử lý vi sinh kết hợp giá thể MBBR - Xử lý hấp phụ với công suất 2.000m³/ngày. Và để tối ưu hóa, toàn bộ nước thải được tập trung về hệ thống xử lý nước thải. Nước thải được đi qua song chắn rác, thiết bị lưới nghiêng thu hồi bột để tách loại bỏ phần bột, nilon rác lẫn trong nước thải đưa về tái sử dụng công đoạn chuẩn bị bột. Nước thải sau thiết bị lưới nghiêng được đưa xuống chứa vào bể điều hòa sau đó được cấp vào hệ thống tuyển nổi nổi tiếp DAF nhằm tách, loại bỏ xơ sợi mịn, tạp chất TSS, giảm COD, BOD trong nước thải. Nước sau thiết bị tuyển nổi được đưa về bể Hegen, tại đây dòng nước thải được bổ sung men vi sinh giúp tăng hiệu quả xử lý vi sinh công đoạn sau. Sau khi bổ sung men vi sinh tại bể Hegen, nước thải được dẫn qua hệ thống bể HAT và hệ thống xử lý hiếu khí, tại đây nước thải được xử lý nhờ các vi sinh hiếu khí được cung cấp oxi liên tục qua máy thổi khí. Sau các bể hiếu khí, nước thải lẫn bùn vi sinh hiếu khí được đưa về bể lắng thứ cấp để thu hồi bùn vi sinh tái sử dụng. Phần nước thải sau sử lý ra từ bể lắng thứ cấp được đưa về bể chứa và dẫn qua bể lọc (cát, than hoạt tính,...) và được tách làm 2 nguồn:

- Nguồn 1: tái sử dụng để phục vụ sản xuất nhằm thay thế nước sạch
- Nguồn 2: Thải ra nguồn tiếp nhận là nhà máy xử lý nước thải tập trung của Cụm CN



(Nguồn: CTCP Miza)

Hình số 19: Hệ thống xử lý nước thải

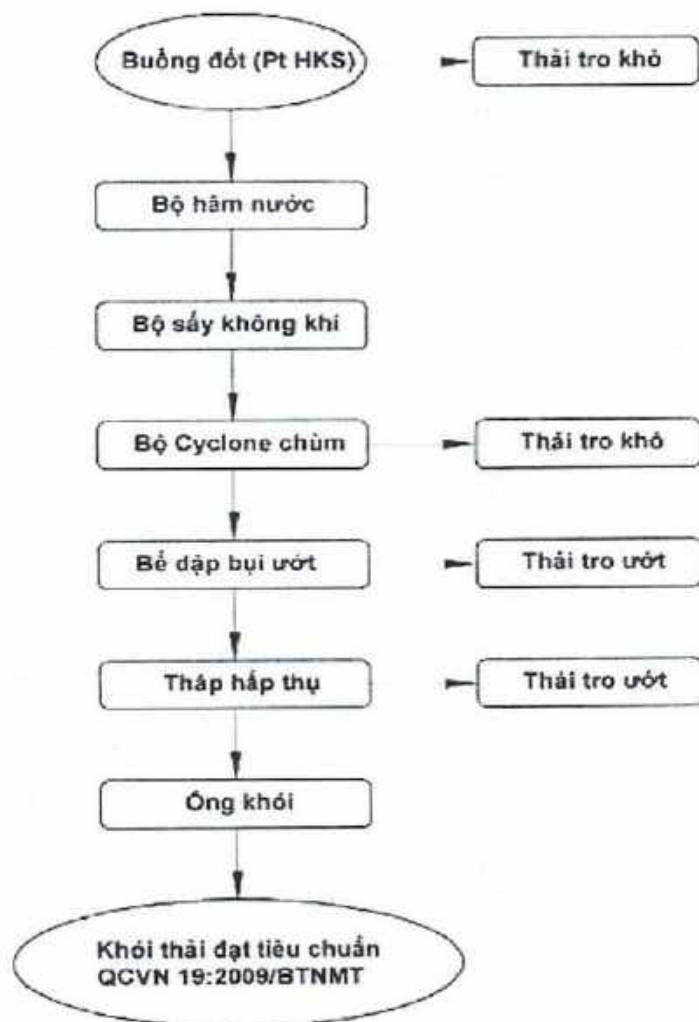


(Nguồn: CTCP Miza)

[Phần này của trang được cố ý bỏ trống]

❖ Hệ thống xử lý bụi và khí thải lò hơi:

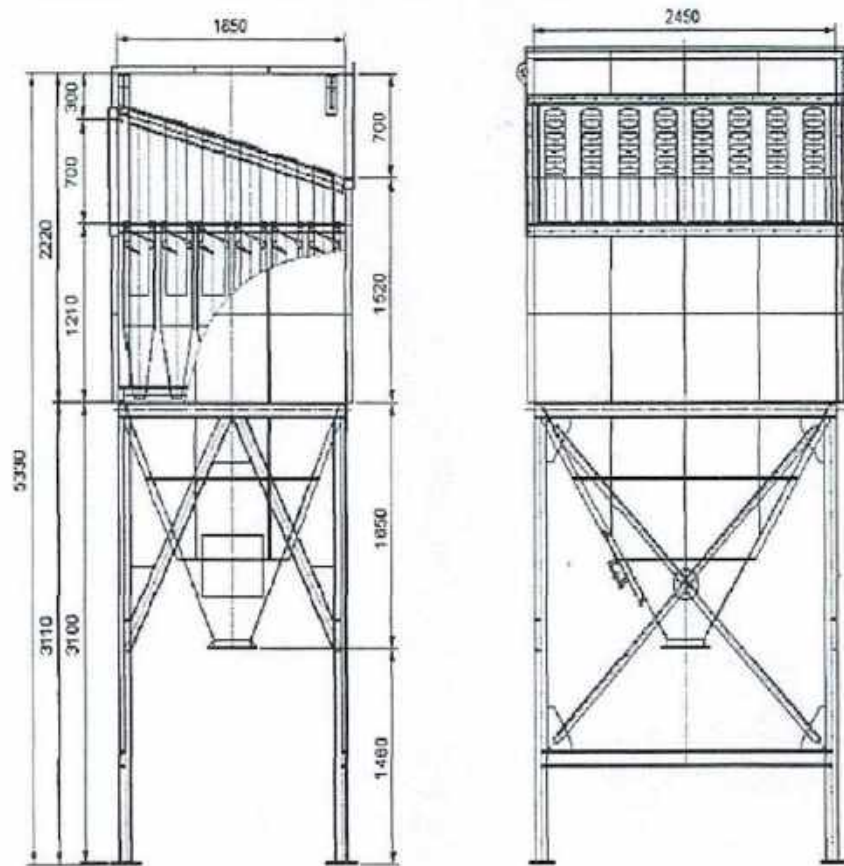
**CÔNG NGHỆ XỬ LÝ KHÍ THẢI NỔI HƠI ĐA NHIÊN LIỆU
CÔNG SUẤT 14 TẤN HƠI/GIỜ**



Hình 1: Sơ đồ công nghệ xử lý khói thải lò hơi đa nhiên liệu

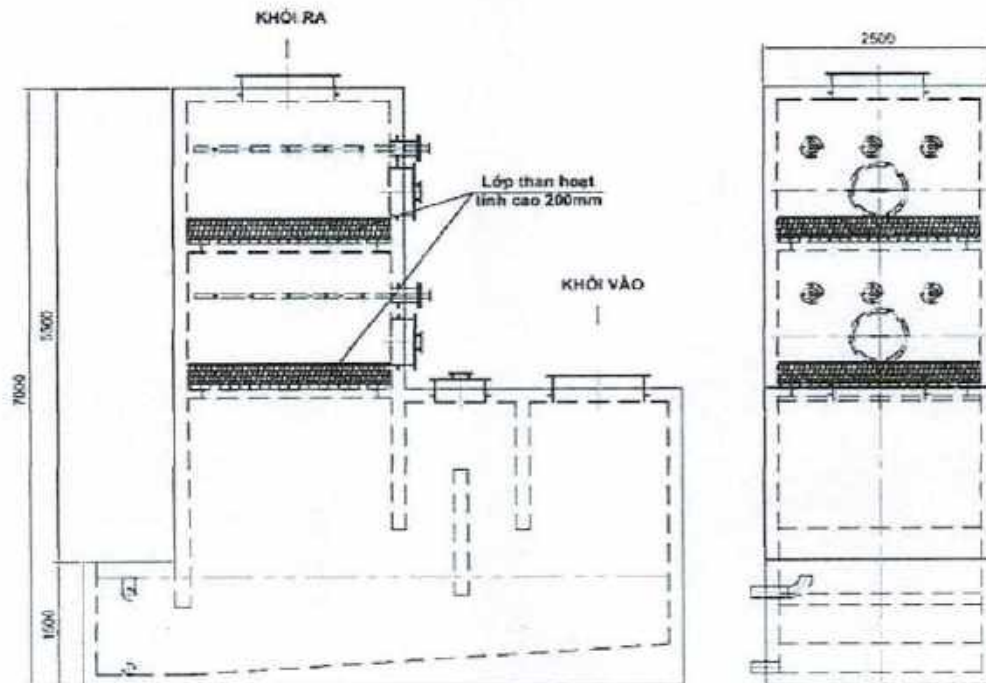
A. Thuyết minh sơ đồ công nghệ xử lý khí thải lò hơi đa nhiên liệu

- Bộ hâm nước:** Khí thải sau khi ra khỏi buồng đốt theo ống thải đưa về Bộ hâm nước (thiết bị trao đổi nhiệt) nhằm mục đích tận dụng nhiệt để gia nhiệt cho nước gần đến nhiệt độ sôi đồng thời giảm nhiệt độ khí thải
- Bộ sấy không khí (BSKK):** Khí thải sau khi qua thiết bị Trao đổi nhiệt tiếp tục được dẫn qua bộ sấy không khí. BSKK là thiết bị trao đổi nhiệt được bố trí sau lò hơi để tận dụng nhiệt của khói thải, đốt nóng không khí cấp cho quá trình cháy nhiên liệu, nhằm nâng cao hiệu suất nhiệt của lò hơi
- Thiết bị lọc bụi - bộ Cyclon chùm:** Bộ khử bụi chùm Cyclone một chùm các cyclone đơn, sử dụng tác dụng của lực ly tâm để phân ly hạt bụi, các hạt bụi trong khói có trọng lượng lớn hơn không khí được tách khỏi dòng khí chính và đẩy xuống phễu thu tro ở đáy cyclone, đảm bảo thu được trên 90% tro bụi bay theo đường khói. Bụi lắng xuống phễu thu tro và được thải ra ngoài qua van xoay theo chu kỳ. Bụi xả qua van xoay sẽ được đóng bao để thuận tiện cho việc vận chuyển và vệ sinh.



Hình 2: Thiết bị lọc bụi Cyclone chìm

4. **Bể Đập bụi ướt:** Nhờ quạt hút ly tâm vận chuyển không khí từ Bộ cyclon vào thiết bị lọc ướt nhằm mục đích lọc tro bụi còn lại trong khí thải. Bể khử bụi được cấu tạo bởi các vách zig zac để tạo ngoại dòng cho đường khói va đập với màng nước. Bụi sẽ được lắng đọng trong bể nhờ trọng lực theo nguyên lý quán tính và va đập với màng nước.



5. Tháp hấp thụ và hấp phụ: Sau khi khói bụi đi qua bề đập bụi ướt vào tháp hấp thụ bởi dung dịch $\text{Ca}(\text{OH})_2$ đối với lò hơi đa nhiên liệu. Tháp hấp thụ được thiết kế nhằm để hấp thụ các loại khí độc hại sinh ra từ quá trình đốt cháy nhiên liệu như SO_2 , NO_x ... bằng dung dịch $\text{Ca}(\text{OH})_2$ với hàm lượng 100-110 g/L, được cung cấp từ hệ thống bơm định lượng.

Tại tháp hấp thụ, dung dịch hấp thụ $\text{Ca}(\text{OH})_2$ được bơm liên tục từ đỉnh tháp xuống các lớp mâm tiếp xúc, dòng khí thải được dẫn đi cùng chiều zig zag và đập với màng nước, quá trình tiếp xúc giữa pha khí và pha lỏng giúp quá trình hấp thụ được diễn ra dễ dàng.

- Hấp phụ: Bên trên là 2 tầng đặt than hoạt tính để hấp phụ làm không khí sạch trước khi đưa ra ống khói và thải ra ngoài
- Do đặc thù thành phần các chất độc hại trong nhiên liệu, nên trong lò hơi đốt đa nhiên liệu được bổ sung thêm một tháp hấp thụ để xử lý các thành phần HCl , HF , Sox ,... phát sinh từ quá trình cháy buồng đốt. Các vấn đề khí độc hại có thể phát sinh như Dioxin/Furan sẽ được áp dụng xử lý bằng phương án nhiệt độ cao trên 1.050°C , và thời gian lưu khí trên 2 giây trong buồng đốt thứ cấp, đảm bảo các chất độc hại và hydrocarbon được triệt tiêu hoàn toàn
- Dung dịch hấp thụ được bơm tuần hoàn từ ngăn chứa vào thiết bị hấp thụ (dung dịch hấp thụ này thường xuyên được kiểm tra và châm thêm $\text{Ca}(\text{OH})_2$ nhằm đảm bảo khả năng hấp thụ của dung dịch là hiệu quả nhất.
- Khoảng 1 tháng lượng dung dịch tuần hoàn này sẽ xả ra HTXLNT tập trung của công ty để xử lý.
- Tro xỉ từ quá trình đốt nhiên liệu lò hơi sẽ được thu gom và chuyển giao cho đơn vị chức năng xử lý theo quy định
- Khí thải sau xử lý đạt QCVN 19:2009/BTNMT và QCTĐHN01: 2014/BTNMT cụ thể: $\text{SO}_2 < 350\text{mg}/\text{Nm}^3$, $\text{NO}_x < 680\text{ mg}/\text{Nm}^3$, $\text{CO} < 800\text{mg}/\text{Nm}^3$, bụi tổng $< 140\text{mg}/\text{Nm}^3$. Ngoài các giải pháp kỹ thuật cụ thể trên, nhà máy sẽ áp dụng các biện pháp quản lý và vận hành nhằm giảm thiểu lượng khí thải thoát ra môi trường.

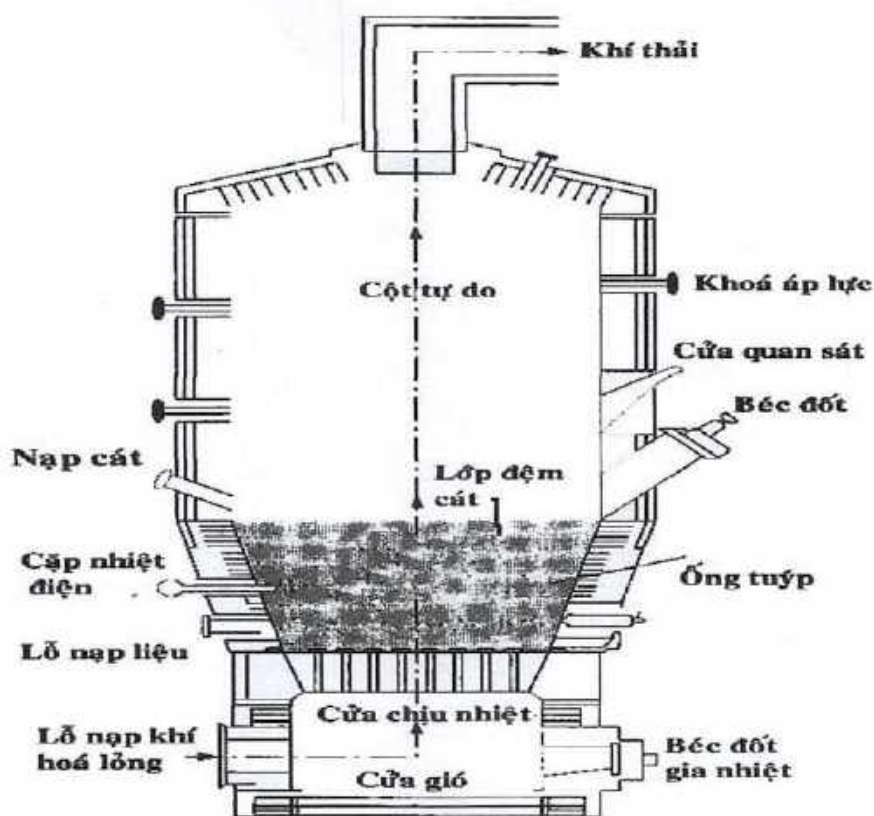
Sử dụng thiết bị lò hơi được cung cấp bởi Công ty TNHH Năng Lượng Trí Việt. Sản phẩm đã được kiểm nghiệm và có chính nhận hợp quy mã số PTH/40000FB-CTR/01. Hệ thống xử lý khí thải đáp ứng các tiêu chí trong Quy chuẩn hiện hành QCVN 30:2012/BTNMT đối với lò đốt chất thải công nghiệp.

Mô tả nguyên lý hoạt động của thiết bị lò đốt chất thải rắn công nghiệp PTH/40000FB-CTR/01 (tháp đốt tầng sôi / Fluid - Bed Furnace):

- Công nghệ lò đốt tầng sôi đa nhiên liệu.

[Phần này của trang được cố ý bỏ trống]

Hình số 20: Lò đốt tầng sôi được thể hiện



(Nguồn: CTCP Miza)

Lò đốt làm việc ở chế độ tĩnh. Đặc điểm của lò chứa một lớp cát dày 40 - 50cm nhằm: nhận nhiệt và giữ nhiệt cho lò đốt, bổ sung nhiệt cho rác ướt. Lớp cát được gió thổi xáo động làm chất thải rắn bị tơi ra, xáo động nên theo cháy dễ dàng. Chất thải lỏng khi bơm vào lò sẽ bám dính lên bề mặt các hạt cát nóng đang xáo động, nhờ vậy sẽ bị đốt cháy còn thành phần nước sẽ bay hơi hết.

Quá trình đốt tầng sôi: Gió thổi mạnh vào dưới lớp mặt sàn ống phân phối có lỗ nên gió sẽ phân bố đều dưới đáy lò làm lớp đệm cát cùng các phế liệu rắn, lỏng được thổi tơi, tạo điều kiện cháy triệt để. Khoảng phía dưới tháp (trên mặt sàn phân phối gió), là khu vực cháy sơ cấp nhiệt độ buồng đốt từ 850 - 920°C, còn khoảng phía trên phình to hơn là khu vực cháy thứ cấp có nhiệt độ cháy cao hơn (1.100 - 1.200°C) nhằm đốt cháy hoàn toàn chất thải. Trong đó, đốt tầng sôi cần duy trì một lượng cát nhất định tạo một lớp đệm giữ nhiệt ổn định và hỗ trợ cho quá trình sôi của lớp chất thải đưa vào đốt. Khí thải sau đó được làm nguội và cho qua hệ thống xử lý trước khi qua ống khói thải ra môi trường.

Chất thải rắn bao gồm:

1. Chất thải công nghiệp thông thường

- Nylon băng keo – Được sử dụng làm nguyên liệu cho lò hơi phục vụ sản xuất.
- Cát sỏi, đinh ghim được phân loại để đưa

2. **Chất thải rắn nguy hại:** Giẻ lau dính dầu, thùng đựng hóa chất... được phân loại lưu trữ và thuê đơn vị các đơn có chức năng xử lý

3. Chất thải sinh hoạt: Được phân loại lưu trữ và thuê các đơn vị có chức năng xử lý.

Bên cạnh đó, Công ty cũng đã ban hành các quy định, quy chế, các yêu cầu chung về công tác quản lý kỹ thuật bao gồm: mô hình tổ chức của các bộ phận quản lý kỹ thuật, về thiết kế, quy mô công nghệ, chủng loại và yêu cầu thông số kỹ thuật của một số thiết bị trong các mô hình và cấp độ tự động hóa, hệ thống ứng dụng phần mềm quản lý, tiêu chuẩn và yêu cầu chất lượng sản phẩm của ngành.

Là một doanh nghiệp sản xuất, Công ty hiểu rằng vai trò then chốt của việc quản lý vận hành trong việc đảm bảo sự thành công cho cả Công ty và khách hàng. Hệ thống sản xuất của Công ty được xây dựng và giám sát bởi các cán bộ quản lý có chuyên môn cao về kỹ thuật và cam kết rằng sản phẩm sẽ đến tay khách hàng đồng bộ với chất lượng hàng đầu.

Công nghệ Sản Xuất Tại Công ty TNHH Miza Nghi Sơn:

Với Dây chuyền sản xuất hiện đại, Xeo dài 03 lưới, Công suất 120.000 Tấn/năm, Khổ giấy 4800mm, Tốc độ 500 m/phút, Dây chuyền Sản xuất Miza Nghi Sơn – được đánh giá hiện đại nhất hiện nay tại khu vực Miền Bắc tương đương với Hệ thống sản xuất của các đơn vị được đầu tư nguồn nước ngoài như: Chánh Dương, Lee & Man; Chenglong...

Hệ thống Chuẩn bị bột với Công nghệ Thủy lực Kiểu mới Tiết kiệm điện, Nước, Tăng độ tro, Giảm thiểu tổn thất xơ sợi, Được đầu tư bài bản khi dùng công nghệ cô đặc hút chân không thay thế cô đặc thông thường – Tăng nồng độ bột giấy, giảm thiểu tổn thất.

Các Thiết bị được Sản xuất từ các hãng nổi tiếng như: Thân Chuôn, Yunda, Cellwood.

Hệ thống Xeo giấy – Xeo dài 03 lớp với Hòm phun pha loãng dạng Thủy lực của đơn vị sản xuất MCN- Nổi tiếng Trung Quốc

Hệ thống hình thành phoi gạt của Since.

Đặc Biệt hệ thống Ép ướt – Ép K (3 khe ép và 04 cặp lô) có thể sản xuất được giấy Testliner định lượng thấp 90g/m² – Dòng Sản phẩm xu hướng phát triển của thị trường khi giấy định lượng mỏng, Cơ lý cao, Tối ưu chi phí.

Hệ thống lô sấy với đầu tư các lô sấy VAC hút chân không giúp giấy luôn bám vào bạt sấy giảm độ dãn dài của giấy -> Giấy tăng được cơ lý và giảm đứt giấy → Tăng hiệu suất & giảm chi phí.

Với việc đầu tư đồng bộ phát triển chất lượng sản phẩm, tăng năng lực sản xuất, giảm giá thành, Miza luôn chú trọng tới việc phát triển bền vững khi đầu tư dây chuyền hệ thống xử lý nước thải, khí thải đồng bộ, Đảm bảo công tác bảo vệ môi trường.

- Hệ thống xử lý nước thải với công suất xử lý 4000 m³/ngày đêm khi đầu tư đồng bộ bao gồm 04 công đoạn:
 - o Công đoạn xử lý hóa lý (DAF, Lắng Sơ Cấp..)
 - o Công đoạn Xử lý Khí (Tháp IC) _ đây là 1 trong những thiết bị đầu tiên và duy nhất tại Miền Bắc Việt Nam.
 - o Công đoạn xử lý Hiếu khí – Các bể Hiếu khí sục khí xử lý COD, BOD, TSS...
 - o Công đoạn xử lý Feton – Xử lý loại bỏ COD Trơ, Màu...

Một số hình ảnh của Nhà máy Miza Nghi Sơn.



Hình số 21: Một số chứng nhận trong nước và quốc tế Công ty đã đạt được

TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
TRUNG TÂM CHỨNG NHẬN PHÙ HỢP (QUACERT)



GIẤY CHỨNG NHẬN

Chứng nhận Hệ thống Quản lý Môi trường của

CÔNG TY CỔ PHẦN MIZA

Trụ sở: Cụm công nghiệp vừa và nhỏ Nguyễn Khế, xã Nguyễn Khế, huyện Đông Anh, Hà Nội, Việt Nam

đã được đánh giá và xác nhận phù hợp với yêu cầu của tiêu chuẩn

TCVN ISO 14001:2015/ ISO 14001:2015

Phạm vi được chứng nhận: Sản xuất Giấy công nghiệp từ nguyên liệu tái chế

Số Giấy chứng nhận: MT 317/1.21.15

Hiệu lực Giấy chứng nhận: từ ngày 24/02/2021 đến ngày 21/01/2024

Ngày chứng nhận lần đầu: 22/01/2016



TỔNG CỤC THƯỜNG
TRUNG TÂM

CHỦ TRƯỞNG
HỘI ĐỒNG CHỨNG NHẬN

GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM CHỨNG NHẬN PHÙ HỢP



ThS. Trần Văn Vinh

TS. Phạm Hồng



ThS. Phạm Lê Cường

QUACERT - 8 Hoàng Quốc Việt, Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam.
Hiệu lực của Giấy chứng nhận này có thể được kiểm tra tại www.quacert.gov.vn và www.jas-anz.org/register



BUREAU
VERITAS

Bureau Veritas Certification

MIZA CORPORATION

Nguyen Khe Small and Medium Industrial Park, Nguyen Khe Commune, Dong Anh District, 10000, HANOI, VIETNAM

Bureau Veritas Certification Holding (BVCH) certifies that the company has implemented a FSC™ product groups control system according to the Forest Stewardship Council™ certification system, in the above location and complies with the requirements of Standard:

FSC Chain of Custody Certification standard, Ref.: FSC-STD-40-004 V3-1

Additional FSC standard(s): FSC CoC Sourcing Reclaimed Material standard, Ref.: FSC-STD-40-007 V2.0

For its activities concerning:

Manufacturing of paper products certified FSC Recycled.*

*Updated list of products & species on the FSC database (info.fsc.org)

Type of certification: Single

Original certification date:	30-10-2018
Certification start date:	30-10-2023
Expiration date:	29-10-2028
FSC Certificate code:	BV-COC-144002
Certificate No. / Version:	VN011061/1
Contract No:	20000133
Issue date:	30-10-2023

Nicolas MEY
Signed on behalf of BVCH

The validity of this certification shall be verified on: info.fsc.org
This certificate itself does not constitute evidence that a particular product supplied by the certificate holder is FSC certified or FSC Controlled Wood. Products offered, shipped or sold by the certificate holder can only be considered covered by the scope of this certificate when the required FSC claim is clearly stated on sales and delivery documents.

Bureau Veritas Certification Holding - Tour ALTO, 4 place des saïons, 92400 COLOMBEY - France: www.bureauveritas.com

Certification division office: Bureau Veritas Certification China, Room 02, 9 / F, West Office Building 1, Oriental Economic and Trade City, Oriental Plaza, No.1 East Chang'an Street, Dongcheng District, Beijing, P.R.C., 100136

Contracting office: Bureau Veritas Certification Vietnam

All of the products or services that are included in the scope of the certificate may be obtained on request to Bureau Veritas Certification. This certificate remains the property of Bureau Veritas Certification, all copies or reproductions and the certificate itself shall be retained or destroyed on Bureau Veritas certification request. All certificates not in English are for reference only.

FSC CoC Certificate rev 8.2

1/1

August 17, 2023



The mark of responsible forestry



GIẤY CHỨNG NHẬN

Hệ thống quản lý



GỮ TRỌN NIỀM TIN

CÔNG TY CỔ PHẦN MIZA

Địa chỉ: Cụm công nghiệp vừa và nhỏ Nguyễn Khê, Xã Nguyễn Khê,
Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Được đánh giá và xác nhận áp dụng Hệ thống Quản lý Chất lượng phù hợp với tiêu chuẩn:

ISO 9001:2015

Cho phạm vi:

Sản xuất giấy công nghiệp từ nguyên liệu tái chế./.

Giấy chứng nhận số: QMS: 058.22.07

Hiệu lực từ: 03/12/2022

Chứng nhận lần: 01

Hiệu lực đến: 02/12/2025

Mã tra cứu Giấy chứng nhận: QMS: 058.22.07

Heat động chứng nhận này được triển khai phù hợp với thủ tục đánh giá và chứng nhận của BLT.cert.
Việc duy trì giấy chứng nhận còn củ dựa trên kết quả đánh giá giám sát định kỳ hàng năm.



Giám đốc

ThS. Đặng Ngọc Hiến



ISO 9001:2015



Hiệu lực giấy chứng nhận có thể được kiểm tra tại Website: www.bltcert.vn

Tổ chức Chứng nhận sự phù hợp:

Công ty Cổ phần Công nghệ Bảo Lộc - BLT.cert

Trụ sở chính: Số 09-BT5, KĐT Văn Phú, Phú La, Hà Đông, Hà Nội, Việt Nam

Hotline: 0916 757 861

Miền Bắc: Tầng 6 Tòa nhà HLT, Số 23
ngách 37/2 Dịch Vọng, Cầu Giấy, TP. Hà Nội
Tel: 0930 362 099

Miền Trung: 186A Nguyễn Sỹ Sách,
Phường Hưng Đông, TP. Vinh, Nghệ An
Tel: 0904 242 525

Miền Nam: 376 Võ Văn Tần, Phường 5,
Quận 3, TP. Hồ Chí Minh
Tel: 0989 998 282

VIETNAM NO.1
BRAND AWARDS

2022

BÌNH CHỌN
THƯƠNG HIỆU SỐ 1
VIỆT NAM 2022

CHỨNG NHẬN
THƯƠNG HIỆU

miza

Where difference created

CÔNG TY CỔ PHẦN MIZA

ĐẠT DANH HIỆU

**THƯƠNG HIỆU SỐ 1
VIỆT NAM 2022**

Số Chứng nhận : 79 - 2022 / SO1VIETNAM - DNCA
Ngày Chứng nhận : 25 / 06 / 2022
Địa điểm : TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

CHỦ TỊCH
HỘI ĐỒNG BÌNH CHỌN



DAVID ROOM



HANG BAC
2022



TM. BAN TỔ CHỨC
THỦ TRƯỞNG



Thạc sĩ TRẦN VĂN DOANH

FAST500

Top 500 Fastest Growing Enterprises



CHỨNG NHẬN
CERTIFICATE

CÔNG TY CỔ PHẦN MIZA
MIZA CORPORATION

Nằm trong bảng xếp hạng / Was ranked

500 DOANH NGHIỆP TĂNG TRƯỞNG
NHANH NHẤT VIỆT NAM

TOP 500 FASTEST GROWING ENTERPRISES

Hạng / Rank: 021



TỔ CHỨC XẾP HẠNG
VIETNAM REPORT



VŨ ĐĂNG VINH
CEO



BÁO VIETNAMNET



PHẠM ANH TUẤN
EDITOR IN CHIEF

Số: *MD*.FAST500 - 2021



(Nguồn: CTCP Miza)

Các chứng nhận là thước đo chuẩn xác về chất lượng sản phẩm và dịch vụ của Công ty Cổ phần Miza. Đây không chỉ là phần thưởng lớn để tuyên dương, khích lệ tinh thần tập thể cán bộ công nhân viên trong Công ty mà còn là một tiếng nói công bằng và uy tín để các khách hàng có thể yên tâm lựa chọn Nhà cung cấp sản phẩm, dịch vụ cho riêng mình.

7. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty

7.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh của Công ty

Bảng số 4: Một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất, kinh doanh trên BCTC riêng của Công ty

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	% tăng, giảm năm 2023 so với năm 2022
Tổng giá trị tài sản	1.635.508.705.973	1.666.093.590.243	1,87
Doanh thu thuần	912.498.547.125	974.470.965.645	6,79
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	52.712.622.254	41.597.628.883	(21,09)
Lợi nhuận khác	(688.153.223)	(333.162.602)	-
Lợi nhuận trước thuế	52.024.469.031	41.264.466.281	(20,68)
Lợi nhuận sau thuế	49.849.939.163	40.314.270.568	(19,13)

(Nguồn: BCTC riêng năm 2023 đã được kiểm toán của Công ty)

Bảng số 5: Một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty (Hợp nhất)

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	% tăng, giảm năm 2023 so với năm 2022
Tổng giá trị tài sản	3.612.504.223.716	3.832.209.276.702	6,08
Doanh thu thuần	2.781.224.494.919	3.204.419.483.282	15,22
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	71.256.199.977	59.944.752.684	(15,87)
Lợi nhuận khác	(1.225.151.620)	3.466.913.074	-
Lợi nhuận trước thuế	70.031.048.357	63.411.665.758	(9,45)
Lợi nhuận sau thuế	67.856.518.489	62.461.470.045	(7,95)
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức (%)	75,97	-	-
Tỷ lệ cổ tức (%/MG)	6,00%	-	-

(Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2023 đã được kiểm toán của Công ty)

7.2. Cơ cấu doanh thu thuần của Công ty qua các năm

Bảng số 6: Cơ cấu Doanh thu thuần trên BCTC riêng của Công ty

Đơn vị tính: Đồng

STT	Doanh thu thuần	Năm 2022		Năm 2023	
		Giá trị	Tỷ trọng/DTT (%)	Giá trị	Tỷ trọng/DTT (%)
1	Doanh thu bán hàng thành phẩm	493.284.653.781	54,06	477.407.707.980	49,03
-	Giấy Medium	304.553.945.244	33,38	330.409.030.381	33,91
-	Giấy Testliner	188.730.708.537	20,68	147.409.086.059	15,13
2	Doanh thu bán hàng hóa	419.213.893.344	45,94	497.063.257.665	50,97
-	Giấy Medium	69.708.298.936	7,64	71.324.455.326	7,32
-	Giấy Testliner	54.073.184.382	5,93	48.806.294.844	5,01

-	Phụ gia hóa chất	70.672.394.472	7,74	24.645.861.000	2,53
-	Giấy phế liệu	224.382.756.587	24,59	343.753.606.275	35,28
-	Khác	377.258.967	0,04	8.122.631.760	0,83
Tổng Doanh thu thuần		912.498.547.125	100,00	974.470.965.645	100,00

(Nguồn: CTCP Miza)

Năm 2023, Doanh thu thuần trên BCTC riêng của Công ty đạt 974,47 tỷ đồng, tăng 61,97 tỷ đồng so với năm 2022 đến từ sự tăng trưởng của doanh thu bán hàng hóa, chiếm tỷ trọng trên tổng doanh thu thuần là: 50,97%. Giá trị doanh thu bán hàng hóa năm 2023 là: 497,06 tỷ đồng với tốc độ tăng là 18,57%.

Đa số các mặt hàng có mức doanh thu tăng trưởng so với năm 2022. Đối với hàng thành phẩm, doanh thu “Giấy Medium” đạt giá trị 330,40 tỷ đồng, tăng 25,85 tỷ đồng so với năm trước. Đồng thời, tại doanh thu bán hàng hóa, loại giấy này cũng ghi nhận giá trị 71,32 tỷ đồng với tốc độ tăng 2,32% so với năm 2022. Đây là loại giấy có tính ứng dụng rất cao, được sử dụng để làm thùng carton, túi giấy, các loại bao bì,... cho nên doanh số của loại giấy này luôn luôn đạt được sự tăng trưởng.

Bảng số 7: Cơ cấu Doanh thu thuần của Công ty (Hợp nhất)

Đơn vị tính: Đồng

STT	Doanh thu thuần	Năm 2022		Năm 2023	
		Giá trị	Tỷ trọng/ DTT (%)	Giá trị	Tỷ trọng/ DTT (%)
1	Doanh thu bán hàng thành phẩm	1.888.299.170.891	67,89	1.808.248.329.881	56,43
-	Giấy Medium	725.223.181.968	26,08	617.796.681.870	19,28
-	Giấy Testliner	1.134.943.144.843	40,81	1.027.079.112.445	32,05
-	Giấy Kraftliner	3.209.787.580	0,12	84.368.494.483	2,63
-	Bột giấy tái chế	24.923.056.501	0,9	79.004.041.083	2,47
2	Doanh thu bán hàng hóa	892.925.324.028	32,11	1.396.171.153.401	43,57
-	Giấy Medium	109.037.084.682	3,92	225.201.160.377	7,03

-	Giấy Testliner	97.517.196.128	3,51	191.549.402.624	5,98
-	Phụ gia hóa chất	75.370.433.638	2,71	33.867.136.000	1,06
-	Giấy phế liệu	610.643.394.804	21,96	935.933.853.840	29,21
-	Khác	357.214.777	0,01	9.619.600.560	0,30
Tổng Doanh thu thuần		2.781.224.494.919	100,00	3.204.419.483.282	100,00

(Nguồn: CTCP Miza)

Tổng doanh thu thuần của Công ty hợp nhất năm 2023 đạt giá trị 3.204,41 tỷ đồng, tăng 423,19 tỷ đồng so với năm trước. Cơ cấu doanh thu thuần năm 2023 bao gồm: doanh thu bán hàng thành phẩm (màng sản xuất giấy bao bì tái chế) và bán hàng hóa (màng thương mại giấy bao bì và các sản phẩm khác). Theo báo cáo tài chính hợp nhất, doanh thu bán hàng thành phẩm năm 2023 đạt giá trị 1.808,24 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 56,43% trên tổng doanh thu thuần, doanh thu bán hàng hóa đạt 1.396,17 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 43,57% trên tổng doanh thu thuần.

Năm 2023, nhìn chung tất cả các mặt hàng của Công ty hợp nhất đều có sự tăng trưởng so với năm 2022. Cụ thể: đối với doanh thu bán hàng thành phẩm: “Giấy Kraftliner” ghi nhận tăng khoảng 81,15 tỷ đồng và doanh thu mặt hàng “Bột giấy tái chế” tăng 54,08 tỷ đồng so với năm 2022. Các dòng sản phẩm mà Công ty tập trung khai thác đều có sự tăng trưởng so với năm 2022, đặc biệt là mặt “Giấy Medium”. “Giấy Medium” ghi nhận doanh thu là 225,20 tỷ đồng, tốc độ tăng lên tới 106,54%, “Giấy Testliner” đạt 191,54 tỷ đồng, với mức tăng 96,43%. Bên cạnh 2 loại giấy này, doanh thu Công ty hợp nhất cũng có ghi nhận sự tăng trưởng đến từ mặt hàng “Giấy phế liệu” doanh thu “Giấy phế liệu” đạt 935,93 tỷ tăng 53,27%.

7.3. Cơ cấu lợi nhuận gộp của Công ty qua các năm

Bảng số 8: Cơ cấu Lợi nhuận gộp trên BCTC riêng của Công ty

Đơn vị tính: Đồng

STT	Lợi nhuận gộp (LNG)	Năm 2022		Năm 2023	
		Giá trị	Tỷ trọng/ DTT (%)	Giá trị	Tỷ trọng/ DTT (%)
1	LNG từ bán hàng thành phẩm	47.230.232.876	5,18	57.243.624.971	11,98
-	Giấy Medium	29.159.945.778	3,2	38.669.598.479	11,70
-	Giấy Testliner	18.070.287.098	1,98	18.574.026.492	12,60
2	LNG từ bán hàng hóa	8.206.842.877	0,9	4.335.577.065	0,87
-	Giấy Medium	1.363.977.286	0,15	680.707.165	0,95

STT	Lợi nhuận gộp (LNG)	Năm 2022		Năm 2023	
		Giá trị	Tỷ trọng/ DTT (%)	Giá trị	Tỷ trọng/ DTT (%)
-	Giấy Testliner	1.058.682.731	0,12	483.788.079	0,99
-	Phụ gia hóa chất	1.383.673.709	0,15	223.870.518	0,91
-	Giấy phế liệu	4.393.122.992	0,48	2.893.536.283	0,84
-	Khác	7.386.159	0,001	53.675.020	0,66
Tổng Lợi nhuận gộp		55.437.075.753	6,08	61.579.202.036	6,32

(Nguồn: CTCP Miza)

Bảng số 9: Cơ cấu Lợi nhuận gộp của Công ty (Hợp nhất)

Đơn vị tính: Đồng

STT	Lợi nhuận gộp (LNG)	Năm 2022		Năm 2023	
		Giá trị	Tỷ trọng/ DTT (%)	Giá trị	Tỷ trọng/ DTT (%)
1	LNG từ bán hàng thành phẩm	269.786.761.759	9,7	259.404.303.906	14,35
-	Giấy Medium	93.336.884.947	3,36	74.982.268.478	12,14
-	Giấy Testliner	173.941.110.830	6,25	152.809.058.068	14,88
-	Giấy Kraftliner	647.423.479	0,02	27.733.323.045	32,87
-	Bột giấy tái chế	1.861.342.503	0,07	3.879.654.315	4,91
2	LNG từ bán hàng hóa	17.780.352.014	0,64	67.207.348.968	4,81
-	Giấy Medium	3.632.525.916	0,13	10.276.153.731	4,56
-	Giấy Testliner	4.116.151.491	0,15	8.881.560.074	4,64
-	Phụ gia hóa chất	1.162.835.022	0,04	362.337.856	1,07
-	Giấy phế liệu	8.861.727.444	0,32	47.632.388.276	5,09
-	Khác	7.112.141	0,0003	54.909.031	0,57

STT	Lợi nhuận gộp (LNG)	Năm 2022		Năm 2023	
		Giá trị	Tỷ trọng/ DTT (%)	Giá trị	Tỷ trọng/ DTT (%)
	Tổng Lợi nhuận gộp	287.567.113.773	10,34	326.611.652.874	10,19

(Nguồn: CTCP Miza)

Cùng với sự biến động của doanh thu thuần, lợi nhuận gộp năm 2023 cũng có sự biến động về cả giá trị lẫn cơ cấu. Cụ thể: lợi nhuận gộp của Công ty sau hợp nhất năm 2022, đạt giá trị 326,61 tỷ đồng, tỷ lệ tăng 13,58%, chiếm tỷ trọng 10,19% trên tổng doanh thu thuần. Trong đó, lợi nhuận gộp từ bán hàng thành phẩm có sự giảm nhẹ khoảng 3,85% so với năm 2022. Sự sụt giảm này xuất phát từ sự sụt giảm lợi nhuận gộp của “Giấy Medium” và “Giấy Testliner” lần lượt giảm khoảng 19,66% và 12,15%. Tuy nhiên, đối với sản phẩm “Giấy Kraftliner” và “Bột giấy tái chế”, năm 2023 đã có sự tăng trưởng mạnh, mức tăng lần lượt là 4183,64% và 108,43%, lần lượt đạt giá trị là 27,73 tỷ đồng và 3,87 tỷ đồng.

Năm 2023, lợi nhuận gộp từ bán hàng hóa đạt 67,20 tỷ đồng, tăng khoảng 277,99% so với năm 2022, gồm các mặt hàng như: Giấy Medium, Giấy Testliner, Phụ gia hóa chất, Giấy phế liệu, Thùng carton. Nhìn chung, tất cả các mặt hàng này đều có xu hướng tăng so với năm 2022, cụ thể: lợi nhuận gộp của “Giấy Medium”, “Giấy Testliner” lần lượt đạt giá trị 10,27 tỷ đồng và 8,88 tỷ đồng với mức tăng khoảng 182,89% và 115,77%. Lợi nhuận gộp của “phụ gia hóa chất” năm 2022 có sự sụt giảm, từ 1.162 tỷ đồng xuống 362 triệu đồng. Năm 2023, Công ty ghi nhận sự tăng trưởng doanh thu từ mặt hàng “Giấy phế liệu” và “Thùng carton”, do đó lợi nhuận gộp của hai loại hàng hóa này cũng tăng mạnh, mức tăng trưởng lần lượt là 437,51% và 672,05%.

7.4. Thị trường hoạt động

Hiện nay, Công ty chủ yếu chỉ phân phối các sản phẩm trong nước với tỷ trọng doanh thu từ hoạt động phân phối nội địa lên tới khoảng 94,39% tại BCTC riêng của Công ty và 83,24% sau hợp nhất trong năm 2022 và tỷ trọng khoảng 95,92% tại BCTC riêng của Công ty và 85,81% sau hợp nhất trong năm 2023. Thị trường phân phối nội địa của Công ty trải dài từ Bắc vào Nam. Trong đó tập trung chủ yếu tại thị trường miền Bắc, với tỷ trọng trên tổng doanh thu thuần luôn duy trì ở mức 70-90%. Bên cạnh hoạt động phân phối nội địa thì Công ty còn thực hiện xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc và bán hàng vào khu chế xuất với tỷ trọng doanh thu từ hoạt động này trong năm 2022 chiếm khoảng 5,61% tại BCTC riêng của Công ty và 16,77% sau hợp nhất. Trong năm 2023, tỷ trọng doanh thu từ hoạt động này tại BCTC riêng của Công ty và sau hợp nhất lần lượt là 4,08% và 14,19%.

Bảng số 10: Cơ cấu doanh thu thuần của từng thị trường

Đơn vị tính: Đồng

STT	Thị trường	Năm 2022		Năm 2023	
		Giá trị	Tỷ trọng/ DTT (%)	Giá trị	Tỷ trọng/ DTT (%)
I	BCTC riêng của Công ty	912.498.547.125	100	974.470.965.645	100

1	Trong nước	861.315.972.684	94,39	934.704.398.783	95,92
-	Miền Bắc	841.056.470.066	92,17	889.145.098.436	91,24
-	Miền Trung	20.259.502.618	2,22	34.378.801.677	3,52
-	Miền Nam	-	-	1.185.723.870	0,12
2	Xuất khẩu	51.182.574.441	5,61	39.766.566.862	4,08
II	BCTC hợp nhất	2.781.224.494.919	100	3.204.419.483.282	100,00
1	Trong nước	2.314.923.754.800	83,23	2.749.621.243.145	85,81
-	Miền Bắc	2.218.693.387.276	79,77	2.385.459.135.392	74,44
-	Miền Trung	81.768.000.150	2,94	346.661.633.979	10,82
-	Miền Nam	14.462.367.374	0,52	7.505.698.974	0,23
2	Xuất khẩu	466.300.740.119	16,77	454.798.240.137	14,19

(Nguồn: CTCP Miza)

Bảng số 11: Cơ cấu lợi nhuận gộp của từng thị trường

Đơn vị tính: Đồng

STT	Thị trường	Năm 2022		Năm 2023	
		Giá trị	Tỷ trọng/ DTT (%)	Giá trị	Tỷ trọng/ DTT (%)
I	BCTC riêng của Công ty	55.437.075.753	6,08	61.579.202.036	6,32
1	Trong nước	52.327.577.918	5,73	60.598.044.907	6,22
-	Miền Bắc	51.096.751.212	5,6	56.184.582.139	5,77
-	Miền Trung	1.230.826.706	0,13	4.413.462.768	0,45
-	Miền Nam	-	-	-	-
2	Xuất khẩu	3.109.497.835	0,34	981.157.129	0,10
II	BCTC hợp nhất	287.567.113.773	10,34	326.611.652.874	10,19
1	Trong nước	239.353.545.170	8,61	276.303.410.087	8,62
-	Miền Bắc	229.403.723.033	8,25	234.023.565.103	7,30
-	Miền Trung	8.454.473.145	0,3	41.528.707.243	1,30
-	Miền Nam	1.495.348.992	0,05	751.137.741	0,02
2	Xuất khẩu	48.213.568.603	1,73	50.308.242.787	1,57

(Nguồn: CTCP Miza)

Tương tự như doanh thu, lợi nhuận của hoạt động kinh doanh trong nước của Công ty chiếm tỷ trọng chủ yếu trên doanh thu thuần, với mức tỷ trọng khoảng 5,73% trong năm 2022 tại BCTC riêng của Công ty và 8,61% sau hợp nhất. Bước sang năm 2023, cùng với sự gia tăng mạnh mẽ của doanh thu thuần sau hợp nhất, tỷ trọng lợi nhuận gộp trên doanh thu thuần sau hợp nhất của Công ty đạt tới 10,19%, trong đó tỷ trọng lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh nội địa đạt 8,62%. Lợi nhuận gộp đến từ hoạt động kinh doanh tại thị trường miền Bắc luôn chiếm tỷ trọng chủ yếu trên doanh thu thuần, lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh tại các thị trường miền Trung và miền Nam không đáng kể.

Đối với hoạt động xuất khẩu và bán trong khu chế xuất, tỷ trọng từ hoạt động này trên doanh thu thuần trong năm 2022 tại BCTC riêng của Công ty và sau hợp nhất lần lượt là 0,34% và 1,73%. Trong năm 2023, tỷ trọng trên doanh thu thuần từ hoạt động này có sự giảm nhẹ, còn 0,10% tại BCTC riêng của Công ty và 1,57% sau hợp nhất.

7.5. Nguyên vật liệu đầu vào

Nguồn vật liệu chính phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty bao gồm giấy phế liệu và các hóa chất phụ gia đi kèm.

Về nguồn giấy phế liệu: Theo thông tin từ Bộ Công Thương, tại Việt Nam gần 70% sản lượng giấy được sản xuất từ nguyên liệu tái chế. Tuy nhiên, nguồn cung cấp nguyên liệu rẻ tiền này phần lớn không từ hoạt động thu gom phế liệu ở trong nước mà phải nhập khẩu. Công ty Cổ phần Miza là một trong rất ít đơn vị có giấy phép nhập khẩu phế liệu, trung bình mỗi tháng Công ty nhập từ 3.500 - 4.000 tấn. Nhập khẩu chủ yếu tại các nước Anh Quốc, Mỹ, Nhật Bản, Úc, Hàn Quốc, Singapore ...

Các loại giấy chính được nhập khẩu gồm giấy hộp carton cũ (OCC), giấy báo cũ (ONP), tạp chí cũ (OMG), giấy lẻ (rẻo giấy, lẻ giấy - phế thải trong gia công...), giấy đứt, giấy trộn lẫn. Mặc dù chất lượng giấy đã qua sử dụng nhập khẩu từ nước ngoài nhìn chung cao hơn chất lượng giấy trong nước. Tuy nhiên Công ty không chủ quan, mục tiêu nhập khẩu giấy đã qua sử dụng đạt tiêu chuẩn đặt đặt lên hàng đầu. Bởi nếu nhập hàng không đạt tiêu chuẩn quy định, Công ty sẽ gặp rắc rối trong việc xử lý lô hàng. Chẳng hạn, Công ty buộc phải chấp hành lệnh kiểm tra của hải quan, nhiều trường hợp còn phải lấy mẫu giám định để kiểm tra lượng tạp chất... Để tránh bị thiệt 15%-35% giá trị lô hàng nhập khẩu, Công ty Cổ phần Miza phải chọn giải pháp an toàn là nhập khẩu giấy đã qua sử dụng đạt tiêu chuẩn. Đồng thời, Công ty luôn chủ động nghiên cứu, dự đoán trước tình hình biến động của nguồn nguyên liệu giấy đã qua sử dụng, đồng thời chủ động đàm phán hợp đồng với các nhà cung cấp đảm bảo nguồn cung cả về số lượng, chất lượng và giá thành. Bên cạnh đó, Công ty luôn có lượng dự trữ giấy phế liệu nhất định. Cụ thể, nếu như một ngày sản xuất được 150 tấn giấy bao bì cần khoảng 170 tấn giấy qua sử dụng. Một tháng sử dụng trung bình hết 5.000 - 5.500 tấn giấy đã qua sử dụng. So với số lượng nhập, Công ty để kho dự trữ khoảng 1.000 - 2.000 tấn nguyên liệu giấy đã qua sử dụng. Với nguồn nguyên liệu dồi dào và các đối tác có mối quan hệ lâu dài, Miza cam kết giá nguyên liệu chính luôn được giữ trong mức ổn định trong vòng 2 năm.

Về nguồn Hóa chất: Việc chống thấm cho giấy, độ bục, độ nén vòng đặc biệt cho giấy bao bì, giấy in... là yêu cầu tất yếu mà các nhà sản xuất phải tuân theo. Nhưng cách thức chống thấm như thế nào, độ bục ra sao hay độ nén vòng ở mức bao nhiêu để vừa tiện lợi vừa kinh tế lại luôn

là thách thức mà các nhà máy sản xuất giấy quan tâm. Các hóa chất thường được sử dụng cho mục đích này thường là keo AKD, tinh bột sắn, hóa chất. Tùy theo từng yêu cầu của khách hàng về chất lượng giấy, Công ty sử dụng liều lượng hóa chất khác nhau để cho ra những sản phẩm theo đúng kì vọng khách hàng. Việc sử dụng hóa chất phải phù hợp với công nghệ và tiêu chuẩn sản xuất giấy của Công ty, nâng cao các đặc tính của giấy và đáp ứng được đa dạng nhu cầu sử dụng trong các lĩnh vực khác nhau. Cũng giống như các loại hóa chất công nghiệp khác, việc tìm được đúng nhà cung cấp có nguồn hàng chất lượng và ổn định và hỗ trợ tư vấn kỹ thuật chuyên nghiệp là một vấn đề rất quan trọng. Vì lợi ích cao nhất của khách hàng, Công ty Cổ phần Miza luôn tìm kiếm và hợp tác với những nhà cung cấp có uy tín trên thị trường như Thuận Phát Hưng, Bắc Kỳ, Đại Thịnh và ký kết hợp đồng hợp tác lâu dài.

Tại Việt Nam, tỉ lệ giấy đã sử dụng thu hồi được so với tổng lượng giấy tiêu dùng chỉ ở mức khoảng 25%, rất thấp so với các nước trong khu vực và chưa có quy định về việc thu gom giấy đã qua sử dụng. Vì vậy, để tận dụng nguồn nguyên liệu nội địa cũng như giảm áp lực rác thải giấy đến môi trường thì bên cạnh nguồn giấy phế liệu nhập khẩu, Công ty vẫn bổ sung nhập nguyên liệu trong nước nhưng đặt tiêu chuẩn khắt khe, đảm bảo sản phẩm đầu ra giữ vững được uy tín của Công ty. Với vị trí địa lý cách trung tâm thủ đô Hà Nội 20km về phía Bắc, gần sân bay Nội Bài, xung quanh là các khu công nghiệp: Thăng Long, Quang Minh, Nội Bài, Đông Anh nên giao thông vô cùng thuận lợi. Từ Công ty tỏa đi các tỉnh là Quốc lộ Cao tốc 18 qua Nội Bài đi Bắc Ninh, Quảng Ninh, Hải Dương; Quốc lộ 2 đi Việt Trì, Phú Thọ; Quốc lộ 3 đi Thái Nguyên, Cao Bằng,... Quốc lộ 5 đi Hải Phòng (chỉ mất 1,5 giờ đến cảng Hải Phòng) để dàng trong việc vận chuyển và thu mua nguồn nguyên liệu các tỉnh phía Bắc. Mỗi tháng, Công ty nhập trung bình 2.500-3.000 tấn từ nguồn nguyên liệu trong nước và nhập chủ yếu ở các tỉnh như: Việt Trì, Bắc Ninh, Vĩnh Phúc, Hưng Yên, Thanh Hóa, Nghệ An,...

Bảng số 12: Danh mục một số nguyên vật liệu chính trong sản xuất

STT	Nguyên vật liệu chính	Đặc tính	Khối lượng bình quân/năm
1	Giấy vụn	Bột giấy để hình thành giấy thành phẩm	52.000 tấn
2	Tinh bột sắn	Làm chất phủ gia keo lên bề mặt giấy	1.500 tấn
3	AKD	Gia keo chống thấm	300 tấn
4	Chống thấm	Gia keo chống thấm	80 tấn

(Nguồn: CTCP Miza)

Bảng số 13: Danh mục các nguyên vật liệu phụ trong sản xuất

STT	Nguyên vật liệu phụ	Khối lượng bình quân/năm
1	Phèn đơn	90 tấn
2	Chất cắt mạch	2,8 tấn
3	Chất giặt chần, lưới	0,67 tấn
4	Chất diệt khuẩn	1 tấn
5	Phẩm màu vàng	60 tấn
6	Phẩm đỏ	10 tấn
7	Lõi giấy	190 tấn

(Nguồn: CTCP Miza)

Bảng số 14: Danh sách một số nhà cung cấp nguyên vật liệu của Công ty

Đơn vị tính: Đồng

STT	Tên nhà cung cấp	Quốc gia	Sản phẩm cung cấp
1	AHRIM CORPORATION	Hàn Quốc	Giấy phế liệu
2	Sino Paper Limited	Mỹ	Giấy phế liệu
3	Paper Link International Limited	Anh	Giấy phế liệu
4	JC Horizon Ltd	Mỹ	Giấy phế liệu
5	Tay Payper Recycling	Singapore	Giấy phế liệu
6	Công ty TNHH Thuận Phát Hưng	Việt Nam	Hóa chất giấy
7	Công ty Cổ phần Bao Bì Hoàng Hải Việt Nam	Việt Nam	Giấy phế liệu
8	Xí Nghiệp Lam Kinh - Chi nhánh tổng công ty kinh tế kỹ thuật công nghiệp quốc phòng	Việt Nam	Tinh Bột Sắn
9	CTCP Kinh doanh thương mại Thành Long	Việt Nam	Giấy phế liệu

(Nguồn: CTCP Miza)

7.6. Chi phí hoạt động
Bảng số 15: Cơ cấu chi phí hoạt động trên BCTC riêng của Công ty

Đơn vị tính: Đồng

Khoản mục	Năm 2022		Năm 2023	
	Giá trị	Tỷ trọng /DTT (%)	Giá trị	Tỷ trọng/ DTT (%)
Giá vốn hàng bán	857.061.471.372	93,92	912.891.763.609	93,68
- Giá vốn bán thành phẩm	446.054.420.905	48,88	420.574.491.469	43,16
- Giá vốn bán hàng hóa	411.007.050.467	45,04	492.317.272.140	50,52
Chi phí tài chính	27.703.024.834	3,04	38.525.863.465	3,95
- Lãi tiền vay	27.378.359.631	3,00	38.424.064.493	3,94
Chi phí bán hàng	9.428.755.065	1,03	8.900.449.933	0,91
Chi phí QLDN	15.445.259.998	1,69	14.824.933.905	1,52
Tổng chi phí	909.638.511.269	99,69	975.143.010.912	100,07
Doanh thu thuần	912.498.547.125	100,00	974.470.965.645	100,00

(Nguồn: BCTC riêng năm 2023 đã được kiểm toán của Công ty)

Năm 2023, tổng chi phí dành cho hoạt động sản xuất kinh doanh trên BCTC riêng của Công ty đạt 975,14 tỷ đồng, tăng 65,5 tỷ đồng so với năm 2022.

Năm 2023, giá vốn hàng bán chiếm tỷ trọng 93,68% trên doanh thu thuần. Trong đó, giá trị của giá vốn bán hàng thành phẩm giảm hơn 25,47 tỷ đồng, đạt 420,57 tỷ đồng. Tuy nhiên, giá vốn bán hàng hóa năm 2023 tăng khoảng 19,78% so với năm 2022 và chiếm tỷ trọng 50,52% trên doanh thu thuần.

Ngoài giá vốn hàng bán, Công ty còn phải chi trả các loại chi phí khác như: chi phí tài chính, chi phí quản lý bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp. Tuy nhiên, cả 3 chi phí này đều chiếm tỷ trọng không đáng kể trên doanh thu thuần. Năm 2023, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh

ngành đều có xu hướng giảm với tỷ lệ giảm lần lượt là 5,60% và 4,02% so với năm 2022, lần lượt đạt giá trị là 8,9 tỷ đồng và 14,824 tỷ đồng. Ngược lại, chi phí tài chính năm 2023 tăng 10,8 tỷ đồng so với năm 2022, đạt giá trị 38,52 tỷ đồng. Đây là chủ yếu là khoản chi trả lãi tiền vay tại các Ngân hàng theo các hợp đồng tín dụng mà Công ty đã thực hiện ký kết.

Bảng số 16: Cơ cấu chi phí hoạt động của Công ty (Hợp nhất)

Đơn vị tính: Đồng

Khoản mục	Năm 2022		Năm 2023	
	Giá trị	Tỷ trọng/ DTT (%)	Giá trị	Tỷ trọng/ DTT (%)
Giá vốn hàng bán	2.493.657.381.146	89,66	2.877.807.830.408	89,81
- Giá vốn thành phẩm đã bán	1.618.512.409.132	58,19	1.548.843.862.172	48,33
- Giá vốn hàng hóa đã bán	875.144.972.014	31,47	1.328.963.968.236	41,47
Chi phí tài chính	154.037.703.716	5,54	197.966.552.576	6,18
- Chi phí lãi vay	131.754.536.249	4,74	180.343.184.007	5,63
Chi phí bán hàng	52.680.904.973	1,89	55.347.632.021	1,73
Chi phí QLDN	28.117.841.305	1,01	30.440.881.995	0,95
Tổng chi phí	2.728.493.831.140	98,10	3.161.562.897.000	98,66
Doanh thu thuần	2.781.224.494.919	100,00	3.204.419.483.282	100,00

(Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2023 đã được kiểm toán của Công ty)

Theo BCTC hợp nhất năm 2023, tổng chi phí mà Công ty đã bỏ ra để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh là 3.161 tỷ đồng, tăng 433,06 tỷ đồng so với năm 2022, chiếm tỷ trọng 98,66% trên doanh thu thuần, bao gồm: giá vốn hàng bán, chi phí tài chính, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp. Trong đó giá vốn hàng bán là loại chi phí chiếm tỷ trọng trên doanh thu thuần cao nhất, đạt mức 89,81%. Theo sau đó là chi phí tài chính đạt tỷ trọng 6,18% trên doanh thu thuần, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp lần lượt là 1,73% và 0,95%. Các khoản này chiếm tỷ trọng không lớn so với quy mô doanh thu, cũng như trong tổng chi phí nói chung.

Giá vốn hàng bán năm 2023 tại BCTC hợp nhất của Công ty đạt mức 2.877 tỷ đồng, tăng 384,15 tỷ đồng so với năm 2022. Giá vốn hàng bán tăng mạnh là do giá vốn bán hàng hóa tăng mạnh. Giá vốn hàng hóa đã bán tăng hơn 453,81 tỷ đồng, đạt mức 1.328,96 tỷ đồng, tăng trưởng khoảng 51,86% so với năm 2022. Tuy nhiên, giá vốn thành phẩm năm 2023 đạt 1.548,84 tỷ đồng, giảm 69,66 tỷ đồng so với năm 2022.

Năm 2023, chi phí tài chính của Công ty tăng hơn 43,92 tỷ đồng, giá trị khoảng 197,96 tỷ đồng. Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp nhìn chung có xu hướng tăng so với năm 2022.

7.7. Các hợp đồng lớn đã được ký kết

Bảng số 17: Các hợp đồng lớn đã được ký kết

Đơn vị tính: Tỷ đồng

ST T	Hợp đồng	Đối tác	Quốc gia	Sản phẩm/Dịch vụ đầu vào, đầu ra	Ngày ký hợp đồng	Giá trị/Giá trị thực hiện	Thời gian thực hiện
I		Hợp đồng đầu ra					
1	02012022HĐ NT/MZ-BPH/2022	Công ty TNHH Box Pak (Hà Nội)	Việt Nam/FDI Malaysia	Giấy Medium, testliner	02/01/2022	77	Năm 2022
2	0101/HĐNT/MZNS-YUTO	Công ty TNHH In Bao Bì Yuto Việt Nam	Việt Nam/FDI Trung Quốc	Giấy Medium, testliner	01/01/2021	94	Năm 2022
3	05102021 HĐNT /MZNS- VA	Công ty Cổ Phần Bao Bì Việt An	Việt Nam	Giấy Medium, testliner	01/07/2021	78	Năm 2022
4	01032022 HĐNT / NS-BB	Công ty TNHH Bao Bì Quốc Tế B&B	Việt Nam	Giấy Medium, testliner	01/12/2021	73	Năm 2022
5	08082021 HĐNT /MZNS-IBVN	Công ty TNHH Công Nghệ Bao Bì Ibox Vina	Việt Nam/FDI Trung Quốc	Giấy Medium, testliner	02/07/2021	63	Năm 2022
6	01/2023 HĐNT /MZ-TNG	Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Và Thương Mại TNG	Việt Nam	Giấy Medium, testliner	03/01/2023	15.4	Năm 2023
7	WR-MZNS231018	Well Rich Group Holding	Trung Quốc	Giấy Medium, testliner,	18/10/2023	61,38	Năm 2023

		Limited		Kraftline			
8	01062022 HĐNT /MZNS- PACKCO	Công ty TNHH Bao bì Packco Việt Nam	Việt Nam/FDI Trung Quốc	Giấy Medium, testliner, Kraftline	01/06/2022	53,71	Năm 2023
II		Hợp đồng đầu vào					
1	01012022/HĐ NT/TĐ- MZNS	Công ty TNHH Sản xuất thương mại giấy Trọng Đạt	Việt Nam	Giấy vụn	01/01/2022	34	Năm 2022
2	03012022/HĐ NT/MZ-GB	Công ty TNHH SX TM giấy Trọng Đạt	Việt Nam	Giấy vụn	03/01/2022	18	Năm 2022
3	01.07/HĐNT/ TL-MZNS	Công ty cổ phần kinh doanh TM Và dịch vụ Thành Long	Việt Nam	Giấy vụn	01/07/2022	40	Năm 2022
4	02.22/HĐNT/ TL-MZ	Công Ty CP KD TM và DV Thành Long	Việt Nam	Giấy vụn	01/03/2022	72	Năm 2022
5	010/MZNS- KTP	Công ty TNHH Kim Trương Phúc	Việt Nam	Hoi	18/05/2020	103	Năm 2022
6	0201/HĐNT/ HT-MNZS	Công ty CP giấy Hợp Thành	Việt Nam	Giấy vụn	02/01/2023	80,6	Năm 2023
7	02012022/ HĐNT/TĐ- MNZS	Công ty CP Kinh doanh TM và DV Thành Long	Việt Nam	Giấy vụn	01/01/2023	101,34	Năm 2023
8	21/0003	Công ty CP đầu tư và phát triển lưới điện	Việt Nam	Điện	26/02/2021	115,99	Năm 2023

(Nguồn: CTCP Miza)

7.8. Hoạt động Marketing

Uy tín, hình ảnh của Công ty Cổ phần Miza được xây dựng chủ yếu nhờ vào chất lượng sản phẩm, dịch vụ Công ty cung cấp và kinh nghiệm trong các năm qua. Công ty xác định để có được khách hàng, thỏa mãn, duy trì lòng tin và giữ được khách hàng, cũng như mở rộng và ổn định hoạt động kinh doanh thì yếu tố đầu tiên là chất lượng sản phẩm và dịch vụ cung cấp. Song, ngoài mục đích trên thì hiệu quả kinh tế, lợi nhuận doanh nghiệp, thu nhập của người lao động là vấn đề mà doanh nghiệp cũng rất quan tâm.

Sau gần 14 năm sản xuất trong lĩnh vực tái chế giấy, thương hiệu MIZA từ lâu đã gắn bó với các bạn hàng trong và ngoài nước, đây là thế mạnh để công ty nâng cao năng lực cạnh tranh trong giai đoạn hiện nay. Nhằm giữ vững tên tuổi, Công ty đã xác định xuyên suốt chủ trương đăng ký bảo hộ các nhãn hiệu thương mại, phát minh sáng chế và bản quyền của MIZA.

Trước áp lực cạnh tranh ngày càng gay gắt trên thị trường, Ban lãnh đạo Công ty đã có nhiều biện pháp nhằm ổn định và phát triển thị phần của Công ty. Bên cạnh những giải pháp về nâng cao chất lượng và đa dạng hóa sản phẩm, Công ty cũng đặc biệt quan tâm đến hoạt động Marketing nhằm quảng bá hình ảnh và sản phẩm. Công ty xác định điểm mạnh của các sản phẩm là “Chất lượng vượt trội”, do đó công tác quảng bá thương hiệu và chất lượng sản phẩm là một trong những ưu tiên hàng đầu.

Sau nhiều năm xây dựng và phát triển, Công ty hiện đã thiết kế được chương trình marketing chuyên nghiệp và hiệu quả. Chương trình này được thiết kế chi tiết từ việc tìm hiểu nhu cầu và tư vấn sản phẩm đối với khách hàng, quản lý chất lượng và khối lượng sản phẩm trong cả quá trình sản xuất và quá trình giao hàng đến việc quan tâm đánh giá mức độ thỏa mãn cũng như giải quyết thỏa đáng các khiếu nại của khách hàng về sản phẩm cung cấp.

Công ty cũng chú trọng marketing trên internet, website Công ty (www.miza.vn), truyền tải đầy đủ các mặt hàng với nhiều màu sắc, hình ảnh thu hút, cập nhật liên tục các thông tin, giá cả niêm yết,... Trên website của Công ty luôn có nhân viên kinh doanh online 24/7, cùng với đội ngũ chăm sóc khách hàng tận tâm, nhiệt tình chuyên biệt từng tình thành, sẵn sàng trả lời các câu hỏi liên quan đến Công ty, đến các sản phẩm của Công ty hay về tình hình trên thị trường của khách hàng. Bên cạnh website chính, Công ty cũng chú trọng đến hoạt động tiếp thị sản phẩm, hình ảnh của mình cũng như củng cố mối quan hệ với khách hàng thông qua các chương trình như quảng cáo giới thiệu sản phẩm và hình ảnh công ty trên các báo, tạp chí chuyên ngành; nâng cao, cập nhật các thông tin trên các website khác như: Trang vàng ngành giấy, Trang vàng Việt Nam,...

Ngoài ra, Công ty cũng thường xuyên có những chương trình ưu đãi, khuyến mãi lớn để tri ân khách hàng. Công ty cũng tích cực tham gia các hoạt động từ thiện, hoạt động tài trợ cho các cuộc thi, chương trình, tham gia hội chợ triển lãm,... giúp xây dựng hình ảnh, củng cố thương hiệu, uy tín của Công ty trong và ngoài địa bàn Thành phố.

7.9. Quyền sở hữu trí tuệ, nhãn hiệu, tên thương mại, sáng chế

Logo của Công ty:



Số nhãn hiệu 309822 cấp theo Quyết định số 87015/QĐ-SHTT ngày 03/12/2018 của Cục Sở

hữu trí tuệ.

Logo trên dùng làm nhãn hiệu quảng bá hình ảnh Công ty, sử dụng trên các ấn phẩm giới thiệu sản phẩm và dịch vụ của Công ty. Đứng trước áp lực cạnh tranh ngày càng gay gắt trên thị trường và vấn đề xâm phạm nhãn hiệu, bản quyền từ các đối thủ, Công ty đã chủ động đăng ký bảo hộ nhiều nhãn hiệu hàng hóa nổi tiếng. Hiện tại, Công ty đã được Cục sở hữu trí tuệ (Bộ Khoa Học và Công Nghệ) cấp giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa cho logo với thời gian bảo hộ là 10 năm kể từ ngày 03/06/2016.

Ý nghĩa logo:

- Logo MIZA - thể hiện tính độc đáo của thương hiệu và biểu tượng hình ảnh chính của Công ty Cổ phần MIZA. Để phù hợp với tính cách thương hiệu của Công ty, Logo được thiết kế trên phong cách đơn giản và tối giản. Logo MIZA được thiết kế để tạo sự hấp dẫn và hiệu quả về mặt thị giác tối ưu - những điều rất quan trọng trong một thị trường cạnh tranh đầy khốc liệt hiện nay
- Logo MIZA đảm bảo đầy đủ các tiêu chí: Đơn giản - Dễ nhớ - Độc đáo - Phù hợp - Dễ ứng dụng.
- Logo MIZA được thiết kế dựa trên 2 màu chủ đạo là màu đỏ và màu xanh. Thiết kế với màu đỏ màu đỏ tượng trưng cho hạnh phúc, tình yêu, sự may mắn và hân hoan. Màu xanh đại diện cho sự ổn định, hy vọng và phát triển. Đó cũng chính là những giá trị mà Công ty đã, đang và sẽ hướng tới.

7.10. Chính sách nghiên cứu và phát triển

a. Các chính sách nghiên cứu và phát triển của Công ty trong vòng 02 năm qua và cho đến thời điểm hiện tại:

Trong 02 năm vừa qua và cho đến thời điểm hiện tại, Công ty luôn chú trọng đầu tư cho công tác nghiên cứu và phát triển cả về con người lẫn máy móc thiết bị. Đầu tư cho nghiên cứu phát triển, tiên phong trong công nghệ và không ngừng cải tiến sản xuất là yếu tố tạo lợi thế cạnh tranh bền vững của doanh nghiệp. Do vậy, Công ty luôn dành những nguồn lực tốt nhất, sẵn sàng cho công tác nghiên cứu phát triển, cải tiến sản xuất. Việc nghiên cứu và phát triển do Bộ phận công nghệ sản xuất - khoa học kỹ thuật của Công ty phụ trách, bao gồm đội ngũ cán bộ dày dặn kinh nghiệm trong lĩnh vực chuyên môn, luôn không ngừng nghiên cứu sản phẩm nhằm phát triển, tăng tính cạnh tranh của sản phẩm cũng như đáp ứng các nhu cầu, tiêu chuẩn ngày càng cao của khách hàng. Để đáp ứng các tiêu chuẩn về xuất khẩu tại các thị trường phát triển, các nhà máy luôn duy trì tuân thủ và đáp ứng tiêu chuẩn của các hệ thống quản lý chất lượng, hệ thống quản lý môi trường quốc tế như ISO 9001:2015, ISO 14001:2015.

Công ty ưu tiên đầu tư vào nghiên cứu ứng dụng, phát triển sản phẩm mới và tối ưu hóa sản xuất. Ban lãnh đạo Công ty chủ trương tăng cường tự động hóa trong các hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, nhằm tăng năng suất lao động, tối ưu hóa công thức nguyên vật liệu, giảm tỷ lệ tiêu hao trong sản xuất, tăng tái sử dụng nguyên vật liệu, tiết kiệm năng lượng, đáp ứng nhu cầu hàng hóa ngày càng tăng và đẩy mạnh hiệu quả sản xuất kinh doanh. Đặc biệt với ưu tiên phát triển các sản phẩm thân thiện với môi trường, bộ phận nghiên cứu của Công ty đã đẩy mạnh nghiên cứu đa dạng hóa danh mục sản phẩm, phục vụ nhu cầu của các thị trường trong và ngoài nước.

Công ty chú trọng việc nghiên cứu phát triển trong nhiều năm qua nhằm mục đích là cung cấp thương phẩm đạt TOP thương hiệu (TOP Brand) và đứng đầu thị phần ở tất cả các sản phẩm khu vực miền Bắc và cả nước:

1. Thiết lập chiến lược thương phẩm “Số 1 Miền Bắc vào năm 2022” và cả nước vào 2027
2. Xây dựng thương hiệu có kỹ thuật và chất lượng mạnh.
3. Hoàn thành thể chất thích ứng hỗ trợ phát triển giữa các thành viên trong tập đoàn có hệ thống chủ động đề xuất.
4. Xây dựng nền tảng có thể phát triển, mở rộng quy mô liên tục từ sau năm 2022.

Với những nỗ lực của việc nghiên cứu phát triển, hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty ngày càng được nâng cao với chất lượng sản phẩm được cải tiến, giảm tỷ lệ tiêu hao năng lượng trên sản phẩm, tăng tái sử dụng nguyên vật liệu.

b. Ảnh hưởng của các chính sách nghiên cứu và phát triển tới tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty:

Các chính sách nghiên cứu và phát triển trong thời gian vừa qua luôn đáp ứng kịp thời nhu cầu thị hiếu của khách hàng và nhu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Đồng thời, việc nghiên cứu và phát triển còn giúp đề xuất các phương án đầu tư các máy móc thiết bị hiện đại, các dự án mới, sản phẩm mới trong tương lai gần, tạo điều kiện mở rộng thị trường kinh doanh của Công ty.

8. Vị thế của Công ty trong ngành

8.1. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

Công ty Cổ phần Miza được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0105028958 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 02/12/2010, thay đổi gần nhất lần thứ 15 ngày 19/12/2023 với các sản phẩm chủ yếu phục vụ cho ngành giấy như Giấy mặt, Giấy sóng,...

Vị trí địa lý trụ sở Công ty cũng như Nhà máy sản xuất đều thuận lợi: Cách trung tâm Thủ đô Hà Nội về phía Bắc 20 km, gần sân bay Nội Bài, xung quanh là các Khu công nghiệp: Thăng Long, Quang Minh, Nội Bài, Đông Anh. Giao thông rất thuận lợi, từ Công ty tỏa đi các tỉnh là quốc lộ cao tốc 18 qua Nội Bài đi Bắc Ninh, Quảng Ninh, Hải Dương; Quốc lộ 2 đi Việt Trì, Phú Thọ; Quốc lộ 3 đi Thái Nguyên, Cao Bằng,...; Quốc lộ 5 đi Hải Phòng (chỉ mất 1,5 giờ đến cảng Hải Phòng - là trung tâm phân phối, trung chuyển nguyên vật liệu và sản phẩm cho thị trường khu vực phía Bắc và xuất khẩu). Từ đó giúp Công ty có điều kiện giảm thiểu chi phí vận chuyển, góp phần hạ giá thành sản phẩm hơn so với các doanh nghiệp cùng ngành.

Sau gần 14 năm xây dựng và phát triển, từ một dây chuyền sản xuất với hơn 50 cán bộ công nhân viên, ngày nay, Công ty Cổ phần Miza đã trở thành một doanh nghiệp với quy mô gần 400 công nhân hoạt động ở lĩnh vực tái chế giấy và bao bì. Sản phẩm của Công ty đã và đang có ưu thế lớn tại thị trường Miền Bắc và được khẳng định bằng chính thương hiệu MIZA của mình trong ngành tái chế giấy và bao bì.

Bên cạnh lợi thế về giá thành sản phẩm, Công ty còn có lợi thế về công nghệ khi sở hữu riêng 02 nhà máy sản xuất với công suất lớn và trang thiết bị hiện đại. Với năng lực là các máy móc hiện đại, nguồn nhân lực giàu kinh nghiệm và chuyên môn, hiện nay, Công ty đã có thể trực tiếp sản xuất, chế tạo các sản phẩm với chất lượng có tính ổn định cao và được kiểm soát

bằng công nghệ sản xuất tiên tiến. Công ty Cổ phần Miza hiện là một trong số ít các doanh nghiệp trong ngành giấy đã làm chủ được công nghệ sản xuất và hoàn thiện sản phẩm. Nhờ kế thừa và áp dụng những khoa học kỹ thuật, công nghệ tiên tiến trên thế giới vào thực tiễn, Nhà máy Công ty đã để lại những dấu ấn sâu sắc trên thị trường ngành giấy và luôn nhận được sự hài lòng, tin tưởng từ các khách hàng trên cả nước.

Trong năm 2023, Công ty một mặt xác định vẫn đảm bảo sự ổn định của các cấu trúc sản phẩm hiện có, mặt khác chủ trương tập trung nguồn lực để đẩy mạnh trở thành nhà cung cấp các sản phẩm giấy tái chế số một Miền Bắc. Đây là chiến lược đón đầu sự phát triển các khu công nghiệp đang ngày càng phát triển tại miền Bắc. Bên cạnh đó, ngay từ khi mới thành lập, Công ty còn có đội ngũ Ban lãnh đạo có học vấn cao và có nhiều năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực liên quan, với nhiều cán bộ kỹ thuật được đào tạo chuyên sâu về ngành giấy cùng với đội ngũ bán hàng chuyên nghiệp.

Về thị phần của Công ty, hiện tại không có thống kê cụ thể về thị phần của Công ty trong ngành.

8.2. Triển vọng phát triển của ngành

Ngành giấy và bao bì giấy được dùng làm vật liệu sản xuất cho nhiều loại vật dụng góp phần quan trọng vào phục vụ đời sống con người cũng như phục vụ cho sự phát triển của rất nhiều ngành và lĩnh vực kinh tế khác như: viễn thông, giao thông vận tải, thủy sản, nông nghiệp, công nghiệp,... Do đó, ngành công nghiệp giấy ngày càng có vai trò quan trọng trong đời sống và là sản phẩm thiết yếu trong cuộc sống của mỗi người dân, cũng như giữ một vai trò quan trọng trong sản xuất nhiều quốc gia, trong đó có Việt Nam.

Theo số liệu thống kê của Hiệp hội Giấy và Bột giấy Việt Nam (VPPA), trong những năm gần đây, ngành Giấy Việt Nam có tốc độ phát triển trung bình khoảng 10-12%/năm, riêng giấy bao bì khoảng 15-17%/năm, trong lĩnh vực này đã có những dự án đầu tư công suất lớn đang hoạt động (400-500 nghìn tấn/năm); một số doanh nghiệp đang dự kiến đầu tư dự án có công suất trên 1 triệu tấn giấy bao bì/năm. Với nhu cầu gia tăng mạnh và vai trò đa dạng đối với kinh tế, sản xuất của ngành giấy đóng góp khoảng 1,5% giá trị GDP, kim ngạch xuất khẩu đạt trên 1 tỷ USD. Từ đầu năm 2021 đến nay, xuất khẩu giấy và sản phẩm giấy của Việt Nam luôn ở mức cao so với các tháng cùng kỳ năm 2020, đây là kết quả của năng lực sản xuất ngành giấy tăng lên, cùng với đó, nhu cầu tiêu thụ giấy và sản phẩm giấy trong nước cũng như thế giới tăng cao, đặc biệt là giấy bao bì. Theo nhận định, xuất khẩu giấy bao bì của Việt Nam sẽ tiếp tục tăng trong thời gian tới nhờ những yếu tố như: năng lực sản xuất, nhu cầu tiêu thụ tăng, có nhiều yếu tố hỗ trợ khác như xu hướng dịch chuyển sản xuất, lợi thế từ các Hiệp định thương mại tự do, triển vọng xuất khẩu rất tích cực. Theo Trung tâm thông tin Công nghiệp và Thương mại, xuất khẩu bột giấy hóa, giấy bao bì vào thị trường Trung Quốc có nhu cầu tiêu dùng tăng trưởng cao trong những năm tới. Theo đó, tiêu dùng bột giấy của Trung Quốc khoảng 32 triệu tấn/năm, sản xuất trong nước chỉ đáp ứng được 33% nhu cầu. Chính vì vậy, đây là một cơ hội lớn cho các doanh nghiệp của Việt Nam. Ngoài ra, trong nước, hiện nay tiêu thụ giấy bình quân của người dân còn rất thấp. Có thể nói, thị trường giấy trong nước còn nhiều khoảng trống, đặc biệt là phân khúc sản phẩm giấy bao bì cao cấp (tráng phủ).

Với những nhận định như trên về triển vọng phát triển của ngành đồng thời với những chính

sách hỗ trợ của nhà nước, thi nhu cầu của thị trường đối với các sản phẩm của Công ty hiện nay là rất lớn, không chịu ảnh hưởng nhiều bởi chu kỳ của nền kinh tế và có tiềm năng phát triển.

9. Chính sách đối với người lao động

9.1. Số lượng người lao động trong Công ty

Bảng số 18: Cơ cấu lao động của Công ty tại ngày 31/12/2023

STT	Phân loại lao động	31/12/2023	
		Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
A	Báo cáo riêng		
I	Phân theo trình độ	116	100%
1	Đại học và Trên Đại học	24	20,7%
2	Cao đẳng	12	10,3%
3	Trung cấp, công nhân kỹ thuật	32	27,6%
4	Lao động phổ thông	48	41,4%
II	Phân theo giới tính	116	100%
1	Nam	100	86,2%
2	Nữ	16	13,8%
III	Phân theo thời hạn Hợp đồng lao động	116	100%
1	Lao động thường xuyên	113	97,4%
2	Lao động thời vụ	3	2,6%
B	Sau hợp nhất		
I	Phân theo trình độ	359	100%
1	Đại học và Trên Đại học	68	18,9%
2	Cao đẳng	41	11,4%
3	Trung cấp, công nhân kỹ thuật	96	26,7%
4	Lao động phổ thông	154	42,9%
II	Phân theo giới tính	359	100%
1	Nam	294	81,9%

STT	Phân loại lao động	31/12/2023	
		Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
2	Nữ	65	18,1%
III	Phân theo thời hạn Hợp đồng lao động	359	100%
1	Lao động thường xuyên	356	99,2%
2	Lao động thời vụ	3	0,8%

(Nguồn: CTCP Miza)

9.2. Chính sách đào tạo, lương thưởng, trợ cấp

a. Chế độ làm việc:

- Thời gian làm việc:
- + Đối với nhân viên văn phòng: Làm việc theo giờ hành chính từ 08h00 - 17h00, nghỉ và ăn trưa từ 12h00 đến 13h00, giờ nghỉ và ăn trưa không được tính lương. Thời gian làm việc từ thứ 2 đến hết thứ 7 hàng tuần
- + Đối với nhân viên làm theo ca: một ngày làm việc gồm 3 ca: ca 1: từ 6h00 – 14h00; ca 2: 14h00-22h00 và ca 3: từ 22h00-6h00 sáng hôm sau. Giờ nghỉ giữa ca đối với các ca 1 và ca 2 là 30 phút, với ca 3 là 40 phút. Hàng tháng, nhân viên sẽ được nghỉ số ngày theo tiêu chuẩn.
- + Khi có yêu cầu về tiến độ công việc, sản xuất, kinh doanh thì nhân viên Công ty có trách nhiệm làm thêm giờ và Công ty có những quy định đảm bảo quyền lợi cho người lao động theo quy định của Nhà nước và đãi ngộ thoả đáng cho người lao động.
- Nghỉ phép, nghỉ lễ, tết: Thực hiện theo Luật lao động, nhân viên Công ty được nghỉ lễ, tết, nghỉ ốm, thai sản theo quy định của Bộ Luật lao động.
- Điều kiện làm việc: Văn phòng làm việc khang trang, thoáng mát, trang bị đầy đủ dụng cụ, thiết bị hỗ trợ công việc, nhà xưởng gọn sạch, đảm bảo ánh sáng, an toàn lao động, đầy đủ điều kiện làm việc cho người lao động. Cán bộ công nhân viên (CBCNV) đi công tác xa được hưởng phụ cấp công tác phí và thanh toán các khoản phí đi lại, ăn ở theo quy định của pháp luật.

b. Chính sách tuyển dụng, đào tạo:

- Đào tạo và phát triển là một trong những ưu tiên hàng đầu trong chính sách nhân sự của Công ty. Với mục tiêu xây dựng và phát triển đội ngũ nhân sự giỏi về chuyên môn nghiệp vụ, chuẩn mực trong đạo đức, chuyên nghiệp trong phong cách làm việc và tâm huyết với công việc.
- Tại Công ty, tất cả các CBCNV đều có cơ hội tham gia các chương trình đào tạo nghiệp vụ theo yêu cầu công việc; theo kế hoạch đào tạo, phát triển hàng năm; ngoài ra Công ty cũng khuyến khích CBCNV chủ động tham gia các khóa đào tạo nâng cao chuyên môn trong công việc và được Công ty hỗ trợ một phần hoặc toàn bộ chi phí.

- Hàng năm Công ty còn tổ chức cho CBCNV xuất sắc tham gia những khóa học bổ sung, hoàn thiện kiến thức để đảm nhận những công việc ở tầm cao hơn: Khóa Nâng cao năng lực quản lý, giám sát, khóa đào tạo giảng viên nội bộ, khóa nâng cao năng lực chuyên môn.
- Song song với hình thức đào tạo ngoài công việc, Công ty cũng chú trọng tới công tác đào tạo nội bộ: Đào tạo xây dựng Chiến lược, kế hoạch, đào tạo về ISO, KPI, 5S hay những buổi chia sẻ về kỹ năng mềm (Kỹ năng thuyết trình, kỹ năng làm việc nhóm ...) ngoài mục đích chia sẻ kiến thức, kỹ năng những buổi đào tạo nội bộ này tạo ra sự gắn kết và chia sẻ của các CBCNV Công ty.

c. Chính sách về thu nhập, tiền lương, phúc lợi của người lao động:

- Công ty thực hiện nghiêm túc các chế độ về lương, về bảo hiểm và các chế độ đối với người lao động theo đúng quy định của nhà nước và thỏa ước lao động đã ký giữa Công ty và Công đoàn cơ sở cũng như hợp đồng lao động đối với từng người trong Công ty.
- Vào cuối mỗi năm tài chính, căn cứ vào kết quả hoạt động kinh doanh, Công ty sẽ có chính sách khen thưởng thành tích dựa trên mức độ hoàn thành chỉ tiêu cá nhân theo đánh giá định kỳ. Mức thưởng này sẽ được quy định cụ thể, chi tiết và công bằng cho từng cấp độ CBCNV với mục đích: Khen thưởng theo mức độ hoàn thành công việc, tạo động lực làm việc; Tạo một môi trường thi đua lành mạnh để CBCNV phát huy hết tiềm năng bản thân; Đáp ứng nhu cầu được công nhận của CBCNV, là phương tiện để thông báo rộng rãi thành tích và sự nỗ lực cá nhân mà CBCNV đã thể hiện.
- Công ty thực hiện các chế độ bảo vệ và chăm sóc sức khỏe, phúc lợi cho người lao động theo thỏa ước lao động tập thể hàng năm như: Phụ cấp ăn giữa ca, tăng ca; Xe đưa đón CBCNV; Chính sách thăm hỏi, ốm đau; Trang bị bảo hộ lao động; Thưởng lương tháng thứ 13; Quà, tiền thưởng vào các dịp Lễ, Tết,... Ngoài 2 loại hình Bảo hiểm bắt buộc (BHYT, BHXH), Công ty còn đăng ký bảo hiểm sức khỏe đặc biệt 100% và bảo hiểm nhân thọ cho những CBCNV chủ chốt, gắn bó làm việc lâu dài tại Công ty để đảm bảo sức khỏe của nhân viên được chăm sóc tốt nhất cũng như tạo cho nhân viên cảm giác an toàn, được quan tâm chu đáo.

d. Chính sách khen thưởng người lao động trong Công ty:

- Công ty có chính sách khen thưởng xứng đáng với các cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc, có đóng góp sáng kiến trong hoạt động đem lại hiệu quả kinh doanh cao. Đồng thời, Công ty áp dụng các biện pháp, quy định xử phạt đối với các cán bộ có hành vi gây ảnh hưởng xấu đến hoạt động và hình ảnh của Công ty.
- Khen thưởng hàng tháng trong trường hợp hoàn thành vượt mức kế hoạch và nhiệm vụ hàng tháng, hàng năm.
- Thưởng nhân dịp lễ, tết trong năm ...
- Thêm vào đó, Công ty tạo điều kiện cho hoạt động của tổ chức Công đoàn, Đoàn thanh niên, tổ chức các chương trình hội thao, văn nghệ, tìm hiểu và hỗ trợ cán bộ nhân viên có hoàn cảnh khó khăn, tổ chức khen thưởng cho con em người lao động đạt thành tích cao trong học tập, ...

e. Chính sách trợ cấp:

Công ty thực hiện chính sách trợ cấp theo quy định của Nhà nước và Công ty.

f. Mức lương bình quân

Bảng số 19: Mức lương bình quân của người lao động Công ty qua các năm

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023
Tiền lương bình quân/người/tháng (đồng)	14.000.000	14.380.000

(Nguồn: CTCP Miza)

Mức lương bình quân của người lao động Công ty Cổ phần Miza ở mức khá cạnh tranh so với các doanh nghiệp khác cùng ngành.

10. Chính sách cổ tức

HĐQT có trách nhiệm xây dựng phương án phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ để trình ĐHĐCĐ. Phương án này được xây dựng trên cơ sở lợi nhuận sau thuế mà Công ty thu được từ hoạt động kinh doanh trong năm tài chính. Công ty sẽ chi trả cổ tức cho các cổ đông khi kinh doanh có lãi và sau khi hoàn thành các nghĩa vụ thuế, nghĩa vụ tài chính khác theo quy định pháp luật. Căn cứ kế hoạch và định hướng kinh doanh, chiến lược đầu tư mở rộng hoạt động kinh doanh trong năm tới, HĐQT đề xuất phương án chia cổ tức phù hợp trình ĐHĐCĐ quyết định.

Căn cứ theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, chính sách phân phối cổ tức sẽ do HĐQT đề nghị và ĐHĐCĐ quyết định. Phương án trả cổ tức được xây dựng trên cơ sở lợi nhuận sau thuế mà Công ty thu được từ hoạt động kinh doanh trong năm tài chính sau khi đã thực hiện nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật hiện hành. Ngoài ra, Công ty cũng xét tới kế hoạch và định hướng kinh doanh, chiến lược đầu tư mở rộng hoạt động kinh doanh trong năm tới để đưa ra mức cổ tức hợp lý. Lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi thực hiện phân bổ các quỹ sẽ chi trả cổ tức cho cổ đông theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ.

Bảng số 20: Tình hình chi trả cổ tức các năm gần nhất

STT	Năm	Tỷ lệ	Hình thức	Thời gian
1	2018, 2019	10%	Phát hành cổ phiếu trả cổ tức	Quý IV năm 2020
2	2020	Không chia cổ tức, lợi nhuận năm trước được sử dụng mở rộng sản xuất và đầu tư vào các dự án của Công ty		
3	2021	6%	Bằng tiền	Quý IV/2022
4	2022	Không chia cổ tức, lợi nhuận năm trước được sử dụng mở rộng sản xuất và đầu tư vào các dự án của Công ty		

(Nguồn: CTCP Miza)

11. Tình hình tài chính trong năm và kỳ gần nhất

Các hoạt động tài chính luôn được Công ty Cổ phần Miza thực hiện một cách chính xác, đầy đủ, phản ánh trung thực về tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty, đồng thời tuân thủ quy tắc, chuẩn mực, chế độ kế toán và các quy định pháp lý có liên quan. Công ty xem việc hoạt động đúng các quy định pháp luật là trách nhiệm cũng như nghĩa vụ của

một tổ chức hoạt động kinh doanh chân chính.

11.1. Các chỉ tiêu cơ bản

a. Trích khấu hao tài sản cố định:

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian qua Công ty không thay đổi chính sách khấu hao. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

Loại tài sản cố định	Thời gian khấu hao (năm)
- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 45
- Máy móc, thiết bị	02 - 15
- Phương tiện, vận tải	05 - 10
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	02 - 10
- TSCĐ khác	05 - 15

(Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2023 đã được kiểm toán của Công ty)

b. Tình hình công nợ

❖ Các khoản phải thu

Bảng số 21: Số dư các khoản phải thu trên BCTC riêng

Đơn vị: Đồng

Chỉ tiêu	31/12/2022	31/12/2023
I. Các khoản phải thu ngắn hạn	192.171.016.984	231.127.079.433
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	181.515.311.658	170.821.096.209
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	623.239.850	19.036.452.810
3. Phải thu ngắn hạn khác	10.032.465.476	41.269.530.414
II. Các khoản phải thu dài hạn	-	-
Tổng cộng	192.171.016.984	231.127.079.433

(Nguồn: BCTC riêng năm 2023 đã được kiểm toán của Công ty)

Trên BCTC riêng của Công ty, các khoản phải thu chỉ đến từ các khoản phải thu ngắn hạn. Năm 2023, tổng các khoản phải thu ngắn hạn của Công ty là 231,12 tỷ đồng, tăng 38,95 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, phải thu ngắn hạn của khách hàng chiếm tỷ trọng lớn nhất và có xu hướng giảm trong năm 2023. Cụ thể, giá trị phải thu ngắn hạn của khách hàng cuối năm 2023 tại Công ty là 170,82 tỷ đồng, giảm 10,69 tỷ đồng, giảm khoảng 5,89% so với cùng kỳ năm 2022.

Phải thu ngắn hạn khác cuối năm 2023 theo số liệu tại BCTC riêng năm 2023 là 41,26 tỷ đồng, tăng hơn 31 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2022. Trong đó chủ yếu là khoản phải thu về lợi nhuận được chia từ Công ty TNHH Miza Nghi Sơn – Công ty con với giá trị 40 tỷ đồng.

Bảng số 22: Số dư các khoản phải thu của Công ty (Hợp nhất)

Đơn vị: Đồng

Chỉ tiêu	31/12/2022	31/12/2023
I. Các khoản phải thu ngắn hạn	664.505.372.657	830.184.258.947
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	546.760.895.251	600.315.128.402
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	78.581.490.673	188.161.045.334
3. Phải thu ngắn hạn khác	39.162.986.733	41.708.085.211
II. Các khoản phải thu dài hạn	12.679.277.451	10.678.085.859
1. Phải thu dài hạn khác	12.679.277.451	10.678.085.859
Tổng cộng	677.184.650.108	840.862.344.806

(Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2023 đã được kiểm toán của Công ty)

Theo số liệu tại BCTC hợp nhất, Số dư các khoản phải thu của Công ty tại ngày 31/12/2023 là 840,86 tỷ đồng, tăng 163,67 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước, bao gồm các khoản phải thu ngắn hạn 830,18 tỷ đồng và khoản phải thu dài hạn 10,67 tỷ đồng.

Các khoản phải thu ngắn hạn bao gồm phải thu ngắn hạn của khách hàng, trả trước cho người bán ngắn hạn và phải thu ngắn hạn khác. Phải thu ngắn hạn của khách hàng tại thời điểm 31/12/2023 là 600,31 tỷ đồng, tăng 53,55 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2022. Tỷ trọng phải thu ngắn hạn của khách hàng luôn chiếm trên 70% tổng giá trị các khoản phải thu ngắn hạn. Trả trước cho người bán ngắn hạn cuối năm 2023 là 188,16 tỷ đồng, tăng 109,57 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2022. Sự gia tăng của phải thu ngắn hạn của khách hàng và trả trước cho người bán ngắn hạn là nguyên nhân chính khiến tổng các khoản phải thu ngắn hạn cuối năm 2023 tăng hơn 165,67 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2022, đạt 830,18 tỷ đồng.

❖ **Các khoản phải thu quá hạn của Công ty:**

Tại thời điểm 31/12/2023, Công ty không có các khoản phải thu quá hạn.

❖ **Các khoản phải trả:**

- **Số dư các khoản phải trả của Công ty như sau:**

Bảng số 23: Số dư các khoản phải trả trên BCTC riêng

Đơn vị: Đồng

Chỉ tiêu	31/12/2022	31/12/2023
I. Nợ ngắn hạn	473.454.556.067	506.420.777.196

1. Phải trả người bán ngắn hạn	59.889.147.506	30.729.516.315
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	711.461.929	400.945.529
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	4.057.551.243	3.656.838.297
4. Phải trả người lao động	3.042.924.128	1.833.553.192
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	975.010.844	2.698.861.070
6. Phải trả ngắn hạn khác	34.273.863.647	10.362.017.140
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	370.504.596.770	456.739.045.653
II. Nợ dài hạn	128.700.591.254	86.009.733.827
1. Phải trả người bán dài hạn	72.912.071.536	47.345.931.666
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	55.788.519.718	38.663.802.161
Tổng cộng	602.155.147.321	592.430.511.023

(Nguồn: BCTC riêng năm 2023 đã được kiểm toán của Công ty)

Bảng số 24: Số dư các khoản phải trả của Công ty (Hợp nhất)

Đơn vị: Đồng

Chỉ tiêu	31/12/2022	31/12/2023
I. Nợ ngắn hạn	1.595.454.096.075	1.988.173.573.307
1. Phải trả người bán ngắn hạn	235.311.117.148	264.390.163.620
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	15.443.612.436	14.437.429.082
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	4.448.458.501	3.709.299.124
4. Phải trả người lao động	5.581.861.569	4.598.646.035
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	10.723.215.394	11.981.534.490
6. Phải trả ngắn hạn khác	127.113.845.529	57.523.247.136
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	1.196.831.985.498	1.631.533.253.820
II. Nợ dài hạn	890.101.631.757	654.630.487.466
1. Phải trả người bán dài hạn	241.642.037.899	153.297.710.221
2. Chi phí phải trả dài hạn	-	-
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	648.459.593.858	501.332.777.245
Tổng cộng	2.485.555.727.832	2.642.804.060.773

(Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2023 đã được kiểm toán của Công ty)

Số dư khoản phải trả trên BCTC riêng của Công ty tại thời điểm 31/12/2023 lần lượt là: 592,43 tỷ đồng, giảm khoảng 9,72 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2022. Theo Báo cáo tài chính hợp nhất, số dư khoản phải trả năm 2023 tăng 157,24 tỷ đồng và đạt mức 2.642,80 tỷ đồng. Trong đó, chủ yếu do sự gia tăng của các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

Cụ thể, các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn tại thời điểm 31/12/2023 theo số liệu tại BCTC riêng và hợp nhất lần lượt là 456,73 tỷ đồng và 1.631,53 tỷ đồng, tăng lần lượt 86,23 tỷ đồng và 434,70 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2022. Đây chủ yếu là khoản vay các ngân hàng phục

vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Tại thời điểm 31/12/2023, giá trị phải trả dài hạn theo số liệu tại BCTC riêng và hợp nhất lần lượt là 86 tỷ đồng và 654,63 tỷ đồng, giảm lần lượt 42,69 tỷ đồng và 235,47 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2022. Trong đó bao gồm các khoản phải trả cho người bán dài hạn và vay và nợ thuê tài chính dài hạn.

❖ **Tình hình thanh toán các khoản nợ:**

Kể từ khi thành lập cho đến nay, Công ty luôn đảm bảo thanh toán đầy đủ và đúng hạn các khoản nợ và vay ngắn hạn, dài hạn (bao gồm lãi và gốc), không có khoản nợ nào quá hạn. Vì vậy, việc xếp hạng của Công ty tại các Ngân hàng thương mại hàng năm đều ở mức cao. Trong đại dịch Covid-19 vừa qua, trong khi một số doanh nghiệp cùng ngành phải cơ cấu nợ thì Công ty vẫn thanh toán đủ các khoản nợ vay đến hạn, duy trì sự tín nhiệm ở mức cao và nhận được nhiều ưu đãi về chế độ hạn mức cùng lãi suất tiền vay từ các ngân hàng thương mại có quan hệ với Công ty. Hiện tại, Công ty không có khoản nợ nào quá hạn.

❖ **Việc vi phạm các điều khoản khác trong hợp đồng/cam kết:**

Kể từ khi thành lập cho đến nay, Công ty không phát sinh trường hợp vi phạm các điều khoản khác trong hợp đồng/cam kết.

c. Các khoản phải nộp theo luật định:

Công ty thực hiện nghiêm túc, đúng quy định việc nộp các khoản thuế (Giá trị gia tăng, thu nhập doanh nghiệp,...) các khoản phí, lệ phí theo quy định của Nhà nước. Kể từ khi thành lập cho đến nay, Công ty đã luôn tuân thủ và nộp đúng hạn các khoản phải nộp Nhà nước theo quy định.

Bảng số 25: Số dư các khoản phải nộp theo luật định của Công ty

Đơn vị: Đồng

Chỉ tiêu	31/12/2022	31/12/2023
I. Theo Báo cáo tài chính riêng		
1. Thuế Giá trị gia tăng	-	3.228.536.754
2. Thuế Thu nhập doanh nghiệp	974.529.868	391.510.316
3. Thuế Thu nhập cá nhân	2.589.778.931	23.940.667
4. Thuế khác	493.242.444	12.850.560
Tổng cộng	4.057.551.243	3.656.838.297
II. Theo Báo cáo tài chính hợp nhất		
1. Thuế Giá trị gia tăng	-	3.228.536.754
2. Thuế Thu nhập doanh nghiệp	974.529.868	391.510.316
3. Thuế Thu nhập cá nhân	2.941.298.111	76.401.494
4. Thuế khác	532.630.522	12.850.560
Tổng cộng	4.448.458.501	3.709.299.124

(Nguồn: BCTC riêng, hợp nhất năm 2023 đã được kiểm toán của Công ty)

d. Trích lập các quỹ theo luật định:

Theo quy định của Luật Doanh nghiệp năm 2020, việc trích lập và sử dụng các quỹ hàng

năm do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Công ty thực hiện việc trích lập các quỹ căn cứ vào tình hình hoạt động kinh doanh và đảm bảo tuân thủ Điều lệ của Công ty cũng như quy định của pháp luật hiện hành. Hoạt động kinh doanh của Công ty trong các năm vừa qua tuy đạt hiệu quả nhưng Công ty đang tập trung nguồn tài trợ cho hoạt động đầu tư mở rộng quy mô sản xuất kinh doanh nên ĐHCĐ đã thống nhất việc chưa trích lập quỹ trong thời gian này. Tính đến thời điểm hiện tại, Công ty chưa tiến hành trích lập quỹ. Việc chưa trích lập quỹ không vi phạm Điều lệ của Công ty cũng như quy định của pháp luật hiện hành. Trong thời gian tới, khi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đi vào ổn định, Công ty sẽ tiến hành trích lập các quỹ theo quy định.

e. Tổng dư nợ vay

❖ Tổng dư nợ vay trên BCTC riêng của Công ty

Bảng số 26: Tổng dư nợ vay trên BCTC riêng của Công ty

Đơn vị: Đồng

Chỉ tiêu	31/12/2022	31/12/2023
I. Vay ngắn hạn	370.504.596.770	456.739.045.653
1. Vay ngắn hạn ngân hàng (1)	353.108.101.910	439.614.328.096
2. Vay dài hạn đến hạn trả ngân hàng (2)	9.131.999.992	9.070.416.689
3. Vay dài hạn đến hạn trả đối tượng khác (3)	7.844.110.868	7.844.110.868
4. Nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả (4)	420.384.000	210.190.000
I. Vay dài hạn	55.788.519.718	495.402.847.814
1. Vay ngân hàng (2)	16.455.517.987	7.385.101.298
2. Vay đối tượng khác (3)	39.122.811.731	31.278.700.863
3. Nợ thuê tài chính (4)	210.190.000	-

(Nguồn: BCTC riêng năm 2023 đã được kiểm toán của Công ty)

[Phần này của trang được cố ý bỏ trống]

(1): Vay ngắn hạn ngân hàng

Bảng số 27: Vay ngắn hạn ngân hàng trên BCTC riêng của Công ty

Đơn vị tính: Đồng

Ngân hàng	31/12/2023	Kỳ hạn trả gốc và lãi vay	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng Thương mại Cổ phần (TMCP) Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh (CN) Đông Hà Nội	118.395.302.373	Gốc vay được trả từ tháng 1/2024 đến tháng 6/2024; lãi được trả hàng tháng	6,5-9,5	Các khoản phải thu; một số tài sản là máy móc, thiết bị của Công ty
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – CN Đông Anh	48.391.315.287	Gốc vay được trả từ tháng 3/2024 đến tháng 6/2023; lãi được trả hàng tháng	6,5	Quyền sử dụng đất; Sổ tiết kiệm; Căn hộ của một số cá nhân và khoản phải thu; Hàng tồn kho luân chuyển của Công ty
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – CN Bắc Hà Nội	27.900.477.208	Gốc vay được trả từ tháng 1/2024 đến tháng 6/2024; lãi được trả hàng tháng	7,5-7,8	Quyền sử dụng đất; Tài sản của một số cá nhân và khoản phải thu; Hàng tồn kho luân chuyển của Công ty
Ngân hàng TMCP Quân đội (MB) – CN Đồng Đa	126.314.331.705	Gốc vay được trả từ tháng 1/2024 đến tháng 6/2024; lãi được trả hàng tháng	6,5-7,8	Tài sản cố định; tiền gửi có kỳ hạn và Quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Tuấn Minh và Bà Hoàng Thị Thu Giang
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	14.385.169.778	Gốc vay được trả từ tháng 4/2024 đến tháng 6/2024	7,5	Các khoản tiền gửi có kỳ hạn
Ngân hàng TNHH MTV Hong Leong Việt Nam – CN Hà Nội	104.227.731.745	Gốc vay được trả từ tháng 1/2024 đến tháng 5/2024; lãi được trả hàng tháng	6,07-7,07	Các khoản tiền gửi có kỳ hạn. Bảo lãnh cá nhân của ông Nguyễn Tuấn Minh - Chủ tịch HĐQT
Tổng cộng	439.614.328.096			

(Nguồn: BCTC riêng năm 2023 đã được kiểm toán của Công ty)

(2): Vay dài hạn ngân hàng:

Bảng số 28: Vay dài hạn ngân hàng trên BCTC riêng của Công ty

Đơn vị tin: Đồng

Ngân hàng	31/12/2023	Kỳ hạn trả gốc và lãi vay	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Đông Hà Nội	15.038.601.290	Gốc vay trả hàng quý đến quý 4 năm 2025; lãi được trả hàng tháng	10,4	Thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay
Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - CN Long Biên	1.416.916.697	Gốc vay trả hàng tháng đến tháng 12 năm 2025; lãi được trả hàng tháng	11,22 - 12,87	Thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay
Tổng cộng	16.455.517.987			
Trong đó:				
- Vay dài hạn đến hạn trả	9.070.416.689			
- Vay dài hạn	7.385.101.298			

(Nguồn: BCTC riêng năm 2023 đã được kiểm toán của Công ty)

(3): Vay dài hạn đối tượng khác:

Bảng số 29: Vay dài hạn đối tượng khác trên BCTC riêng của Công ty

Đơn vị tính: Đồng

Đối tượng	31/12/2023	Kỳ hạn trả gốc và lãi vay	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Quý đầu tư Phát triển thành phố Hà Nội	38.734.240.335	Gốc vay được trả hàng quý đến quý 4/2028; lãi được trả hàng tháng	4,2	Thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay và tài sản của bên thứ ba theo các hợp đồng thế chấp tài sản
Công ty TNHH MTV Tài chính Toyota Việt Nam	388.571.396	Gốc vay được trả hàng tháng đến tháng 12/2027; lãi được trả hàng tháng	12,19	Thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay
Tổng cộng	39.122.811.731			
Trong đó:				
- Vay dài hạn đến hạn trả	7.844.110.868			
- Vay dài hạn	31.278.700.863			

(Nguồn: BCTC riêng năm 2023 đã được kiểm toán của Công ty)

(4): Nợ thuê tài chính:

Bảng số 30: Nợ thuê tài chính dài hạn trên BCTC riêng của Công ty

Đơn vị tính: Đồng

	31/12/2023			31/12/2022		
	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu	Lãi thuê tài chính	Nợ gốc	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu	Lãi thuê tài chính	Nợ gốc
Nợ thuê tài chính ngắn hạn	215.006.808	4.816.808	210.190.000	472.902.967	52.518.967	420.384.000
- Từ 1 năm trở xuống	215.006.808	4.816.808	210.190.000	472.902.967	52.518.967	420.384.000
Nợ thuê tài chính dài hạn	-	-	-	217.560.997	7.370.997	210.190.000
- Từ trên 1 - 5 năm	-	-	-	217.560.997	7.370.997	210.190.000
Tổng cộng	215.006.808	4.816.808	210.190.000	690.463.964	59.889.964	630.574.000

(Nguồn: BCTC riêng năm 2023 đã được kiểm toán của Công ty)

❖ Tổng dư nợ vay của Công ty (Hợp nhất)

Bảng số 31: Tổng dư nợ vay của Công ty (Hợp nhất)

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	31/12/2022	31/12/2023
I. Vay ngắn hạn	1,196,831,985,498	1.631.533.253.820
1. Vay ngắn hạn ngân hàng (5)	1,040,392,661,378	1.460.715.767.809
2. Vay dài hạn đến hạn trả ngân hàng (6)	85,331,999,992	97.270.416.689
3. Vay dài hạn đến hạn trả đối tượng khác (7)	7,844,110,868	7.844.110.868
4. Nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả (8)	63,263,213,260	65.702.958.454
I. Vay dài hạn	648,459,593,858	501.332.777.245
1. Vay ngân hàng (6)	471,234,208,292	385.963.791.603
2. Vay đối tượng khác (7)	39,122,811,731	31.278.700.863
3. Nợ thuê tài chính (8)	138,102,573,835	84.090.284.779

(Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2023 đã được kiểm toán của Công ty)

[Phần này của trang được cố ý bỏ trống]

(5): Vay ngắn hạn ngân hàng

Bảng số 32: Vay ngắn hạn ngân hàng của công ty (Hợp nhất)

Đơn vị tính: Đồng

Ngân hàng	31/12/2023	Kỳ hạn trả gốc và lãi vay	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng TMCP Dầu tư và Phát triển Việt Nam – CN Đông Hà Nội	118.395.302.373	Gốc vay trả từ tháng 1/2024 đến tháng 6/2024; lãi vay trả hàng tháng	6,5-9,5	Các khoản phải thu; Một số tài sản là máy móc, thiết bị của Công ty.
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – CN Đông Anh	48.391.315.287	Gốc vay trả từ tháng 3/2024 đến tháng 6/2024; lãi vay trả hàng tháng	6,5	Quyền sử dụng đất; Sổ tiết kiệm; Căn hộ của một số cá nhân và Khoản phải thu, hàng tồn kho luân chuyển của Công ty
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – CN Bắc Hà Nội	27.900.477.208	Gốc vay trả từ tháng 1/2024 đến tháng 6/2024; lãi vay trả hàng tháng	7,5-7,8	Quyền sử dụng đất; Tài sản của một số cá nhân và Khoản phải thu, hàng tồn kho luân chuyển của Công ty
Ngân hàng TMCP Quân đội – CN Đông Đa	126.314.331.705	Gốc vay trả từ tháng 1/2024 đến tháng 6/2024; lãi vay trả hàng tháng	6,5-7,8	Tài sản cố định; Tiền gửi có kỳ hạn và quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Tuấn Minh và bà Hoàng Thị Thu Giang
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	14.385.169.778	Gốc vay trả từ tháng 4/2024 đến tháng 6/2024; lãi vay trả hàng tháng	7,5	Các khoản tiền gửi có kỳ hạn
Ngân hàng TNHH MTV Hong Leong Việt Nam – CN Hà Nội	104.227.731.745	Gốc vay trả từ tháng 1/2024 đến tháng 6/2024; lãi vay trả hàng tháng	6,07-7,07	Các khoản tiền gửi có kỳ hạn và Bảo lãnh cá nhân của Ông Nguyễn Tuấn Minh

Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam – CN Nam Thanh Hóa	79.982.489.938	Gốc vay trả từ tháng 1/2024 đến tháng 6/2024; lãi vay trả hàng tháng	6,5-7,5	Một số hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	24.546.696.000	Gốc vay trả từ tháng 3/2024 đến tháng 4/2024; lãi vay trả hàng tháng	5,2-6,5	Một số hàng hóa đã hình thành và/hoặc sẽ hình thành trong tương lai và các khoản phải thu của công ty con
	470.245.929.401	Gốc vay trả từ tháng 2/2024 đến tháng 6/2024; lãi vay trả hàng tháng	8,0-9,9	
Ngân hàng TMCP Quân đội – CN Thanh Hóa	179.753.704.147	Gốc vay trả từ tháng 1/2024 đến tháng 6/2024; lãi vay trả hàng tháng	7,47-8,68	Một số hợp đồng tiền gửi và hành hóa của Công ty và Sở tiết kiệm của bà Hoàng Thị Thu Giang
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – CN Sầm Sơn	64.751.310.432	Gốc vay trả từ tháng 1/2024 đến tháng 5/2024; lãi vay trả hàng tháng	8-8,5	Một số hợp đồng tiền gửi; trái phiếu có kỳ hạn và các bất động sản thuộc sở hữu cá nhân của Ông Nguyễn Tuấn Minh và bà Hoàng Thị Thu Giang
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – CN Thành Công	9.931.384.000	Gốc vay được trả vào tháng 6 năm 2024; lãi được trả hàng tháng	6,5	Một số hàng hóa và một số khoản phải thu của Công ty
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam – CN Hà Nam	5.303.723.312	Gốc vay trả từ tháng 2/2024 đến tháng 5/2024; lãi vay trả hàng tháng	5,37-5,59	Một số hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam
	94.642.261.757	Gốc vay trả từ tháng 1/2024 đến tháng 5/2024; lãi vay trả hàng tháng	7,88-8,7	
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam – Chi nhánh Đống Đa	20.967.709.683	Gốc vay trả vào tháng 4/2024; lãi vay trả hàng tháng	6,5	Một số hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn do VIB phát hành thuộc quyền

					sở hữu của Công ty/Ban lãnh đạo. Kèm theo đó là 6 triệu cổ phần tại CTCP Miza của Ông Nguyễn Tuấn Minh
Ngân hàng TNHH MTV Hong Leong Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội	41.012.593.643	Gốc vay trả vào tháng 4/2024; lãi vay trả hàng tháng	6,4-6,7		Một số hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TNHH MTV Hong Leong Việt Nam – CN Hà Nội
Ngân hàng TMCM Việt Nam Thịnh Vượng – CN Ngô Quyền	29.963.637.400	Gốc vay trả vào tháng 6/2024; lãi vay trả hàng tháng	7,8		Một số hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng – CN Ngô Quyền

(Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2023 đã được kiểm toán của Công ty)

(6): Vay dài hạn ngân hàng

Bảng số 33: Vay dài hạn ngân hàng của công ty (Hợp nhất)

Đơn vị tính: Đồng

Ngân hàng	31/12/2023	Kỳ hạn trả gốc và lãi vay	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – CN Đông Hà Nội	15.038.601.290	Gốc được trả hàng quý đến quý 4/2025; lãi vay trả hàng tháng	10,4	Thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay
Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam – CN Long Biên	1.416.916.967	Gốc được trả hàng tháng đến tháng 12/2025; lãi vay trả hàng tháng	11,22 – 12,87	Thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – CN Đông Hà Nội	344.267.376.043	Gốc vay được trả theo lịch trả nợ với lần trả nợ cuối cùng vào tháng 11/2029; lãi được trả hàng tháng	10,9	Một số tài sản của dự án nhà máy sản xuất giấy
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – CN Bắc Kạn	122.511.314.262	Gốc vay được trả theo lịch trả nợ với lần trả nợ cuối cùng vào tháng 11/2029; lãi được trả hàng tháng	9,1	bao bì thuộc quyền sở hữu của Công ty con
Tổng cộng	483.234.208.292			
<i>Trong đó:</i>				
- Vay dài hạn đến hạn trả	97.270.416.689			
- Vay dài hạn	385.963.791.603			

(Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2023 đã được kiểm toán của Công ty)

(7): Vay dài hạn đối tượng khác

Bảng số 34: Vay dài hạn đối tượng khác của công ty (Hợp nhất)

Đơn vị tính: Đồng

Đối tượng	31/12/2023	Kỳ hạn trả gốc và lãi vay	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Quý Dầu tư Phát triển Thành phố Hà Nội	38.734.240.335	Gốc vay được trả hàng quý đến quý 4/2028; lãi được trả hàng tháng	4,2	Thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay và tài sản của bên thứ 3 theo các hợp đồng thế chấp tài sản
Công ty TNHH MTV Tài chính Toyota Việt Nam	388.571.396	Gốc vay được trả hàng tháng đến tháng 12/2027; lãi được trả hàng tháng	12,19	Thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay
Tổng cộng	39.122.811.731			
<i>Trong đó:</i>				
- Vay dài hạn đến hạn trả	7.844.110.868			
- Vay dài hạn	31.278.700.863			

(Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2023 đã được kiểm toán của Công ty)

(8): Nợ thuế tài chính

Bảng số 35: Nợ thuế tài chính của công ty (Hợp nhất)

Đơn vị tính: Đồng

	31/12/2022			31/12/2023		
	Tổng khoản thanh toán tiền thuế tối thiểu	Lãi thuế tài chính	Nợ gốc	Tổng khoản thanh toán tiền thuế tối thiểu	Lãi thuế tài chính	Nợ gốc
Nợ thuế tài chính ngắn hạn	78.854.298.956	15.591.085.696	63.263.213.260	76.877.150.984	11.174.192.530	65.702.958.454
- Từ 1 năm trở xuống	78.854.298.956	15.591.085.696	63.263.213.260	76.877.150.984	11.174.192.530	65.702.958.454
Nợ thuế tài chính dài hạn	152.658.452.275	14.555.878.440	138.102.573.835	90.513.851.632	6.423.566.853	84.090.284.779
- Từ trên 1 – 5 năm	152.658.452.275	14.555.878.440	138.102.573.835	90.513.851.632	6.423.566.853	84.090.284.779
Tổng cộng	231.512.751.231	30.146.964.136	201.365.787.095	167.391.002.616	17.597.759.383	149.793.243.233

(Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2023 đã được kiểm toán của Công ty)

f. Hàng tồn kho:**Bảng số 36: Số dư hàng tồn kho của Công ty***Đơn vị tính: Đồng*

Chỉ tiêu	31/12/2022	31/12/2023
I. Theo Báo cáo tài chính riêng		
1. Nguyên vật liệu	98.364.229.074	85.333.075.517
2. Công cụ, dụng cụ	14.763.635.328	14.457.377.155
3. Thành phẩm	79.376.087.777	58.521.482.492
4. Hàng hóa	2.741.555.549	-
Tổng cộng	195.245.507.728	158.311.935.164
II. Theo Báo cáo tài chính hợp nhất		
1. Nguyên vật liệu, vật liệu chính	387.792.512.444	344.009.579.515
2. Công cụ, dụng cụ	49.025.353.095	52.394.209.051
3. Thành phẩm	184.464.332.315	199.120.147.221
4. Hàng hóa	28.155.703.039	57.837.716.214
5. Hàng gửi đi bán	-	-
Tổng cộng	649.437.900.893	653.361.652.001

(Nguồn: BCTC riêng, hợp nhất năm 2023 đã được kiểm toán của Công ty)

Số dư hàng tồn kho hợp nhất của Công ty tại ngày 31/12/2023 có giá trị hơn 653 tỷ đồng, tăng hơn 3,92 tỷ đồng so với thời điểm đầu năm. Thông thường để ổn định sản xuất, Công ty đều dự trữ tại kho một lượng nguyên vật liệu nhất định. Bên cạnh đó, thời điểm cuối năm thường gắn với các dịp Lễ, Tết nên có thể gây ảnh hưởng đến việc nhập mua, vận chuyển nguyên vật liệu, biến động giá nguyên vật liệu của Công ty. Do đó, vào các thời điểm cuối năm, Công ty thường nhập dự trữ hàng tồn kho với lượng lớn hơn, để đảm bảo hoạt động sản xuất diễn ra liên tục ngay khi bước sang năm mới cũng như đảm bảo ổn định về giá nguyên vật liệu.

g. Các khoản đầu tư tài chính**Bảng số 37: Các khoản đầu tư tài chính của Công ty***Đơn vị tính: Đồng*

Chỉ tiêu	31/12/2022	31/12/2023
I. Theo Báo cáo tài chính riêng		

1. Đầu tư tài chính ngắn hạn	24.100.000.000	41.600.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	24.100.000.000	41.600.000.000
2. Đầu tư tài chính dài hạn	872.190.000.000	862.000.000.000
Đầu tư vào công ty con	689.000.000.000	862.000.000.000
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	183.000.000.000	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	190.000.000	-
Tổng cộng	896.290.000.000	903.600.000.000
II. Theo Báo cáo tài chính hợp nhất		
1. Đầu tư tài chính ngắn hạn	143.044.975.800	252.974.895.602
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	143.044.975.800	252.974.895.602
2. Đầu tư tài chính dài hạn	188.494.483.631	5.000.000.000
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	183.304.483.631	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5.190.000.000	5.000.000.000
Tổng cộng	331.539.459.431	257.974.895.602

(Nguồn: BCTC riêng, hợp nhất năm 2023 đã được kiểm toán của Công ty)

11.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Bảng số 38: Chỉ tiêu tài chính của Công ty

Các chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2022		Năm 2023	
		BCTC riêng	BCTC hợp nhất	BCTC riêng	BCTC hợp nhất
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán:					
Hệ số thanh toán ngắn hạn (<i>Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn</i>)	Lần	1,02	1,01	1,09	1,04
Hệ số thanh toán nhanh (<i>(Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn</i>)	Lần	0,61	0,60	0,77	0,71
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn:					
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	36,82	68,81	35,56	68,96
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	58,27	220,59	55,18	222,20
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động:					

Vòng quay tổng tài sản (Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân)	Vòng	0,56	0,82	0,59	0,86
Vòng quay vốn lưu động (Doanh thu thuần/Tổng tài sản ngắn hạn bình quân)	Vòng	1,93	1,93	1,89	1,74
Vòng quay hàng tồn kho (Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân)	Vòng	5,12	4,80	5,16	4,42
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời:					
Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu (ROS) (Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần)	%	5,46	2,44	4,14	1,95
Hệ số lợi nhuận sau thuế trên vốn kinh doanh (ROA) (Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân)	%	3,07	2,00	2,44	1,68
Hệ số lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE) (Lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu bình quân)	%	4,80	6,04	3,83	5,39

(Nguồn: BCTC kiểm toán riêng, hợp nhất năm 2023 của Công ty)

12. Tài sản

12.1. Tình hình tài sản cố định hữu hình của Công ty

Bảng số 39: Tình hình tài sản cố định hữu hình của Công ty tại ngày 31/12/2023

Đơn vị tính: Đồng

TT	Tên tài sản	Nguyên giá	Khấu hao	Giá trị còn lại	GTCL/ NG (%)
BCTC riêng của Công ty					
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	90.034.401.107	33.817.915.165	56.216.485.942	62,44
2	Máy móc, thiết bị	288.883.344.144	143.035.534.292	145.847.809.852	50,49
3	Phương tiện vận tải truyền dẫn	28.968.192.607	18.993.308.254	9.974.884.353	34,43
4	Thiết bị dụng cụ quản lý	1.286.977.290	848.709.802	438.267.488	34,05
5	TSCĐ khác	3.852.242.074	1.976.765.344	1.875.476.730	48,69
Tổng cộng		413.025.157.222	198.672.232.857	214.352.924.365	51,90
BCTC Hợp nhất					
1	Nhà cửa, vật	613.508.506.431	61.500.885.399	552.007.620.032	89,98

	kiến trúc				
2	Máy móc, thiết bị	952.473.778.624	253.509.753.259	689.964.025.365	72,44
3	Phương tiện vận tải truyền dẫn	30.225.318.582	19.310.584.296	10.914.734.286	36,11
4	Thiết bị dụng cụ quản lý	2.126.348.786	1.225.358.763	900.990.023	42,37
5	TSCĐ khác	3.852.242.074	2.081.686.780	1.770.555.294	45,96
Tổng cộng		1.602.186.194.497	337.628.269.497	1.264.557.925.000	78,93

(Nguồn: BCTC riêng, hợp nhất năm 2023 đã được kiểm toán của Công ty)

12.2. Tình hình tài sản cố định thuê tài chính của Công ty

Bảng số 40: Tình hình tài sản cố định thuê tài chính tại ngày 31/12/2023 của Công ty

Đơn vị tính: Đồng

TT	Tên tài sản	Nguyên giá	Khấu hao	Giá trị còn lại	GTCL/NG (%)
BCTC riêng của Công ty					
1	Máy móc, thiết bị	2.000.000.000	1.797.902.344	202.097.656	10,10
Tổng cộng		2.000.000.000	1.797.902.344	202.097.656	10,10
BCTC Hợp nhất					
1	Máy móc, thiết bị	387.157.807.237	52.154.770.290	326.003.036.947	84,20
Tổng cộng		387.157.807.237	52.154.770.290	326.003.036.947	84,20

(Nguồn: BCTC riêng, hợp nhất năm 2023 đã kiểm toán của Công ty)

12.3. Danh mục một số máy móc thiết bị tại các nhà máy của Công ty

Bảng số 41: Danh mục một số máy móc, thiết bị tại Nhà máy Miza Đông Anh

TT	Tên máy móc, thiết bị	Số lượng	Giá trị tại ngày 31/12/2023	
			Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)

1	Hệ thống thiết bị máy xeo	1	97.340.494.095	54.078.052.255
2	Xây dựng nhà xưởng	1	45.107.931.374	33.981.308.320
3	Dây chuyền sản xuất giấy Kraft	1	31.616.680.580	6.437.288.888
4	Hệ thống DCS, QCS	1	18.180.444.152	10.100.246.712
5	Hệ thống điện động lực	1	15.958.490.751	8.778.542.382
6	Hệ thống xử lý nước thải (Phân xưởng sản xuất 2)	1	13.810.683.806	8.132.958.252
7	Hệ thống bơm chân không Turbin	1	13.732.106.540	9.832.064.555
8	Lò Hơi	1	8.429.278.732	4.870.249.956
9	Đệm vi sinh giá thể cầu cho hệ thống xử lý nước thải	1	6.270.000.000	3.984.603.533
10	Hệ thống xử lý nước thải (Phân xưởng sản xuất 1)	1	5.418.000.000	1.505.000.000
11	Hệ Thống Máy Ép	1	5.143.680.000	2.228.928.000
12	Máy móc thiết bị xeo giấy	1	4.263.600.000	2.663.030.806
13	Thiết bị phụ trợ	1	4.201.047.457	2.403.932.676
14	Lô máy máy thiết bị xeo giấy 1	1	3.969.350.000	2.431.226.844
15	Thùy lực chữ D 25m ³	1	2.250.000.000	1.510.625.000
16	Máy nghiền thủy lực dạng chữ D, dùng để nghiền bột giấy loại 5m ³	1	1.767.853.050	1.158.292.239

(Nguồn: CTCP Miza)

Bảng số 42: Danh mục một số máy móc thiết bị ở Nhà máy Miza Nghi Sơn

STT	Tên máy móc, thiết bị	Số lượng	Giá trị tại ngày 31/12/2023	
			Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)
1	Hệ thống máy xeo	1	429.280.553.569	357.818.743.461
2	Dây chuyền nghiền bột giấy	1	98.526.398.592	82.105.332.162

3	Hạ tầng kỹ thuật	1	56.346.612.413	53.828.854.571
4	Hệ thống xử lý nước thải	1	54.208.610.316	51.786.385.683
5	Hệ thống bồn bể chứa bột	1	48.801.165.849	40.667.638.209
6	Thiết bị cô đặc, gia nhiệt	1	37.251.312.319	31.042.760.269
7	Hệ thống đường ống nhà Xeo - nhà Bột	1	35.881.858.439	33.888.421.859
8	Hệ thống cáp điện	1	35.687.965.111	33.705.300.391
9	Kết cấu thép Nhà Xeo	1	31.924.982.355	30.151.372.215
10	Hệ thống đường ống cáp ngầm	1	28.169.322.811	26.604.360.421
11	IC ép quang	1	27.546.362.245	22.955.301.865
12	Máy ép bùn, sàng áp lực	1	24.390.978.764	20.325.815.624
13	Móng Nhà Xeo	1	23.487.222.355	22.182.376.675
14	Trạm biến áp	1	19.937.631.198	16.614.692.658
15	Hệ thống đấu nối, lắp đặt điện động lực và điện điều khiển	1	18.921.971.664	17.870.751.024
16	Kết cấu thép Nhà kho thành phẩm	1	18.678.025.937	17.640.357.827
17	Kết cấu thép Nhà Bột	1	16.370.141.304	15.460.689.024
18	Phần thân Nhà Xeo	1	15.371.683.789	14.517.701.359
19	Tủ điện trung thế	1	15.311.131.638	12.759.276.378
20	Hệ thống bơm, khuấy, lọc	1	14.104.011.141	11.753.342.631
21	Hệ thống tủ điện động lực/điều khiển	1	14.096.182.349	11.746.818.629
22	Bể hiếu khí	1	13.457.904.905	12.710.243.525
23	Lô cuộn giấy	1	12.250.000.000	9.480.138.898
24	Cầu trục xeo	1	5.588.520.491	4.657.100.411
25	Lô ép chân không	1	5.141.285.750	3.035.017.068

(Nguồn: CTCP Miza)

12.4. Tình hình tài sản dở dang dài hạn của Công ty
Bảng số 43: Chi tiết tài sản dở dang dài hạn của Công ty

Đơn vị tính: Đồng

ST T	Tên tài sản	31/12/2022	31/12/2023
BCTC riêng của Công ty			
1	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	1.278.564.000	3.346.785.835
Tổng cộng		1.278.564.000	3.346.785.835
BCTC Hợp nhất			
1	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	1.278.564.000	32.753.197.777
Tổng cộng		1.278.564.000	32.753.197.777

(Nguồn: BCTC riêng, hợp nhất năm 2023 đã kiểm toán của Công ty)

13. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức
13.1. Một số chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức
Bảng số 44: Chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận của Công ty

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2023	Kế hoạch năm 2024	% tăng giảm so với năm 2023
Doanh thu thuần	Triệu đồng	3.204.419	3.573.724	11,52%
Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	62.461	68.309	9,36%
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	%	1,95%	1,91%	(0,04%)
Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu	%	5,25%	5,75%	0,50%

13.2. Căn cứ để đạt được kế hoạch doanh thu, lợi nhuận nói trên

Để đạt được mục tiêu trong năm cũng như giữ vững và nâng cao chất lượng các sản phẩm, Công ty đã xây dựng kế hoạch phát triển, đầu tư một số hạng mục để gia tăng nguồn lực chiều sâu cho sản xuất trên cơ sở phân tích, đánh giá tình hình thực tế sản xuất tại các nhà máy; định hướng, chiến lược phát triển của Công ty; tình hình kinh tế, tình hình dịch bệnh Covid-19; dự báo xu hướng phát triển ngành. Cụ thể như sau:

- Tăng doanh thu từ Miza Nghi Sơn từ việc tăng công suất máy lên 110% năm 2023 (Giảm sản lượng các định lượng giấy mỏng 90g/m², 100g/m² để tăng năng suất máy)
- Tăng doanh thu từ Dự án bột giấy tái chế (RCP) hoạt động 100% công suất
- Tăng doanh thu, sản lượng từ việc sản xuất và mở rộng thị trường giấy mặt chất lượng cao (Kraft liner từ bột giấy nguyên sinh), đây là loại sản phẩm có giá bán tốt với nhu cầu cao hơn sản phẩm giấy mặt (Testliner) từ 40 – 50%. Dự kiến sản lượng Kraftliner chiếm từ 40 – 50% tổng sản lượng sản xuất tương đương 5.000 – 55.000 tấn/tháng (tăng khoảng 4.500 tấn/tháng so với năm 2022)

- Công ty đã có các chương trình đề tài tăng năng suất lao động, nâng cao chất lượng sản phẩm, mở rộng thị trường và thực hiện cải tiến liên tục hệ thống quản lý
- Đổi mới công nghệ và nâng cao năng lực sản xuất phân xưởng tại DC sản xuất số 1 và số 2 tại Miza Đông Anh (tối ưu định lượng giấy, khổ giấy để tăng sản lượng sản xuất từ 3% - 5%)
- Thị trường xuất khẩu chính của Công ty trong năm 2023 là Trung Quốc với doanh thu xuất khẩu chiếm khoảng 35%. Dự kiến trong giai đoạn tới, Công ty tiếp tục đẩy mạnh xuất khẩu, mở rộng thị trường sang các nước châu Âu, Mỹ, Hàn Quốc, Banglades, Cuba...với nhu cầu và giá bán cao hơn thị trường Trung Quốc từ 5 – 10%
- Mở rộng thêm các mảng thương mại giấy, phôi carton... đóng góp làm tăng doanh thu từ 3% – 5%/tháng
- Ngoài các sản phẩm chính Công ty còn có doanh thu từ Giấy phế liệu và các phụ gia hóa chất.
- Các đối tác lâu năm trong và ngoài nước của Công ty đều là các doanh nghiệp lớn và có uy tín trên thị trường. Hàng năm, Công ty ký kết các hợp đồng nguyên tắc với giá trị lớn, từ đó góp phần giúp Công ty ổn định nguồn nguyên vật liệu đầu vào, kiểm soát chi phí hiệu quả.

Một số biện pháp để triển khai kế hoạch:

- Tiếp tục nghiên cứu tổ chức, sắp xếp các phòng, ban, phân xưởng, nhà máy theo hướng thống nhất, đảm bảo thực hiện đủ chức năng, nhiệm vụ, thuận tiện cho điều hành quản lý của doanh nghiệp. Tiếp tục cải tạo môi trường làm việc, thực hiện tốt các yêu cầu, tiêu chuẩn của đối tác trong sản xuất kinh doanh. Đẩy mạnh cải cách hành chính, chấn chỉnh, cải tiến lề lối, phương pháp, tác phong làm việc và năng lực công tác của cơ quan, đơn vị với yêu cầu cao hơn nhằm thực hiện tốt chức năng nhiệm vụ;
- Tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo công tác tổ chức, quản lý; chấp hành tốt các quy định quản lý của Nhà nước; tiếp tục xây dựng, bổ sung, hoàn chỉnh hệ thống quy chế quản lý doanh nghiệp, đặc biệt là các quy chế về quản lý tài chính, lao động và tiền lương, quản lý chất lượng sản phẩm; biên soạn quy chế hoạt động theo mô hình mới, phát huy tính chủ động sáng tạo và nâng cao hiệu quả quản lý sản xuất kinh doanh;
- Nghiên cứu phát triển doanh nghiệp, chiến lược kinh doanh; đổi mới và hội nhập kinh tế quốc tế; đẩy mạnh việc nghiên cứu sản phẩm mới. Định hướng đầu tư phù hợp điều kiện và năng lực thực tế, tập trung vào các sản phẩm truyền thống, sản phẩm mũi nhọn có hàm lượng công nghệ cao, đảm bảo sự phát triển bền vững của doanh nghiệp. Đa dạng hoá mặt hàng, tăng cường tiếp thị, tìm kiếm mở rộng thị trường với nhiều hình thức phong phú; với thị trường trong nước, tăng cường liên doanh liên kết sản xuất với đơn vị, công ty, bạn hàng truyền thống;
- Áp dụng công nghệ vào quản lý;
- Đào tạo và đào tạo lại nhân lực, ưu tiên các lĩnh vực đòi hỏi nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng cho yêu cầu sản xuất kinh doanh ngày càng cao của Công ty. Nghiên cứu có chính sách đối với cán bộ phù hợp với đặc điểm tình hình của Công ty để góp phần tạo ra đồng lực thu hút nhân tài về đơn vị công tác;
- Duy trì, củng cố mối quan hệ với các đối tác phân phối sản phẩm của doanh nghiệp với phương châm “Đảm bảo sự hài lòng của khách hàng”;

- Duy trì, củng cố tính ổn định chất lượng hàng hoá sản phẩm, các dịch vụ cung ứng, hậu mãi, quan tâm và nghiên cứu các chính sách chăm sóc khách hàng ngày càng tốt hơn

14. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của công ty đại chúng

Không có

15. Chiến lược, định hướng phát triển sản xuất kinh doanh

Đứng trước những khó khăn và thách thức trong thời kỳ kinh tế cạnh tranh khốc liệt, Công ty đã xác định để thực hiện được kế hoạch đề ra cần phải có những nhận thức và định hướng kinh tế đúng đắn phù hợp với tình hình thực tế. Vừa duy trì nhịp độ tăng trưởng ổn định của các mặt hàng truyền thống vừa đẩy mạnh phát triển thị trường mới, chú trọng đặc biệt công tác xuất khẩu sản phẩm đến các nước trong khu vực Châu Á, mở rộng thị trường sang Châu Âu và Châu Mỹ. Với phương châm thống nhất hành động từ chỉ đạo đến thực hiện trong toàn hệ thống với các chiến lược cụ thể như sau:

+ Chiến lược dài hạn (giai đoạn 2025-2030):

- Về Kinh doanh:
 - + Giữ vững và phát triển thị trường theo hướng nâng cao chất lượng sản phẩm, giảm thiểu chi phí sản xuất, chế độ bán hàng linh hoạt, phát huy và khai thác tối đa các tiềm năng và nguồn lực sẵn có
 - + Đẩy mạnh công tác tiếp thị và phát triển thị trường tạo thị phần vững chắc cho sản phẩm trên thị trường Việt nam và hướng tới xuất khẩu
 - + Ưu tiên phát triển Công ty lớn mạnh tập trung vào các lĩnh vực chủ lực. Trở thành Tập đoàn số 1 về ngành giấy và là Tập đoàn có hệ sinh thái phong phú, đa dạng, hoạt động trong 3 lĩnh vực chính: Giấy - Bột giấy - Bao bì, túi giấy; Thương mại - Dịch vụ - Logictis và Bất động sản - Nghỉ dưỡng.
 - + Phát triển các sản phẩm của Công ty, đưa hình ảnh Công ty tới gần hơn với người sử dụng
 - + Chiến lược kinh doanh: Phù hợp với nhu cầu của thị trường bằng cách tìm hiểu sâu từ thời kỳ sớm của nhu cầu thị trường. Đứng trên góc nhìn của khách hàng, nắm bắt thông tin kịp thời và đề xuất sản phẩm. Triển khai kinh doanh thay đổi từ việc chờ đợi chuyển thành chủ động, đề xuất sản phẩm phù hợp với nhu cầu khu vực trên tất cả các thể loại. Xây dựng mạng lưới và thể chế để có thể đối ứng được với khách hàng các khu vực xa.
- Về Đầu tư Công nghệ:
 - + Tiếp tục đầu tư, nghiên cứu, áp dụng những công nghệ mới vào quy trình sản xuất cho phù hợp với các tiêu chuẩn về Chất lượng, an toàn với môi trường
 - + Nâng cao hoạt động, mở rộng quy mô, đáp ứng nhu cầu của thị trường
 - + Triển khai phân bổ sản xuất giữa các thành viên thích hợp nhất bao gồm cả hỗ trợ tương hỗ. Thiết lập, xây dựng, tìm kiếm các nhà cung cấp đáp ứng yêu cầu về cả chất lượng, chi phí, giao hàng. Phát triển phương án sản xuất có giá thành rẻ, phối kết hợp và triển khai mặt bằng ở mức độ cao giữa các nhà máy trong Công ty.
- Về Kỹ thuật:
 - + Cải cách chế tạo dòng sản phẩm định lượng cao;

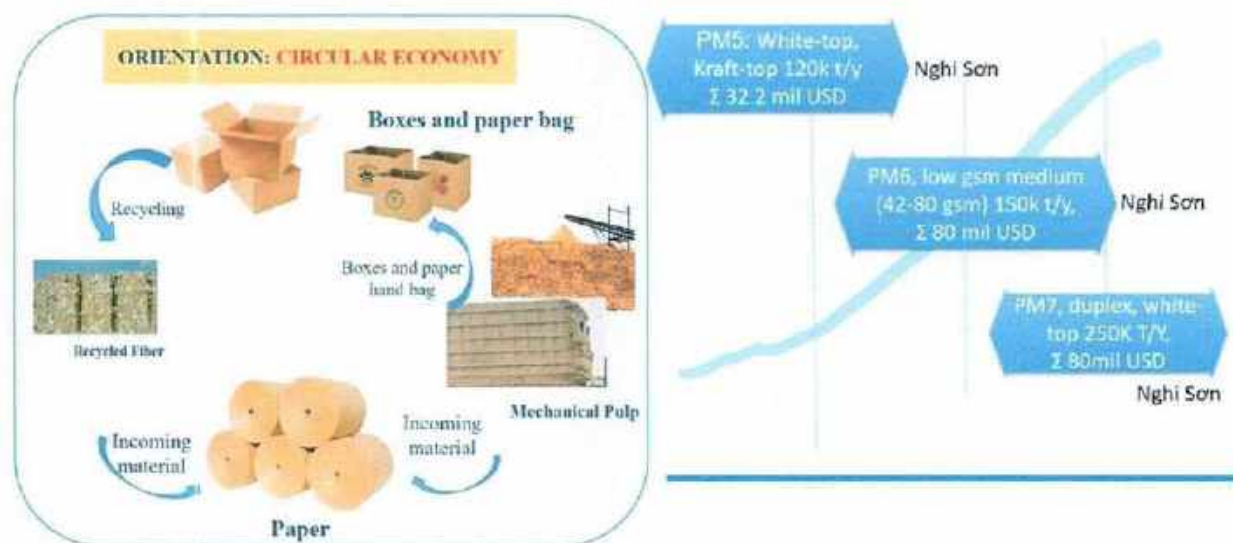
- + Thiết lập phương pháp chế tạo mới và phát triển phương án hiện có;
- + Cải tiến điều kiện sản xuất giảm giá và thiết lập phương án thương phẩm mới dung nguyên liệu UKP, Recycle Pulp;
- + Cải tiến nguyên giá cho giá bán mục tiêu;
- + Thiết lập chế tạo cần thiết cho thương phẩm mới
- + Nỗ lực vào phương pháp chế tạo thời kì tới, kĩ thuật mới liên kết tới tương lai.
- + Yếu tố môi trường:
- + Áp dụng quy trình quản lý môi trường tiên tiến
- + Đáp ứng các yêu cầu về hoạt động môi trường, thực hiện trách nhiệm với xã hội
- Về chính sách cho người lao động:
- + Ổn định, tạo sự phát triển cho đời sống của cán bộ công nhân viên, tập trung vào công tác phát triển nguồn nhân lực nhằm đáp ứng định hướng phát triển sản xuất kinh doanh và đóng góp cho sự phát triển cộng đồng và xã hội.
- + Tập trung cho công tác đào tạo về nghiệp vụ, ngoại ngữ, học hỏi công nghệ mới ở nước ngoài nhằm nâng cao trình độ cho người lao động.

✚ Chiến lược ngắn hạn (từ nay đến năm 2025):

- Công ty Cổ phần Miza nằm trong nhóm các công ty có vị trí dẫn đầu về chất lượng sản phẩm trong các doanh nghiệp tái chế giấy, bao bì ở Việt Nam.
- Công ty Cổ phần Miza xác định điểm mạnh của các sản phẩm là “Chất lượng vượt trội”, do đó công tác quảng bá thương hiệu và chất lượng sản phẩm là một trong những ưu tiên hàng đầu của doanh nghiệp.
- Trở thành Tập đoàn số 1 về ngành giấy và là Tập đoàn có hệ sinh thái phong phú, đa dạng, hoạt động trong 3 lĩnh vực chính: Giấy - Bột giấy - Bao bì, túi giấy; Thương mại - Dịch vụ - Logictis và Bất động sản - Nghi dưỡng.
- Nghiên cứu thị trường, đa dạng mẫu mã sản phẩm để khách hàng có nhiều cơ hội chọn lựa.
- Đầu tư, nâng cấp, cải tiến máy móc, trang thiết bị tập trung sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm.
- Xây dựng văn hóa doanh nghiệp, tích cực xây dựng nếp sống lành mạnh, cạnh tranh công bằng, đoàn kết, hỗ trợ nhau để cùng tạo nên một doanh nghiệp vững mạnh.
- Đảm bảo các vấn đề về môi trường trước, trong và sau sản xuất.

[Phần này của trang được cố ý bỏ trống]

Hình số 22: Hình ảnh định hướng mô hình sinh thái trong giai đoạn tới của Công ty



(Nguồn: CTCP Miza)

➤ Định hướng thực hiện:

- Về nguồn vốn: đa dạng hóa nguồn vốn, đảm bảo chi phí vốn ở mức thấp, cân đối sử dụng vốn an toàn và hiệu quả;
- Về nguồn lực dự kiến: xây dựng nguồn nhân lực chất lượng cao, chú trọng công tác tuyển dụng và đào tạo; xây dựng văn hóa doanh nghiệp rõ nét, nâng cao ý thức và kỷ luật người lao động, tăng năng suất lao động;
- Về kinh doanh: bám sát diễn biến thị trường, linh hoạt trong xử lý tình huống, đa dạng thị trường tiêu thụ và khách hàng;
- Về công nghệ: thường xuyên cập nhật công nghệ sản xuất mới với hiệu suất cao, sử dụng năng lượng thấp, tính năng tự động hóa cao;
- Về quản trị điều hành: nâng cao năng lực quản trị điều hành, tiếp cận các chuẩn mực quốc tế, ban hành các quy chế quy trình rõ ràng, đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh an toàn, hiệu quả, bền vững.

16. Các thông tin tranh chấp, kiện tụng liên quan tới Công ty

Không có

II. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Cơ cấu, thành phần và hoạt động của Hội đồng quản trị

1.1. Danh sách thành viên Hội đồng quản trị

STT	Họ tên	Chức danh	Ghi chú
1	Nguyễn Tuấn Minh	Chủ tịch HĐQT	Thành viên HĐQT không điều hành
2	Đình Tiên Ngự	Thành viên HĐQT	Thành viên HĐQT không điều hành sau ngày 01/07/2023
3	Lê Văn Hiệp	Thành viên HĐQT	Thành viên HĐQT điều hành

4	Hoàng Tự Lập	Thành viên HĐQT	Thành viên độc lập HĐQT
5	Đình Tấn Hưng	Thành viên HĐQT	Thành viên độc lập HĐQT

1.2. Thông tin Sơ yếu lý lịch của các thành viên Hội đồng quản trị

a. Ông Nguyễn Tuấn Minh - Chủ tịch HĐQT

- Họ và tên: Nguyễn Tuấn Minh
- Giới tính: Nam
- Ngày, tháng, năm sinh: 29/05/1975
- Nơi sinh: Thị trấn Đông Anh - Huyện Đông Anh - TP. Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Số CMND/CCCD: 001075021040, Ngày cấp: 22/11/2021, Nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: Tổ 4 Thị trấn Đông Anh, Huyện Đông Anh, TP. Hà Nội
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Kinh tế
- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Chủ tịch HĐQT
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Tổng giám đốc Công ty cổ phần tập đoàn Miza
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
7/1996 - 7/1998	Công ty TNHH Tiến Đức	Kế toán tổng hợp
9/1998 - 10/2009	Công ty TNHH phụ tùng xe máy - ô tô Showa (Nhật Bản)	Kế toán trưởng
10/2009 - 6/2011	Công ty Cổ phần xi măng Thăng Long (Tập đoàn Geleximco)	Giám đốc tài chính
6/2011 - 12/2021	Công ty Cổ phần Miza	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
10/2021 - nay	Công ty cổ phần tập đoàn Miza	Tổng giám đốc
1/2022 - nay	Công ty Cổ phần Miza	Chủ tịch HĐQT

- Số cổ phần nắm giữ của cá nhân và những người có liên quan: 34.118.223 cổ phần, chiếm 34,14% vốn điều lệ, trong đó:
 - + Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
 - + Cá nhân sở hữu: 27.298.104 cổ phần, chiếm 27,32% vốn điều lệ
 - + Sở hữu của những người có liên quan: 6.820.119 cổ phần, chiếm 6,82% vốn điều lệ.
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không.

b. Ông Đinh Tiến Ngự - Thành viên HĐQT

- Họ và tên: Đinh Tiến Ngự
- Giới tính: Nam
- Ngày, tháng, năm sinh: 14/9/1973
- Nơi sinh: Quỳnh Phụ, Thái Bình
- Quốc tịch: Việt Nam
- Số CMND/CCCD: 034073000328, Ngày cấp: 24/7/2021, Nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: Tổ 01, thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, TP. Hà Nội
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Quản trị kinh doanh
- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Thành viên HĐQT
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
9/2003 - 2/2008	Công ty TNHH thương mại dịch vụ tin học Tùng Long	Giám đốc
3/2008 - 6/2018	Công ty Cổ phần quốc tế Tùng Long	Giám đốc
6/2018 - nay	Công ty Cổ phần Miza	Thành viên HĐQT
7/2018 - 12/2021	Công ty Cổ phần Miza	Phó Tổng Giám đốc
1/2022 – 06/2023	Công ty Cổ phần Miza	Tổng Giám đốc

- Số cổ phần nắm giữ của cá nhân và những người có liên quan: 1.975.691 cổ phần, chiếm 1,98% vốn điều lệ, trong đó:
 - + Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
 - + Cá nhân sở hữu: 1.067.397 cổ phần, chiếm 1,07% vốn điều lệ
 - + Sở hữu của những người có liên quan: 908.294 cổ phần, chiếm 0,91% vốn điều lệ.
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Quyền lợi mẫu thuẫn với lợi ích Công ty: Không.

c. Ông Lê Văn Hiệp - Thành viên HĐQT

- Họ và tên: Lê Văn Hiệp
- Giới tính: Nam
- Ngày, tháng, năm sinh: 24/06/1982
- Nơi sinh: Xã Nam Đồng, Huyện Nam Sách, Tỉnh Hải Hưng (Cũ) nay là Tỉnh Hải Dương
- Quốc tịch: Việt Nam
- Số CMND/CCCD: 030082020996, Ngày cấp: 13/11/2021, Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về

TTXH

- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: 609 Trương Định, phường Thịnh Liệt, quận Hoàng Mai, TP. Hà Nội
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Chuyên ngành Giấy
- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Tổng Giám đốc Công ty TNHH Miza Nghi Sơn
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
7/2005 - 9/2006	Trường Đại học Bách khoa Hà nội	Giảng viên
8/2008 - 10/2010	Công ty Elof Hanson	Đại diện thương mại
11/2010 - 12/2012	Công ty CAMCO	Trưởng dự án
5/2013 - 5/2016	Viện CN Giấy& Xenluloza	Giám đốc trung tâm môi trường
6/2016 - 1/2018	Công ty Cổ phần Miza	Phó Tổng Giám đốc
01/2018 - nay	Công ty TNHH Miza Nghi Sơn	Tổng Giám đốc
06/2018 - nay	Công ty Cổ phần Miza	Thành viên HĐQT
07/2023 - nay	Công ty Cổ phần Miza	Tổng Giám đốc

- Số cổ phần nắm giữ của cá nhân và những người có liên quan: 1.330.572 cổ phần, chiếm 1,33% vốn điều lệ, trong đó:
 - + Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
 - + Cá nhân sở hữu: 1.322.372 cổ phần, chiếm 1,32% vốn điều lệ
 - + Sở hữu của những người có liên quan: 8.200 cổ phần, chiếm 0,01% vốn điều lệ.
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Quyền lợi mẫu thuẫn với lợi ích Công ty: Không.

d. Ông Hoàng Tự Lập - Thành viên độc lập HĐQT

- Họ và tên: Hoàng Tự Lập
- Giới tính: Nam
- Ngày, tháng, năm sinh: 17/9/1955
- Nơi sinh: Xã Quỳnh Bảng, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An
- Quốc tịch: Việt Nam
- Số CMND/CCCD: 040055001196, Ngày cấp: 09/4/2021, Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH
- Dân tộc: Kinh

- Địa chỉ thường trú: 146 đường Nguyễn Xiển, phường Hạ Đình, quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội
- Trình độ chuyên môn: Tiến sỹ Sinh học
- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Thành viên HĐQT
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
4/1975 - 8/1980	Đi bộ đội	Chiến sỹ
9/1980 - 12/1984	Đại học Tổng hợp Hà Nội	Sinh viên
1/1985 - 9/2015	Công ty TNHH MTV Viện Thuốc lá	Kỹ sư - Trưởng phòng Sinh học
10/2015 - 4/2018	Công ty Cổ phần Miza	Cố vấn cấp cao
6/2018 - nay	Công ty Cổ phần Miza	Thành viên HĐQT

- Số cổ phần nắm giữ của cá nhân và những người có liên quan: 311.691 cổ phần, chiếm 0,31% vốn điều lệ, trong đó:
 - + Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ.
 - + Cá nhân sở hữu: 128.260 cổ phần, chiếm 0,13% vốn điều lệ
 - + Sở hữu của những người có liên quan: 183.431 cổ phần, chiếm 0,18% vốn điều lệ.
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Quyền lợi mẫu thuẫn với lợi ích Công ty: Không.

e. Ông Đinh Tấn Hưng - Thành viên HĐQT

- Họ và tên: Đinh Tấn Hưng
- Giới tính: Nam
- Ngày, tháng, năm sinh: 01/08/1977
- Nơi sinh: Nghĩa Hành, Quảng Ngãi
- Quốc tịch: Việt Nam
- Số CMND/CCCD: 031077004653, Ngày cấp: 16/04/2021, Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: Căn hộ 15 tầng 35 nhà Park 5, khu đô thị Times City, phường Mai Động, quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh
- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Thành viên HĐQT
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:

- + Viện trưởng Viện Nghiên cứu Công nghệ Không gian và Dưới nước, Đại học Bách khoa Hà Nội.
- + Chủ tịch HĐQT, Cổ đông sáng lập Công ty Cổ phần VHV HITECH
- + Chủ tịch HĐQT, Cổ đông sáng lập Công ty Cổ phần I&I HITECH
- + Phó Chủ tịch kiêm Tổng thư ký Hội Hữu nghị Việt Nam - Ucraina Thành phố Hà Nội; Ủy viên BCH Hội Hữu nghị Việt Nam - Ucraina Trung ương
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
12/2011 - nay	Bộ môn Kỹ thuật Hàng không và Vũ trụ, Viện cơ khí Động lực, Trường Đại học Bách khoa Hà Nội	Giảng viên
4/2014 - 10/2017	Viện nghiên cứu Công nghệ Không gian và Dưới nước, Trường Đại học Bách khoa Hà Nội	Phó Viện trưởng
10/2017 - nay	Viện nghiên cứu Công nghệ Không gian và Dưới nước, Trường Đại học Bách khoa Hà Nội	Viện trưởng
8/2017 - nay	Công ty Cổ phần VHV HITECH	Chủ tịch HĐQT, Cổ đông sáng lập
5/2019 - nay	Công ty Cổ phần I&I HITECH	Chủ tịch HĐQT, Cổ đông sáng lập
8/2012 - 8/2017	Hội Hữu nghị Việt Nam - Ucraina Thành phố Hà Nội	Phó Tổng thư ký
8/2017 - nay	Hội Hữu nghị Việt Nam - Ucraina Thành phố Hà Nội; Ủy viên BCH Hội Hữu nghị Việt Nam - Ucraina Trung ương	Phó Chủ tịch kiêm Tổng thư ký
6/2018 - nay	Công ty Cổ phần Miza	Thành viên HĐQT

- Số cổ phần nắm giữ của cá nhân và những người có liên quan: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ, trong đó:
 - + Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ.
 - + Cá nhân sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
 - + Sở hữu của những người có liên quan: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ.
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không.

2. Ban kiểm soát

2.1. Danh sách thành viên Ban kiểm soát

STT	Họ tên	Chức danh
1	Ông Vũ Đình Hải	Trưởng Ban kiểm soát
2	Bà Nguyễn Thị Ngọc Lan	Thành viên Ban kiểm soát
3	Bà Lê Thị Phương Thảo	Thành viên Ban kiểm soát

2.2. Thông tin Sơ yếu lý lịch của các thành viên Ban kiểm soát

a. Ông Vũ Đình Hải - Trưởng Ban kiểm soát

- Họ và tên: Vũ Đình Hải
- Giới tính: Nam
- Ngày, tháng, năm sinh: 28/03/1980
- Nơi sinh: Hưng Yên
- Quốc tịch: Việt Nam
- Số CMND/CCCD: 033080013474, Ngày cấp: 25/02/2022, Nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: Cương Chính, Tiên Lữ, Hưng Yên
- Trình độ chuyên môn: Tài chính – Ngân hàng
- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Trưởng Ban kiểm soát
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:
- + Giám đốc Công ty TNHH HKT Global
- + Tổng Giám đốc Công ty TNHH Tư vấn và Thẩm Định Giá SGP
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
2004 - 2006	Công ty CP Lilama 69-3	Nhân viên
2006 - 3/2016	Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội	Nhân viên
4/2016 - 12/2017	Công ty TNHH Kiểm toán CIMEICO	Phó Tổng Giám đốc
1/2018 - 4/2020	Công ty TNHH Kiểm toán Việt Tin	Phó Giám đốc
9/2017 - nay	Công ty TNHH HKT Global	Giám đốc
6/2018 - nay	Công ty Cổ phần Miza	Trưởng Ban Kiểm soát
5/2019 đến - nay	Công ty TNHH Tư vấn và Thẩm Định Giá SGP	Tổng Giám đốc

- Số cổ phần nắm giữ của cá nhân và những người có liên quan: 161.977 cổ phần, chiếm 0,16% vốn điều lệ, trong đó:

- + Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
- + Cá nhân sở hữu: 161.977 cổ phần, chiếm 0,16% vốn điều lệ
- + Sở hữu của những người có liên quan: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ.
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Quyền lợi mẫu thuẫn với lợi ích Công ty: Không.

b. Bà Nguyễn Thị Ngọc Lan - Thành viên Ban kiểm soát

- Họ và tên: Nguyễn Thị Ngọc Lan
- Giới tính: Nữ
- Ngày, tháng, năm sinh: 26/10/1983
- Nơi sinh: Tân Hồng – Ba Vì – Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Số CMND/CCCD: 001183033030, Ngày cấp: 18/05/2023, Nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: Cổ Miếu – Thụy Lâm – Đông Anh – Hà Nội
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán
- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Thành viên Ban kiểm soát
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Nhân viên tại Công ty TNHH Nhôm Việt Ý
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
05/2005 - 11/2021	Công ty Cổ phần Cơ khí Đông Anh Licogi	Nhân viên
12/2021 - 7/2023	Công ty TNHH Nhôm Việt Ý	Nhân viên
6/2018 - nay	Công ty Cổ phần Miza	Thành viên Ban kiểm soát

- Số cổ phần nắm giữ của cá nhân và những người có liên quan: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ, trong đó:
 - + Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ.
 - + Cá nhân sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
 - + Sở hữu của những người có liên quan: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ.
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Quyền lợi mẫu thuẫn với lợi ích Công ty: Không.

c. Bà Lê Thị Phương Thảo - Thành viên Ban kiểm soát

- Họ và tên: Lê Thị Phương Thảo

- Giới tính: Nữ
- Ngày, tháng, năm sinh: 01/06/1987
- Nơi sinh: Đại Mạch, Đông Anh, Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Số CMND/CCCD: 001187052384, Ngày cấp: 24/07/2021, Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: Tổ 1, Thị trấn Đông Anh, Hà Nội
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán
- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Thành viên Ban kiểm soát
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Nhân viên tại Công ty TNHH Blueline
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
12/2010 - 2/2013	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thương mại An Phương	Nhân viên
3/2013 - 7/2021	Công ty Cổ phần CKB	Nhân viên
8/2021 - nay	Công ty TNHH Blueline	Nhân viên
6/2018 - nay	Công ty Cổ phần Miza	Thành viên Ban kiểm soát

- Số cổ phần nắm giữ của cá nhân và những người có liên quan: 50.000 cổ phần, chiếm 0,05% vốn điều lệ, trong đó:
 - + Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ.
 - + Cá nhân sở hữu: 50.000 cổ phần, chiếm 0,05% vốn điều lệ
 - + Sở hữu của những người có liên quan: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ.
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Quyền lợi mẫu thuẫn với lợi ích Công ty: Không.

3. Tổng Giám đốc và người quản lý khác

3.1. Danh sách thành viên Ban Tổng Giám đốc

STT	Họ tên	Chức danh
1	Lê Văn Hiệp	Tổng Giám đốc
2	Hoàng Thị Thu Giang	Phó Tổng Giám đốc
3	Vũ Anh Trà	Phó Tổng Giám đốc
4	Nguyễn Hữu Tú	Phó Tổng Giám đốc

3.2. Thông tin Sơ yếu lý lịch của các thành viên Ban Tổng Giám đốc

a. Ông Lê Văn Hiệp - Tổng Giám đốc

Đã trình bày ở mục HĐQT.

b. Bà Hoàng Thị Thu Giang - Phó Tổng Giám đốc

- Họ và tên: Hoàng Thị Thu Giang
- Giới tính: Nữ
- Ngày, tháng, năm sinh: 14/10/1975
- Nơi sinh: Thị trấn Đông Anh - Huyện Đông Anh - TP. Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Số CMND/CCCD: 001175020057, Ngày cấp: 22/11/2021, Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: Tổ 4 Thị trấn Đông Anh, Huyện Đông Anh, TP. Hà Nội
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Ngoại giao
- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Phó Tổng Giám đốc
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Giám đốc Công ty cổ phần địa ốc Bắc Thăng Long
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
4/1998 - 6/2016	Công ty TNHH Khu công nghiệp Thăng Long – TLIP (Nhật Bản)	Phó Tổng quản lý Ban quản trị nội bộ
7/2022 – nay	Công ty cổ phần địa ốc Bắc Thăng Long	Giám đốc
7/2016 - nay	Công ty cổ phần Miza	Phó Tổng Giám đốc

- Số cổ phần nắm giữ của cá nhân và những người có liên quan: 33.813.914 cổ phần, chiếm 33,84% vốn điều lệ, trong đó:
 - + Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ.
 - + Cá nhân sở hữu: 4.540.119 cổ phần, chiếm 4,54% vốn điều lệ
 - + Sở hữu của những người có liên quan: 29.273.795 cổ phần, chiếm 29,30% vốn điều lệ.
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không.

c. Ông Vũ Anh Trà - Phó Tổng Giám đốc

- Họ và tên: Vũ Anh Trà
- Giới tính: Nam
- Ngày, tháng, năm sinh: 12/09/1983
- Nơi sinh: Nam Định
- Quốc tịch: Việt Nam
- Số CMND/CCCD: 036083010443, Ngày cấp: 07/12/2022, Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về

TTXH

- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: Thôn Cựu Hào, Vĩnh Hào, Vụ Bản, Nam Định
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Phó Tổng Giám đốc
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: không
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
10/2010 – 6/2012	Công ty Cổ Phần sản xuất giấy Mỹ Hương	Tổ trưởng phân xưởng
6/2012 – 8/2014	Công ty Cổ phần giấy Vạn Điểm	Phó phân xưởng
8/2014 – 1/2022	Công ty Cổ phần Miza	Giám đốc sản xuất
T1/2022 đến nay	Công ty Cổ phần Miza	Phó Tổng giám đốc

- Số cổ phần nắm giữ của cá nhân và những người có liên quan: 379.822 cổ phần, chiếm 0,38% vốn điều lệ, trong đó:
 - + Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ.
 - + Cá nhân sở hữu: 379.155 cổ phần, chiếm 0,38% vốn điều lệ
 - + Sở hữu của những người có liên quan: 667 cổ phần, chiếm 0,001% vốn điều lệ.
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Quyền lợi mẫu thuẫn với lợi ích Công ty: Không.

d. Ông Nguyễn Hữu Tú - Phó Tổng Giám đốc

- Họ và tên: Nguyễn Hữu Tú
- Giới tính: Nam
- Ngày, tháng, năm sinh: 27/02/1989
- Nơi sinh: Thanh Hóa
- Quốc tịch: Việt Nam
- Số CMND/CCCD: 038089000745, Ngày cấp: 30/11/2022, Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: 14/5 Cột Cờ, Tân Sơn, Tp Thanh Hóa, Thanh Hóa
- Trình độ chuyên môn: Tài chính - Ngân hàng, Luật
- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Phó Tổng Giám đốc
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: không
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
2011-2017	Vietcombank – Chi nhánh Ba Đình	Chuyên viên tín dụng KHDN
2018 - 2019	CN Hà Nội - CT CP tư vấn tài chính và giá cả Quảng Nam	GD chi nhánh
2019- 2021	VCCI	- Tổ chức các chương trình đào tạo cho Doanh nghiệp là hội viên của VCCI
T9/2023 - nay	Công ty cổ phần Miza	Phó Tổng giám đốc

- Số cổ phần nắm giữ của cá nhân và những người có liên quan: 1.404.082 cổ phần, chiếm 1,41% vốn điều lệ, trong đó:
- + Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ.
- + Cá nhân sở hữu: 1.404.082 cổ phần, chiếm 1,41% vốn điều lệ
- + Sở hữu của những người có liên quan: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ.
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Quyền lợi mẫu thuẫn với lợi ích Công ty: Không

4. Kế hoạch tăng cường quản trị Công ty

Hiện tại, Điều lệ của Công ty Cổ phần Miza được ban hành căn cứ trên Luật Doanh nghiệp 2020 và Thông tư số 116/2020/TT-BCTC hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng. Sau khi được chấp thuận đăng ký đại chúng, Công ty sẽ triển khai xây dựng các quy chế quản trị phù hợp với các quy định về quản trị công ty áp dụng cho công ty đại chúng và Điều lệ Công ty ban hành. Các quy định nhằm mục tiêu bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông, thiết lập những chuẩn mực về hành vi, đạo đức nghề nghiệp của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát và cán bộ quản lý của công ty. Quy chế quản trị cũng là cơ sở để đánh giá việc thực hiện quản trị công ty của Công ty Cổ phần Miza. Các nguyên tắc quản trị công ty được công ty xây dựng trong quy chế quản trị công ty bao gồm:

- Đảm bảo một cơ cấu quản trị hiệu quả;
- Đảm bảo quyền lợi của cổ đông;
- Đối xử công bằng giữa các cổ đông;
- Đảm bảo vai trò của những người có quyền lợi liên quan đến công ty;
- Minh bạch trong hoạt động của công ty;

Trong trường hợp thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát chưa tuân thủ quy định tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP về số lượng và tiêu chuẩn, Công ty sẽ tiến hành bầu thay thế tại kỳ Đại hội đồng cổ đông gần nhất.

5. Danh sách người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ

Bảng số 45: Danh sách người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ

TT	TÊN TÓ CHỨC/CÁ NHÂN	TK giao dịch CK (nếu có)	Chức vụ tại Công ty (nếu có)	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu CP cuối kỳ (%)	Ghi chú
I	HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ					
1	Ông Nguyễn Tuấn Minh		Chủ tịch HĐQT	27.298.104	27,32	
1.1	Tổ chức có liên quan					
-	Không					
1.2	Cá nhân có liên quan					
-	Nguyễn Ngọc Quyên		Không	0	0	Bố đẻ
-	Phan Thị Quỳnh Hoa		Không	0	0	Mẹ đẻ
-	Vũ Thị Tâm		Không	0	0	Mẹ vợ
-	Hoàng Thị Thu Giang		Phó Tổng Giám đốc	4.540.119	4,54	Vợ
-	Nguyễn Hoàng Tùng		Không	0	0	Con trai
-	Nguyễn Hoàng Sơn		Không	0	0	Con trai
-	Nguyễn Hoàng Nam		Không	0	0	Con trai
-	Nguyễn Thị Quỳnh Anh		Không	2.280.000	2,28	Chị gái
2	Ông Đinh Tiến Ngự		Thành viên HĐQT	1.067.397	1,07	
2.1	Tổ chức có liên quan					
-	Không					
2.2	Cá nhân có liên quan					
-	Nguyễn Thị Huyền		Không	0	0	Mẹ đẻ
-	Vũ Thị Tâm		Không	0	0	Mẹ vợ
-	Hoàng Thị Lan Anh		Không	908.294	0,91	Vợ
-	Đinh Tiến Long		Không	0	0	Con trai
-	Đinh Ngọc Linh		Không	0	0	Con gái
-	Đinh Đức Huy		Không	0	0	Con trai
3	Ông Lê Văn Hiệp		Thành viên HĐQT	1.322.372	1,32	
3.1	Tổ chức có liên quan					
-	Công ty TNHH Miza Nghi Sơn		Không	0	0	Ông Lê Văn

TT	TÊN TỔ CHỨC/CÁ NHÂN	TK giao dịch CK (nếu có)	Chức vụ tại Công ty (nếu có)	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu CP cuối kỳ (%)	Ghi chú
						Hiệp là Tổng Giám đốc
3.2	Cá nhân có liên quan					
-	Đặng Thị Hoa		Không	0	0	Mẹ đẻ
-	Kỳ Quang Thanh		Không	8.200	0,01	Bố vợ
-	Phạm Tuấn Oanh		Không	0	0	Mẹ vợ
-	Kỳ Thị Hải Yến		Không	0	0	Vợ
-	Lê Phan Anh		Không	0	0	Con trai
-	Lê Minh Khang		Không	0	0	Con trai
-	Lê Thị Tuyết Mai		Không	0	0	Chị gái
-	Lê Thị Thủy		Không	0	0	Chị gái
-	Lê Thị Hậu		Không	0	0	Chị gái
-	Lê Thị Vân		Không	0	0	Chị gái
4	Ông Hoàng Tự Lập		Thành viên HĐQT	128.260	0,13	
4.1	Tổ chức có liên quan					
-	Không					
4.2	Cá nhân có liên quan					
-	Vũ Thị Mai		Không	0	0	Vợ
-	Hoàng Thị Mai Phương		Không	183.431	0,18	Con gái
-	Hoàng Quang Minh		Không	0	0	Con trai
-	Hoàng Quang Bằng		Không	0	0	Anh trai
-	Hoàng Thị Hương		Không	0	0	Chị gái
-	Hoàng Thị Hà		Không	0	0	Em gái
5	Đình Tấn Hưng		Thành viên HĐQT	0	0	
5.1	Tổ chức có liên quan					
-	Công ty Cổ phần VHV HITECH		Không	0	0	Ông Đình Tấn Hưng là Chủ tịch HĐQT
-	Công ty Cổ phần I&I HITECH		Không	0	0	

TT	TÊN TỔ CHỨC/CÁ NHÂN	TK giao dịch CK (nếu có)	Chức vụ tại Công ty (nếu có)	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu CP cuối kỳ (%)	Ghi chú
5.2	Cá nhân có liên quan					
-	Lê Quang Chính		Không	0	0	Bố vợ
-	Trần Thị Oanh		Không	0	0	Mẹ vợ
-	Lê Hồng Nhung		Không	0	0	Vợ
-	Đình Tấn Huân		Không	0	0	Con trai
-	Đình Bảo Hân		Không	0	0	Con gái
-	Đình Tấn Hiền		Không	0	0	Con trai
-	Đình Tấn Hoàn		Không	0	0	Em trai
-	Nguyễn Thị Phương		Không	0	0	Em dâu
-	Đình Thị Thanh Huyền		Không	0	0	Chị gái
II	BAN KIỂM SOÁT					
1	Ông Vũ Đình Hải		Trưởng Ban KS	161.977	0,16	
1.1	Tổ chức có liên quan					
-	Không					
1.2	Cá nhân có liên quan					
-	Vũ Xuân Khoát		Không	0	0	Bố đẻ
-	Lương Thị Yên		Không	0	0	Mẹ đẻ
-	Đoàn Phú Dân		Không	0	0	Bố vợ
-	Dương Thị Tuấn		Không	0	0	Mẹ vợ
-	Đoàn Thị Nguyệt Minh		Không	0	0	Vợ
-	Vũ Bảo Lâm		Không	0	0	Con trai
-	Vũ Phú Hưng		Không	0	0	Con trai
-	Vũ Đình Khoa		Không	0	0	Em trai
-	Vũ Thị Xao		Không	0	0	Em dâu
-	Vũ Thị Thu Trang		Không	0	0	Em gái
-	Bùi Hữu Hậu		Không	0	0	Em rể
-	Vũ Thị Mỹ Linh		Không	0	0	Em gái
-	Đoàn Thùy Dung		Không	0	0	Em gái
-	Nguyễn Đức Hiếu		Không	0	0	Em rể
2	Bà Nguyễn Thị Ngọc Lan		Thành viên BKS	0	0	

TT	TÊN TỔ CHỨC/CÁ NHÂN	TK giao dịch CK (nếu có)	Chức vụ tại Công ty (nếu có)	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu CP cuối kỳ (%)	Ghi chú
2.1	Tổ chức có liên quan					
-	Không					
2.2	Cá nhân có liên quan					
-	Nguyễn Minh Thư		Không	0	0	Bố đẻ
-	Nguyễn Thị Hà		Không	0	0	Mẹ đẻ
-	Trần Văn Bát		Không	0	0	Bố chồng
-	Phạm Thị Tâm		Không	0	0	Mẹ chồng
-	Trần Mạnh Tuấn		Không	0	0	Chồng
-	Trần Thùy Linh		Không	0	0	Con gái
-	Trần Việt Long		Không	0	0	Con trai
-	Nguyễn Thị Hải Yến		Không	0	0	Em gái
-	Nguyễn Thành Đạt		Không	0	0	Em trai
-	Nguyễn Trí Hiếu		Không	0	0	Em trai
3	Bà Lê Thị Phương Thảo		Thành viên BKS	50.000	0,05	
3.1	Tổ chức có liên quan					
-	Không					
3.2	Cá nhân có liên quan					
-	Lê Quang Việt		Không	0	0	Bố đẻ
-	Nguyễn Thị Thêu		Không	0	0	Mẹ đẻ
-	Nguyễn Văn Di		Không	0	0	Bố chồng
-	Lê Thị Chanh		Không	0	0	Mẹ chồng
-	Nguyễn Văn Chuyển		Không	0	0	Chồng
-	Nguyễn Lê Ngọc Trâm		Không	0	0	Con gái
-	Nguyễn Lê Song Thư		Không	0	0	Con gái
-	Nguyễn Lê Anh Khang		Không	0	0	Con trai
-	Lê Hồng Thủy		Không	0	0	Em gái
III	BAN ĐIỀU HÀNH					

TT	TÊN TỔ CHỨC/CÁ NHÂN	TK giao dịch CK (nếu có)	Chức vụ tại Công ty (nếu có)	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu CP cuối kỳ (%)	Ghi chú
1	Ông Lê Văn Hiệp		Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc	1.322.372	1,32	
1.1	Đã trình bày ở mục I/3-Thành viên HĐQT					
2	Bà Hoàng Thị Thu Giang		Phó Tổng giám đốc	4.540.119	4,54	
2.1	Tổ chức có liên quan					
-	Không có					
2.2	Cá nhân có liên quan					
-	Nguyễn Ngọc Quyên		Không	0	0	Bố chồng
-	Phạm Thị Quỳnh Hoa		Không	0	0	Mẹ chồng
-	Vũ Thị Tâm		Không	0	0	Mẹ đẻ
-	Nguyễn Tuấn Minh		Chủ tịch HĐQT	27.298.104	27,32	Chồng
-	Nguyễn Hoàng Tùng		Không	0	0	Con trai
-	Nguyễn Hoàng Sơn		Không	0	0	Con trai
-	Nguyễn Hoàng Nam		Không	0	0	Con trai
-	Hoàng Thị Lan Anh			908.294	0,91	Chị gái
-	Đình Tiến Ngự		Thành viên HĐQT	1.067.397	1,07	Anh rể
3	Ông Vũ Anh Trà		Phó Tổng Giám đốc	379.155	0,38	
3.1	Tổ chức có liên quan					
-	Không có					
3.2	Cá nhân có liên quan					
-	Vũ Trọng Từ		Không	0	0	Bố đẻ
-	Vũ Xuân Hải		Không	0	0	Bố vợ
-	Vũ Thị Nhung		Không	667	0,001	Vợ
-	Vũ Khuê		Không	0	0	Con trai
-	Vũ Trọng Quý		Không	0	0	Con trai
-	Vũ Sơn Lâm		Không	0	0	Anh Trai

TT	TÊN TỒ CHỨC/CÁ NHÂN	TK giao dịch CK (nếu có)	Chức vụ tại Công ty (nếu có)	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu CP cuối kỳ (%)	Ghi chú
-	Vũ Thị Thu Hà		Không	0	0	Chị gái
4	Ông Nguyễn Hữu Tú		Phó Tổng Giám đốc	1.404.082	1,41	
4.1	Tổ chức có liên quan					
-	Không có					
4.2	Cá nhân có liên quan					
-	Nguyễn Hữu Thái		Không	0	0	Bố đẻ
-	Nguyễn Thị Thoa		Không	0	0	Mẹ đẻ
-	Nguyễn Trần Bảo Linh		Không	0	0	Con gái
-	Nguyễn Trần Ngọc Khuê		Không	0	0	Con gái
-	Nguyễn Hữu Bảo Minh		Không	0	0	Con trai
-	Nguyễn Trần Minh Ngọc		Không	0	0	Con gái
-	Nguyễn Hữu Tài		Không	0	0	Em trai
IV	KẾ TOÁN TRƯỞNG					
1	Bà Nguyễn Thị Thoa		Kế toán trưởng	0	0	
1.1	Tổ chức có liên quan					
-	Không có					
1.2	Cá nhân có liên quan					
-	Nguyễn Xuân Sang		Không	0	0	Bố đẻ
-	Đoàn Thị Kim Anh		Không	0	0	Mẹ đẻ
-	Nguyễn Hà Quang		Không	0	0	Bố chồng
-	Nguyễn Thị Mão		Không	0	0	Mẹ chồng
-	Nguyễn Hà Thọ		Không	0	0	Chồng
-	Nguyễn Thùy Dương		Không	0	0	Con gái
-	Nguyễn Thùy Trang		Không	0	0	Con gái
-	Nguyễn Thị Minh Thư		Không	0	0	Em gái
-	Đỗ Thành Công		Không	0	0	Em rể

6. Thống kê giao dịch giữa Công ty với người có liên quan theo quy định

Bảng số 46: Danh sách bên liên quan với công ty tại ngày 31/12/2023

STT	Bên liên quan	Mối quan hệ
1	Công ty TNHH Miza Nghi Sơn	Công ty con
2	Công ty TNHH Blueline	Công ty liên kết đến ngày 30/06/2023
3	Công ty TNHH Depak	Công ty liên kết đến ngày 30/06/2023
4	Ông Nguyễn Tuấn Minh	Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc đến ngày 01/01/2022
5	Ông Đinh Tiến Ngự	Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc đến ngày 01/07/2023
6	Ông Hoàng Tự Lập	Thành viên HĐQT
7	Ông Đinh Tấn Hưng	Thành viên HĐQT
8	Ông Lê Văn Hiệp	Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc từ ngày 01/07/2023
9	Ông Vũ Đình Hải	Trưởng ban kiểm soát
10	Bà Hoàng Thị Thu Giang	Phó Tổng Giám đốc
11	Ông Vũ Anh Trà	Phó Tổng Giám đốc
12	Ông Nguyễn Hữu Tú	Phó Tổng Giám đốc từ ngày 01/09/2023

(Nguồn: BCTC riêng năm 2023 của Công ty)

Bảng số 47: Những giao dịch trọng yếu của công ty với các bên liên quan

Đơn vị tính: đồng

STT	Bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	Năm 2023
1	Công ty TNHH Miza Nghi Sơn	Công ty con	Lợi nhuận được chia	40.000.000.000
			Lợi nhuận đã thu	7.800.130.511
			Góp vốn	173.000.000.000
2	Công ty TNHH Blue Line	Công ty liên kết đến ngày 30/06/2023	Thoái vốn	147.000.000.000
3	Công ty TNHH Depak	Công ty liên kết đến ngày 30/06/2023	Thoái vốn	36.000.000.000

(Nguồn: BCTC riêng năm 2023 của Công ty)

III. PHÂN PHỤ LỤC

1. Phụ lục I: Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0105028958 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp thay đổi lần thứ 14 ngày 27/12/2021.
2. Phụ lục II: Điều lệ Công ty Cổ phần Miza;
3. Phụ lục III: Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất đã kiểm toán của năm 2022;
4. Phụ lục IV: Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0105028958 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp thay đổi lần thứ 15 ngày 19/12/2023.
5. Phụ lục V: Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất đã kiểm toán của năm 2023.

[Phần này của trang được cố ý bỏ trống]

Hà Nội, ngày 26 tháng 04 năm 2024

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



NGUYỄN TUẤN MINH

